

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
2. Mục đích nghiên cứu luận văn.....	5
3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu.....	5
4. Giả thuyết khoa học.....	6
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
6. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu.....	6
7. Phương pháp nghiên cứu.....	7
8. Luận điểm bảo vệ.....	10
9. Kết quả nghiên cứu của luận văn.....	10
10. Nơi thực hiện đề tài.....	11
11. Bố cục đề tài luận văn.....	11
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SỰ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC.....	12
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề.....	12
1.1.1. Công trình nghiên cứu về tiếp cận năng lực.....	12
1.1.2. Các công trình nghiên cứu về khoa học sự phạm ứng dụng, quản lý khoa học sự phạm ứng dụng.....	15
1.1.3. Khái quát các công trình nghiên cứu và vấn đề đặt ra luận văn tiếp tục giải quyết.....	26
1.2. Những vấn đề lý luận về hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.....	28
1.2.1. Năng lực và tiếp cận năng lực.....	28
1.2.2. Giáo viên và năng lực của giáo viên Trung học phổ thông.....	31
1.2.3. Nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng.....	38
1.2.4. Nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông.....	40
1.2.5. Nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.....	43
1.3. Những vấn đề lý luận về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.....	49
1.3.1. Quản lý, quản lý giáo dục.....	49
1.3.2. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.....	53
1.3.3. Nội dung quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực..	55
1.4. Những yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng trong trường trung học phổ thông.....	62
1.4.1. Tác động từ xu thế phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và địa	

phương.....	62
1.4.2. Tác động từ chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng, Nhà nước và địa phương.....	63
1.4.3. Tác động từ quá trình đổi mới giáo dục và nhiệm vụ của nhà trường THPT hiện nay.....	64
1.4.4. Tác động quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường trung học phổ thông.....	66
1.4.5. Tác động từ môi trường sư phạm và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường Trung học phổ thông.....	67
1.4.6. Tác động từ thực trạng phẩm chất và năng lực của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên ở các trường trung học phổ thông hiện nay.....	68
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÀO CAI THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC .	71
2.1. Khái quát chung về văn hóa, giáo dục tỉnh Lào Cai.....	71
2.1.1. Khái quát chung về văn hóa.....	71
2.1.2. Khái quát chung về giáo dục.....	72
2.1.3. Khái quát tình hình giáo dục Trung học phổ thông.....	72
2.2. Tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng.....	75
2.2.1. Mục đích điều tra, khảo sát.....	75
2.2.2. Đối tượng, địa bàn, thời gian điều tra, khảo sát.....	75
2.2.3. Nội dung tiến hành điều tra, khảo sát.....	75
2.2.4. Phương pháp nghiên cứu thực trạng.....	76
2.2.5. Xử lý kết quả khảo sát.....	76
2.3. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai.....	77
2.3.1. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên THPT tỉnh Lào Cai.....	77
2.3.2. Thực trạng nhận thức về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai.....	81
2.3.3. Thực trạng động cơ nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai.....	82
2.3.4. Thực trạng kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai.....	83
2.4. Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai.....	84
2.4.1. Thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường Trung học phổ thông.....	84
2.4.2. Thực trạng quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt	

động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường Trung học phổ thông	87
2.4.3. Thực trạng quản lý nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông.....	90
2.4.4. Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.....	93
2.4.5. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.....	96
2.4.6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.....	98
2.5. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai.....	101
2.6. Đánh giá chung ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng	10
3 2.6.1. Đánh giá chung.....	103
2.6.2. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm.....	105
2.6.3. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.....	108
CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÀO CAI THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC.....	112
3.1. Yêu cầu quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường Trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.....	112
3.1.1. Gắn hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường Trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.....	112
3.1.2. Gắn hoạt động nghiên cứu KHSPƯD với quá trình dạy học và phát triển năng lực của giáo viên ở các trường Trung học phổ thông.....	113
3.1.3. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phải bám sát đặc điểm của các nhà trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai.....	114
3.2. Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.....	115
3.2.1. Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.....	115
3.2.2. Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động	

nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT theo tiếp cận năng lực.....	120
3.2.3. Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn	127
3.2.4. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên ở trường THPT.....	140
3.2.5. Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THPT.....	146
3.2.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực.....	151
3.2.7. Mối quan hệ của các biện pháp.....	158
3.3. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp...	159
3.3.1. Khái quát phương pháp tổ chức khảo nghiệm.....	159
3.3.2. Kết quả khảo nghiệm về tính cấp thiết của các biện pháp.....	160
3.3.3. Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi của các biện pháp.....	162
3.2.4. So sánh tương quan giữa tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất.....	164
3.4. Thử nghiệm biện pháp.....	165
3.4.1. Khái quát chung về phương pháp tổ chức thử nghiệm.....	165
3.4.2. Quy trình thử nghiệm.....	167
3.4.3. Phương pháp xử lý, phân tích kết quả trước và sau thử nghiệm...	168
3.4.4. Kết quả thử nghiệm.....	169
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	173
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA.....	176
NGHIÊN CỨU SINH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN.....	176
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	177
PHỤ LỤC.....	187

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
DTNT	Dân tộc nội trú
UBND	Ủy ban nhân dân
GDPT	Giáo dục phổ thông
PTDT	Phổ thông dân tộc
NCS	Nghiên cứu sinh
YT	Yếu tố
TT	Thực trạng
NL	Năng lực
KN	Kỹ năng
HD	Hoạt động
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giáo viên
CBQL	Cán bộ quản lí
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa-hiện đại hóa
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
KHSPƯD	Khoa học sư phạm ứng dụng
QLGD	Quản lí giáo dục
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG

TT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 1.1: Hệ thống năng lực hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường THPT	48
2	Bảng 2.1: Quy mô hệ thống giáo dục THPT tỉnh Lào Cai	73
3	Bảng 2.2. Thực trạng trình độ đào tạo của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai	77
4	Bảng 2.3. Thực trạng năng lực NC KHSPƯD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai	79
5	Bảng 2.4. Thực trạng nhận thức của GV, CBQL trường THPT tỉnh Lào Cai về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD	81
6	Bảng 2.5. Thực trạng động cơ nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai	82
7	Bảng 2.6. Thực trạng kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai năm 2018	83
8	Bảng 2.7. Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động NCKHSPƯD ở trường THPT	85
9	Bảng 2.8. Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT	88
10	Bảng 2.9. Thực trạng quản lý lực lượng nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT	91
11	Bảng 2.10. Thực trạng quản lý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD	94
12	Bảng 2.11. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD.	97

13	Bảng 2.12. Thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	99
14	Bảng 2.13. Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở các trường THPT	101
15	Bảng 2.14: Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên các trường THPT	104
16	Bảng 3.1. Kết quả khảo sát tính cấp thiết của các biện pháp	160
17	Bảng 3.2. Kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp	162
18	Bảng 3.3. Tương quan giữa tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp	164
19	Bảng 3.4: Đội ngũ giáo viên các trường tham gia thử nghiệm	166
20	Bảng 3.5. Khảo sát một số năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm	169
21	Bảng 3.6. Các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV sau khi thử nghiệm	170

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

TT	Tên biểu đồ	Trang
1	Biểu đồ 2.1: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của giáo viên	86
2	Biểu đồ 2.2: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT	89
3	Biểu đồ 2.3: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý lực lượng NCKHSPƯĐ ở trường THPT	92
4	Biểu đồ 2.4: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ	95
5	Biểu đồ 2.5: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý xây dựng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKHSPƯĐ	98
6	Biểu đồ 2.6: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ	100
7	Biểu đồ 2.7: So sánh mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố	102
8	Biểu đồ 3.1: So sánh tính cấp thiết của các biện pháp	161
9	Biểu đồ 3.2: So sánh tính khả thi của các biện pháp	163
10	Biểu đồ 3.3. So sánh tương quan về điểm trung bình của tính cấp thiết với	164

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Việc cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của giáo viên các trường trung học phổ thông. Nghiên cứu khoa học là một con đường cải tiến chất lượng dạy học và giáo dục. Đây cũng là nhiệm vụ hàng năm của GV. Nghiên cứu của họ thường đúc rút những kinh nghiệm thực tiễn, vận dụng, phổ biến cho đồng nghiệp. Điều này mặc dù đúng định hướng trong Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 Ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông nhưng phần lớn các sáng kiến kinh nghiệm trong thời gian qua có tính ứng dụng không cao, mang nặng tính hình thức và được xuất phát từ động cơ xét thi đua vào cuối mỗi năm học. Vì thế, một hướng dẫn cụ thể triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giáo viên trường trung học phổ thông là rất cần thiết để nâng cao chất lượng ứng dụng khoa học vào thực tiễn giáo dục ở bậc học một cách hiệu quả.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững”, đồng thời chủ trương “hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm, gắn với đào tạo và sản xuất kinh doanh” [2].

Nghị quyết số 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI viết “Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lí, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục” [1]. Mặt khác, theo Điều 31: Nhiệm vụ của giáo viên trường trung học, ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu đối với giáo viên trường trung học phổ thông “chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng”, được điều chỉnh theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT [15].

Yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục, việc thực hiện các nghiên cứu KHSPƯD sẽ trở thành quy định đối với giáo viên bậc học trung học phổ thông. Nó đã và đang thực hiện bởi tính ứng dụng, tính quy chuẩn và đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và phổ biến của các nghiên cứu này.

Quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD trong nhà trường có thể mang lại nhiều lợi ích vì: Giúp giáo viên có tư duy hệ thống và khả năng giải quyết vấn đề chuyên môn để cải thiện nhà trường; nâng cao khả năng giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định trong giảng dạy vì nghiên cứu KHSPƯD tạo cơ sở vững chắc cho việc ra quyết định; thúc đẩy giáo viên rèn luyện phương pháp nhìn lại cả quá trình và tự đánh giá; truyền động lực và cam kết không ngừng hoàn thiện; tác động trực tiếp tới thực tiễn giảng dạy, học tập và quản lý; thúc đẩy sự phát triển chuyên môn của giáo viên, khi giáo viên đã thực hiện nghiên cứu KHSPƯD thì họ sẽ không dễ dàng chấp nhận những việc làm chỉ mang tính lý thuyết, thể hiện phương pháp mới một cách hình thức hoặc chỉ dựa vào giá trị bề ngoài của chúng.

Sự phát triển nghề nghiệp của mỗi giáo viên là mục tiêu và là một nội dung trong chiến lược phát triển của nhà trường, trong đó đặc biệt nhấn mạnh sự phát triển năng lực của đội ngũ này. Tiếp cận năng lực vì thế là tiếp cận được quan tâm nhiều của các nghiên cứu đặt trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Tiếp cận này rất phù hợp để định hướng sự hình thành năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho giáo viên, dựa vào năng lực hiện có của giáo viên và lấy năng lực là mục tiêu bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên.

Hoạt động quản lý nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai còn có bất cập. Một số Hiệu trưởng chưa hiểu rõ vai trò, tầm quan trọng của hoạt động này trong nhà trường do đó chỉ đạo chưa sát, quản lý chưa đúng quy trình; còn giáo viên coi nhẹ hoạt động nghiên cứu KHSPƯD, chưa áp dụng vào nâng cao chất lượng các hoạt động giảng dạy và hoạt động giáo dục tiếp cận năng lực của người học. Kết quả nghiên cứu chưa tương xứng với

tiềm lực và quy mô giáo dục tại các trường và một số giáo viên chưa tham gia nghiên cứu KHSPƯD, số đề tài có chất lượng tốt chưa nhiều. Nguyên nhân của những tồn tại trên có thể từ giáo viên - đối tượng quản lý - là người thực hiện công tác giảng dạy, nghiên cứu KHSPƯD; cũng có thể từ CBQL- là chủ thể quản lý hoặc đồng thời có thể từ cả đối tượng và chủ thể quản lý.

Thực tế trên đã đặt ra cho các trường THPT của tỉnh Lào Cai là không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Từ đó nâng cao chất lượng của hoạt động dạy học và chất lượng giáo dục nhà trường. Điều đó đặt ra cho các trường THPT Lào Cai phải xem xét một cách tổng thể việc tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Chính những lý do khách quan nói trên trong quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD tại các trường THPT cùng sự mong mỏi chủ quan, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài ***“Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn này.

2. Mục đích nghiên cứu luận văn

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, khảo sát đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu KHSPƯD để cải thiện chất lượng dạy học ở các trường THPT tỉnh Lào Cai.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

3.1. *Khách thể nghiên cứu:* Hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông.

3.2. *Đối tượng nghiên cứu:* Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

4. Giả thuyết khoa học

Việc cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của giáo viên các trường trung học phổ thông. Trong đó nghiên cứu KHSPƯD là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của giáo viên trường THPT. Để thực hiện được nhiệm vụ đó thì hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nhằm đáp ứng sự thay đổi theo hướng tích cực hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực học sinh trung học phổ thông là rất cần thiết. Tuy vậy, chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT ở tỉnh Lào Cai chưa đem lại hiệu quả. Nếu nghiên cứu kỹ lý luận và khảo sát, đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng theo tiếp cận năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên THPT ở tỉnh Lào Cai thì sẽ đề xuất được các biện pháp quản lý phù hợp, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu đầy đủ cơ sở lý luận về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT theo tiếp cận năng lực.

5.2. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai, tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai.

5.4. Tổ chức thử nghiệm biện pháp bồi dưỡng nghiên cứu KHSPƯD tại 4 trường THPT tỉnh Lào Cai.

6. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

6.1. *Địa bàn:* Luận văn giới hạn nghiên cứu tại các trường THPT tỉnh Lào Cai (Trong đó có trường chuyên, trường DTNT, trường vùng thuận lợi, trường vùng cao, khó khăn).

6.2. Khách thể khảo sát:

- Nhóm 1: Chuyên gia, chuyên viên Sở GD&ĐT, cán bộ quản lý trường THPT.
- Nhóm 2: Giáo viên các trường THPT.

6.3. Giới hạn nội dung nghiên cứu:

(1) Nghiên cứu vấn đề lý luận hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực.

(2) Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ; thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2020.

(3) Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

(4) Khảo nghiệm và thử nghiệm các các biện pháp quản lý đã đề xuất.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục và quản lý giáo dục. Cụ thể, luận văn quán triệt các lý thuyết và quan điểm tiếp cận như sau:

- Luận văn được thực hiện dựa trên lý thuyết phát triển năng lực trong giáo dục. Đây là cơ sở để đề tài luận văn tiếp tục nghiên cứu lý thuyết về năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên, xác định mối quan hệ giữa năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ với năng lực sư phạm của giáo viên.

- Tiếp cận hệ thống – cấu trúc. Xem xét các vấn đề về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên trong mối quan hệ với hoạt động sư phạm, trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở nhà trường THPT hiện nay.

- Tiếp cận lịch sử - logic. Xem xét mọi vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo quan điểm lịch sử và logic. Tức là

các quan điểm về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên đã được nghiên cứu qua các giai đoạn và bối cảnh lịch sử cụ thể như thế nào, những vấn đề gì đang đặt ra hiện nay.

- Tiếp cận thực tiễn – phát triển. Mọi vấn đề về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên được luận giải theo quan điểm tiếp cận thực tiễn và phát triển. Nghĩa là phải đặt vấn đề hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trong bối cảnh thực tiễn của nhà trường, thực tiễn giáo dục của địa phương và đất nước. Phải đánh giá đúng thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên phải hướng vào giải quyết các bất cập trong thực tiễn, cải tạo thực tiễn giáo dục của địa phương trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận:

Nghiên cứu tài liệu, sách, tạp chí khoa học về lí luận hoạt động nghiên cứu KHSPƯD; quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên THPT, từ đó phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề lí luận; làm rõ các khái niệm cốt lõi, về quản lý, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các tài liệu về lí luận quản lý và quản lý giáo dục của các tác giả trong và ngoài nước.

Phân tích, tổng hợp các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản có liên quan của ngành giáo dục và đào tạo về hoạt động nghiên cứu khoa học và đặc biệt là hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên, các văn bản của các địa phương: Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình công tác, kế hoạch của UBND tỉnh Lào Cai và Sở GD&ĐT Lào Cai.

Nghiên cứu các văn bản tổng kết về GD&ĐT để khái quát, đánh giá và luận giải các quan điểm, tư tưởng có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

Phương pháp tọa đàm, phỏng vấn: Trò chuyện, trao đổi, phỏng vấn trực tiếp một số chuyên viên Sở GD&ĐT; Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên có liên quan để tìm hiểu về những vấn đề có liên quan đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường Trung học phổ thông.

Phương pháp điều tra: Sử dụng các mẫu phiếu trưng cầu ý kiến đối với các lực lượng có liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu (chuyên gia, cán bộ quản lý Sở GD&ĐT, cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên các trường trung học phổ thông).

Phương pháp quan sát khoa học: Quan sát quá trình tổ chức hoạt động NCKHSPƯD của giáo viên Trung học phổ thông của một số đơn vị. Nội dung quan sát tập trung vào phương pháp quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch; kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Tiến hành phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên Trung học phổ thông từ đó rút ra những vấn đề liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường Trung học phổ thông.

Phương pháp chuyên gia: Tiến hành trao đổi với các cán bộ Sở GD&ĐT, cán bộ quản lý có kinh nghiệm lâu năm trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Đồng thời xin ý kiến chuyên gia về lĩnh vực quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD trên cơ sở đó hoàn thiện các nội dung nghiên cứu của đề tài.

7.2.3. Phương pháp thống kê, xử lý số liệu

Thống kê toán học và sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để thống kê để phân tích và xử lý số liệu nhằm định lượng kết quả nghiên cứu

7.2.4. Phương pháp khảo nghiệm: Nhằm kiểm tra tính cần thiết, tính khả thi của các giải pháp quản lý đề xuất

7.2.5. Phương pháp thử nghiệm sư phạm: Tiến hành khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp; thử nghiệm một số biện pháp mà đề tài đã đề xuất. Sử dụng các phương pháp toán học để thống kê, lập biểu bảng, xử lý kết quả số liệu để kiểm chứng các kết quả nghiên cứu của đề tài.

8. Luận điểm bảo vệ

8.1. Việc cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của giáo viên các trường trung học phổ thông. Trong đó nghiên cứu KHSPƯD là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của giáo viên trường THPT

8.2. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là nội dung rất quan trọng trong chương trình trường THPT nhưng chưa được xem trọng. Trong khi đó hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng sẽ giúp tìm ra các biện pháp nhằm đáp ứng sự thay đổi theo hướng tích cực hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực học sinh trung học phổ thông. Vì thế, để phát triển năng lực thực hiện hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho đội ngũ giáo viên là nhiệm vụ cần giải quyết của mỗi nhà trường THPT.

8.3. Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT Lào Cai đã thực hiện, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa đem lại hiệu quả, bởi lẽ cán bộ quản lý và giáo viên chưa thấy được tầm quan trọng của hoạt động KHSPƯD theo tiếp cận năng lực, chưa có những biện pháp quản lý hiệu quả, khoa học. Do vậy, muốn nâng cao chất lượng hoạt động KHSPƯD theo tiếp cận năng lực ở các trường THPT tỉnh Lào Cai cần phải nghiên cứu kỹ lý luận, đánh giá đúng thực trạng, xác định rõ các nguyên nhân ảnh hưởng khi đó mới đề xuất được các biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả.

9. Kết quả nghiên cứu của luận văn

9.1. Về lý luận: Luận văn đã nghiên cứu, tổng quan đầy đủ cơ sở lý luận về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT; quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT theo tiếp cận năng lực ở trong nước và quốc tế, hệ thống hóa những khái niệm liên quan đến đề tài,

làm rõ vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý; xây dựng khung lý luận nội dung quản lý nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên các trường THPT dựa theo tiếp cận các chức năng quản lý (Kế hoạch; tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra).

9.2. Về thực tiễn:

- Luận văn đã khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD, quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT tỉnh Lào Cai;

- Đánh giá những nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD; quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT tỉnh Lào Cai;

- Đề xuất được các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD các trường THPT tỉnh Lào Cai.

- Khảo nghiệm và thử nghiệm biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD các trường THPT tỉnh Lào Cai có kết quả cấp thiết và khả thi cao. Kết quả thử nghiệm biện pháp quản lý đem lại hiệu quả cao.

- Đề xuất tài liệu bồi dưỡng “Phương pháp nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT tỉnh Lào Cai”.

10. Nơi thực hiện đề tài

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

11. Bố cục đề tài luận văn

Ngoài phần mở đầu, Tổng quan, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục; Luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.

Chương 2. Thực trạng về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

Chương 3. Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hiện nay là xu thế chung của nghiên cứu khoa học giáo dục thế kỷ XXI, nó không chỉ là hoạt động dành cho những nhà nghiên cứu mà trở thành hoạt động thường xuyên của mỗi giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng còn được coi là nghiên cứu tác động, nhằm tìm kiếm các biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém của hoạt động dạy học và giáo dục như môn học, lớp học, tiết học, trường học, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Trên thế giới, nghiên cứu KHSPƯD được thực hiện từ thế kỷ XIX và được phát triển mạnh mẽ đầu thế kỷ XX. Tại Việt Nam, nghiên cứu KHSPƯD được đưa vào áp dụng từ những năm đầu của thế kỷ XXI, năm 2007, được sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự án Việt Bỉ đã tổ chức tiếp cận và phổ biến cách thức thực hiện đề tài nghiên cứu KHSPƯD dành cho giáo viên phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc, triển khai tại các trường THPT từ năm học 2012-2013 cho đến nay.

1.1.1. Công trình nghiên cứu về tiếp cận năng lực

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Từ những năm 1970, đã có rất nhiều định nghĩa được đưa ra xuất phát từ nhiều hướng tiếp cận trong những bối cảnh khác nhau. Tác giả McClelland (1973) cho rằng “năng lực như là một đặc tính cơ bản để thực hiện công việc”. Theo Boyatzis (1982) thì quan niệm rằng “năng lực như là các đặc tính của một cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao” [128]

Nhóm tác giả Spencer and Spencer (1993) trong nghiên cứu của mình cho rằng “năng lực như là đặc tính cơ bản của một cá nhân (kiến thức, kỹ năng, thái độ, động cơ, nét tiêu biểu và ý niệm về bản thân) có liên quan đến các tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc” [133].

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Dubois và cộng sự (2004) định nghĩa “năng lực là các đặc tính mà cá nhân có được và sử dụng chúng trong những ngữ cảnh thích hợp và nhất quán để đạt được kết quả mong muốn”. Những đặc tính này bao gồm kiến thức, kỹ năng, động cơ, nét tiêu biểu, cách suy nghĩ, cảm nghĩ, hành động... [129].

Tác giả Woodall và Winstanley (1998) cho rằng “năng lực là tập hợp các kiến thức, sự hiểu biết, kỹ năng, phẩm chất, niềm tin và thái độ dẫn đến việc thực hiện công việc hiệu quả theo từng bối cảnh, từng tình huống hoặc vai trò nhất định” [136].

Tiếp cận năng lực trong giáo dục và đào tạo được thực hiện ở các nước phát triển trên thế giới từ những năm 70 của thế kỷ XX. Năm 1977, tại Mỹ có 22 bang thực hiện giáo dục dựa trên tiếp cận năng lực, đến những năm 80 của thế kỷ XX toàn bộ nước Mỹ đã thực hiện tiếp cận năng lực trong giáo dục. Nhà nghiên cứu William E. Blank (1980) đã làm rõ các nguyên tắc khi áp dụng tiếp cận năng lực trong giáo dục, trọng tâm là phát triển chương trình theo hướng tiếp cận năng lực; mục tiêu lớn nhất là đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục, theo tác giả để phát triển chương trình giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực phải xác định rõ đầu ra của người học; cách thức tổ chức giáo dục, tập trung vào các hoạt động của học sinh chứ không phải cách dạy của giáo viên. Fletcher S. (1991, 1992) trong công trình “Designing Competence Based Training” đã đưa ra phương pháp thiết kế giáo dục và đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực; phân tích các thuật đánh giá, các nguyên tắc và thực hành đánh giá theo tiêu chuẩn mục tiêu và sử dụng đánh giá dựa trên năng lực. Tác giả Mike Keating (2012) trong công trình nghiên cứu “Competency Based Training Introduction and Definitions” cho rằng trong giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực để người học chứng tỏ khả năng khi học tập, từ đó hình thành năng lực cá nhân, việc thực hiện này đồng thời hình thành năng lực mới cho giáo viên và học sinh. Theo Key Competencies A developing concept in general compulsory education- *Eurydice* (2002, các nước trong khối EU đã bàn

luận rất sôi nổi về khái niệm *Năng lực chính* (key competence) và tuyên bố: “*để chuẩn bị cho thế hệ trẻ thành công khi đối mặt với những thách thức của xã hội thông tin và nhận được tối đa lợi ích từ những cơ hội mà xã hội đó tạo ra đã trở thành mục tiêu quan trọng của hệ thống GD châu Âu. Nó định hướng cho sự thay đổi chính sách GD, xem xét lại nội dung chương trình và phương pháp dạy- học. Điều đó chắc chắn càng làm gia tăng sự chú ý tới các năng lực cơ bản, cụ thể là những năng lực hướng vào cuộc sống với mục đích suốt đời tham gia xã hội một cách tích cực.*”

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Tiếp cận năng lực người dạy xuất hiện ở nước ta từ những năm 90 của thế kỷ XX, có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Dự án SREM của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2007 nghiên cứu xây dựng bản đồ năng lực của Hiệu trưởng trường phổ thông có bốn nhóm năng lực: Năng lực lãnh đạo trường, năng lực lãnh đạo và quản lý nguồn nhân lực và năng lực quản lý các nguồn lực.

Trong công trình nghiên cứu “Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục” của Nguyễn Thị Thu Hà (2014) tác giả nêu một số khác biệt giữa tiếp cận truyền thống và tiếp cận năng lực, nếu coi tiếp cận truyền thống là tiếp cận nội dung, kiến thức tập trung vào tích lũy kiến thức, nhấn mạnh tới năng lực nhận thức và tiếp cận truyền thống tập trung vào đo lường kiến thức qua các bài thi, tiếp cận theo năng lực tập trung vào phát triển nghề nghiệp giáo viên, từ đó hình thành các năng lực cần thiết cho học sinh. Theo Đặng Bá Lãm (2015) giáo dục hướng tới phát triển năng lực người học, đã làm rõ những yêu cầu cấp bách về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế – xã hội đòi hỏi mỗi cơ sở đào tạo cần nhanh chóng thoát khỏi mô hình giáo dục truyền thống, chuyển sang mô hình giáo dục theo định hướng tiếp cận năng lực người học, chuyển từ việc trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Nghĩa là phải thay đổi quan điểm, mục tiêu dạy học: Từ chỗ chỉ quan tâm tới việc người học học được gì đến chỗ quan tâm tới việc người học làm được cái gì qua việc học.

Nhóm tác giả Phạm Phương Tâm, Lê Thị Thơ với nghiên cứu “Đề xuất mô hình bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học theo hướng tiếp cận CDIO cho giảng viên trường cao đẳng nghề vùng Đồng bằng Sông Cửu Long” cũng đã phân tích cơ sở lý luận và thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề vùng Đồng bằng Sông Cửu Long theo tiếp cận CDIO. Từ đó, làm nền tảng đề xuất mô hình bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, giúp giảng viên tăng khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và hội nhập quốc tế [91].

Nhận xét: nhìn chung có rất nhiều công trình ở nước ngoài cũng như trong nước nghiên cứu theo hướng hướng tiếp cận năng lực, điểm chung của các công trình nghiên cứu này là cách tiếp cận để hình thành năng lực cho người học, để làm được vấn đề này giáo viên phân biệt được năng lực chung, năng lực chuyên biệt trong công tác giảng dạy, nghiên cứu đây là xương sống của vấn đề.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về khoa học sư phạm ứng dụng, quản lý khoa học sư phạm ứng dụng

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài:

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng rất được coi trọng ở nhiều nước trên thế giới trong khoảng mười năm gần đây. Hiện tại, các nước và vùng lãnh thổ đang thực hiện như: Singapore, Hồng Kông, Trung Quốc...

Cuốn tài liệu tập huấn về nghiên cứu KHSPUD của hai tác giả: TS. Soh Kay Cheng và TS. Christopher Tan có nêu: “Giáo viên trong thế kỷ XXI đang phải đối mặt với nhiều thách thức hơn bao giờ hết. Từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, nhiều nước đã và đang thực hiện cải cách giáo dục để đối mặt với sự phát triển nhanh chóng của thế giới. Các quốc gia này đặt ra yêu cầu và mục tiêu giáo dục cao hơn nhằm đào tạo học sinh đáp ứng được nhu cầu của xã hội hiện đại đồng thời cũng yêu cầu giáo viên áp dụng phương

pháp dạy học mới, xây dựng tài liệu giảng dạy mới và thực thi các biện pháp quản lý mới. Nghiên cứu khoa học ứng dụng là một phần trong việc phát triển chuyên môn của giáo viên thế kỷ XXI. Trong nghiên cứu khoa học ứng dụng, giáo viên cần đạt được các kỹ năng: thực hiện nghiên cứu; giải quyết vấn đề; nhìn lại cả quá trình nghiên cứu và tự đánh giá; giao tiếp và hợp tác.

Nghiên cứu KHSPUD trên thế giới phát triển rất mạnh mẽ với các nghiên cứu của Boone (1904), Buckingham (1926), Lewin (1942, 1944, 1946), Coller (1963), Bain (1979), Ebbutt (1985), Hopkins (1985), Elliott (1991).

Trong quá trình nghiên cứu khoa học ứng dụng, giáo viên nghiên cứu kết quả học tập của học sinh liên quan tới việc giảng dạy của họ. Quy trình này giúp giáo viên hiểu thực tế giảng dạy của chính họ và tiếp tục theo dõi sự tiến bộ trong học tập của học sinh” (Rawlinson & Little, 2004).

“Ý tưởng về nghiên cứu KHSPUD xuất phát từ việc: có thể nhận dạng và tìm hiểu rõ nhất nguyên nhân của các vấn đề và hệ quả trong giáo dục ở chính những nơi có sự tác động, đó là lớp học và trường học. Thông qua việc tích hợp nghiên cứu vào các môi trường này và thu hút sự tham gia của những người có liên quan vào hoạt động nghiên cứu, chúng ta có thể áp dụng tức thời kết quả nghiên cứu và giải quyết vấn đề nhanh chóng hơn” (Guskey, 2000).

Nhóm tác giả Keith Howard và John A. Sharp với nghiên cứu “The management of a student research” đã mô tả, phân tích cách thức quản lý kế hoạch nghiên cứu sau khi chọn đề tài, từ đó tiến hành thu thập tài liệu lý luận, tiến hành khảo sát thực tiễn, xử lý và phân tích kết quả nghiên cứu. Đây là nghiên cứu trên học sinh, sinh viên nhưng là gợi ý tốt cho những ý tưởng nghiên cứu của luận văn. [132]

Tác giả Athanassios Jimoyiannis, với nghiên cứu: “Designing and implementing an integrated technological pedagogical science knowledge framework for science teachers professional development” đã báo cáo về thiết kế và việc thực hiện nội dung kiến thức khoa học công nghệ sư phạm (TPASK), một mô hình mới để phát triển nghề nghiệp giáo viên nghiên cứu

khoa học được xây dựng trên cơ sở tích hợp khung được xác định bởi mô hình nội dung kiến thức khoa học công nghệ sư phạm (TPACK) và cách tiếp cận học tập thực sự. Trong chương trình học TPASK và các buổi học liên quan cũng được xây dựng và áp dụng trong bối cảnh chương trình chuẩn bị của giảng viên hướng tới tích hợp công nghệ thông tin trong lớp học thực hành khoa học. Nghiên cứu đã mô tả ngắn gọn về dự án, thành tựu của dự án và nhận thức về những người tham gia, thông qua lăng kính của mô hình phát triển chuyên nghiệp TPASK, được trình bày kết quả đánh giá về tác động của chương trình, cho rằng các giáo viên nghiên cứu khoa học đã báo cáo mô hình TPASK có ý nghĩa và sẵn sàng tăng cường áp dụng trong bối cảnh giáo dục nội dung nghiên cứu khoa học sư phạm và khoa học công nghệ để tương tác, nhằm giải quyết các mô hình chính sách trong tương lai liên quan đến việc chuẩn bị cho giáo viên để tích hợp công nghệ thông tin trong giáo dục. Kết quả của dự án nghiên cứu cũng cho ý tưởng về sự phát triển của giáo viên dựa trên mô hình TPASK đòi hỏi trải nghiệm học tập đích thực với các tình huống thực tế trong lớp. Sự phát triển của giáo viên dựa trên TPASK tiếp tục ngoài các chương trình đào tạo và phải là một phần không thể thiếu của sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên. Khả năng công nghệ thông tin được tích hợp hiệu quả vào thực tiễn của nhà trường thông qua nghiên cứu khoa học của giáo viên được thuyết phục và hiệu quả dựa theo TPASK trong dạy và học. Những phát hiện của nghiên cứu này chứng minh rằng có thể thiết kế các trải nghiệm khóa học phù hợp để giải quyết và phát triển sự hiểu biết của giáo viên về kiến thức các thành phần do khung TPASK đề xuất [125].

Nhóm tác giả Aygul A.Zhumadullaeva và cộng sự, với nghiên cứu “Applying the Findings of Scientific and Pedagogical Research in Values Education” nhằm mục đích trao đổi về quan điểm của giáo viên dạy lịch sử về giá trị và định hướng giá trị của giáo dục đã cho thấy trong hầu hết các trường hợp, công việc của giáo viên lịch sử là nhằm phát triển các giá trị của học sinh, chẳng hạn như sự tận tâm với đất nước và dân tộc quê hương của

họ, lịch sử ý thức, thống nhất, nhân phẩm, độc lập, trau dồi kiến thức về lịch sử và di sản văn hóa, tôn trọng các giá trị dân tộc và tinh thần, các cách thức và các phương pháp hình thành định hướng giá trị của học sinh như phân tích lịch sử, làm với tài liệu lưu trữ, xem phim lịch sử, du ngoạn đến các di tích lịch sử và viện bảo tàng, thực hiện nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu hình thành hệ giá trị trong học sinh ở giờ học lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà giáo dục. Như vậy, với việc áp dụng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào giáo dục giá trị sống cho học sinh, nhóm nghiên cứu đã kết luận có hơn 70% giáo viên cho rằng học sinh có phát triển tốt nhận thức về các giá trị quốc gia, bao gồm cả sự tôn trọng quốc gia và lịch sử và truyền thống thế giới, các nguyên tắc dân chủ của đời sống công cộng, tôn trọng biểu tượng của nhà nước, quốc kỳ, biểu tượng và quốc ca, độc lập, lòng hiếu khách, tự do, tôn trọng người lớn tuổi, yêu nước, chăm sóc người khác và thể chất và trong sạch tinh thần. Điều này cho thấy rằng giáo viên thu hút sự chú ý của học sinh vào các giá trị ngay từ khi còn ở trường trung học [126]

Nhóm tác giả Silvia Moraru, Ioana Stoica, F.F. Popescu, với nghiên cứu “Educational software applied in teaching and assessing physics in high schools” đã cho rằng việc sử dụng phần mềm giáo dục trong giảng dạy và đánh giá kỹ năng và kiến thức Vật lý ở trường phổ thông qua các công cụ giảng dạy từ ứng dụng phần mềm được tương tác và có phản hồi tích cực liên tục để nâng cao chất lượng quá trình dạy và học [135].

Nhóm tác giả Belinda Aeschlimanna, WalterHerzogb, ElenaMakarova, với nghiên cứu “How to foster students’ motivation in mathematics and science classes and promote students’ STEM career choice. A study in Swiss high schools” đã chỉ ra rằng: Các chương trình nhằm tăng sức hấp dẫn từ nghiên cứu ứng dụng STEM tập trung vào những câu hỏi nghiên cứu: Làm thế nào để tăng động lực của học sinh trung học trong các lớp học toán, vật lý và hóa học và nâng cao động lực học của học sinh trong học môn toán và môn

khoa học có tác động gì đến việc lựa chọn nghề nghiệp qua giáo dục STEM? Việc áp dụng mô hình STEM, đã cung cấp bằng chứng cho thấy động cơ học tập của học sinh được thúc đẩy tích cực. Hơn nữa, kết quả cho thấy rằng các lớp học đều làm tăng giá trị động lực của học sinh khi học toán và các môn khoa học ở học sinh [127].

Tác giả Imam Gunawan, với nghiên cứu “Instructional Management in Indonesia”. Kết quả nghiên cứu chỉ ra: (1) quy trình quản lý giảng dạy được áp dụng là từ việc lập kế hoạch các hoạt động học tập, việc thực hiện các hoạt động học tập, và đánh giá các hoạt động học tập; (2) các ràng buộc phải đối mặt với các giáo án tham chiếu của giáo viên đến giáo án năm 2013; ứng dụng của cách tiếp cận khoa học tối ưu hơn dựa vào kết quả học tập của học sinh bao gồm ba lĩnh vực học tập đó là thái độ, kiến thức và kỹ năng; (3) một giải pháp thay thế giải pháp cho các vấn đề gặp phải là cần tổ chức các hoạt động trợ giúp cho giáo viên về triển khai Chương trình giảng dạy năm 2013, thảo luận về kế hoạch học tập, phương pháp tiếp cận khoa học, mô hình học tập và đánh giá kết quả học tập của học sinh ở Trường Trung học Juniors trong Thành phố Malang, Indonesia [131].

Nhận xét: Có rất nhiều công trình nghiên cứu về khoa học sư phạm ứng dụng và quản lý khoa học sư phạm ứng dụng trên thế giới viết, các công trình được viết và trình bày khá khoa học; giúp vận dụng vào trong các cấp học; các công trình chỉ rõ nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và quản lý nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng có vai trò rất quan trọng. Kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng không những thay đổi hiện trạng, nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng giáo dục nhà trường mà còn nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, cán bộ quản lý. Quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đơn giản nhưng tính ứng dụng cao, gắn với thực tiễn, có hiệu quả ngay trong năm học và phù hợp với tất cả đối tượng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam:

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững”, đồng thời chủ trương “hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm, gắn với đào tạo và sản xuất kinh doanh”

Nghị quyết số 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng đã chỉ rõ “Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục”.

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã chỉ rõ: Nghiên cứu và ứng dụng các kết quả NCKH giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục.

Nghiên cứu KHSPƯD chỉ thực sự được đưa vào Việt Nam từ những năm đầu của thế kỷ XX, năm 2007, được sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua dự án Việt - Bỉ về việc “nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học, THCS các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam” do nhóm chuyên gia về giáo dục quốc tế và Việt Nam hợp tác biên soạn: TS. Chritopher Tan (Hong Kông), PGS.TS. Trần Kiều, Trần Bá Hoành và 1 số chuyên gia Viện Khoa học Giáo dục Việt nam và Bộ GD&ĐT.

Từ năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo phổ biến lý thuyết này đến tất cả giáo viên các cấp trung học học phổ thông với tên gọi “Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng”. Năm 2009 Bộ GD&ĐT phối hợp với dự án Việt-Bỉ xuất bản cuốn tài liệu nghiên cứu KHSPƯD dành cho giáo viên THPT- Nhà xuất bản Đại học sư phạm và tài liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Nhà xuất bản Đại học quốc gia (2011), năm 2013 Bộ GD&ĐT cho xuất bản cuốn tài liệu phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của các tác giả: Nguyễn Thúy Hồng - Phan Thị Lạc - Đỗ Hương Trà- Hoàng Thị Kim Thúy - Nguyễn Ngọc Ân.

Nhiều Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai hoạt động nghiên cứu KHSPƯD (*Hà Nội, Khánh Hòa, Lào Cai ...*) cho giáo viên các trường trung học, nhấn mạnh các nội dung triển khai sau:

Nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học giáo dục cho cán bộ quản lý, giáo viên trong hoạt động quản lý và giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục và thực hiện các mục tiêu đổi mới của ngành.

Đề tài nghiên cứu KHSPƯD hoặc SKKN nên tập trung vào những đổi mới hoạt động quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phát triển và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, thực hiện xã hội hóa giáo dục, thực hiện đổi mới nội dung, chương trình và sách giáo khoa, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hàng năm của cán bộ quản lý, giáo viên các trường trung học nghiên cứu khoa học (Gồm viết đề tài SKKN hoặc đề tài nghiên cứu KHSPƯD), cụ thể như sau:

Sản phẩm đúc rút những kinh nghiệm thực tiễn, vận dụng, phổ biến cho đồng nghiệp và được gọi là sáng kiến kinh nghiệm. Nhưng phần lớn các sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm trong thời gian qua có tính ứng dụng không cao, mang nặng tính hình thức và chỉ để xét thi đua vào cuối năm học

Nghiên cứu KHSPƯD là nghiên cứu tác động, nhằm tìm kiếm các biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém của hoạt động dạy học và giáo dục như môn học, lớp học, tiết học, trường học, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp...

Với “Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI” của tác giả Phạm Minh Hạc, tác giả Đặng Quốc Bảo với cuốn sách “Tổng quan về tổ chức và quản lý”, tác giả Nguyễn Minh Đạo “Cơ sở của khoa học quản lý”; tác giả Mai Hữu Khuê khái quát những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý; tác giả Trần Kiểm với cuốn “Khoa học quản lý giáo dục – một số vấn đề lý luận và thực tiễn” và “Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục”.

Tác giả Phạm Huy Tư, với nghiên cứu “Quy trình thực hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp tiểu học và THCS ở thành phố Vĩnh Long”. Kết quả nghiên cứu được tác giả cho rằng nếu thực hiện đúng quy trình nghiên cứu theo các bước (1) xác định nội dung nghiên cứu; (2) lựa chọn giải pháp nghiên cứu; (3) viết tên đề tài ; (4) xác định vấn đề nghiên cứu; (5) nêu giả thuyết nghiên cứu; (6) lựa chọn thiết kế nghiên cứu; (7) soạn kế hoạch bài dạy; (8) soạn đề kiểm tra; (9) hoàn chỉnh kế hoạch NCKHSPUD và tổ chức hội đồng chuyên môn đánh giá cao, việc lựa chọn các NCKHSPUD sẽ giúp GV vận dụng các phương pháp dạy học hiệu quả áp dụng vào thực tiễn, nâng cao năng lực sư phạm và góp phần nâng cao chất lượng dạy học [108].

Nhóm tác giả Nguyễn Văn Đệ, Phan Trọng Nam, với nghiên cứu “Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh mới”. Kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giáo viên (GV) THPT trong bối cảnh mới là cấp thiết. Nhóm tác giả đã trình bày các đặc trưng cơ bản trong hoạt động NCKH của GV THPT bao gồm: Hoạt động NCKH của GV THPT là quá trình nhận thức và sáng tạo; mang tính chuyên nghiệp; mang tính thực tiễn cao. Bên cạnh đó, cũng đã tập trung phân tích một số kỹ năng cần thiết trong việc NCKH của GV THPT hiện nay, đó là: Kỹ năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu, kỹ năng tổ chức triển khai quá trình nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu, kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu...[39]

Nhóm tác giả Nguyễn Văn Đệ, Phan Trọng Nam, với nghiên cứu “nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên ở các trường THPT và trung cấp chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục” đã chỉ ra những vấn đề cấp thiết phải nâng cao năng lực NCKH cho giáo viên ở các trường THPT và trung cấp chuyên nghiệp bao gồm những kiến thức, kỹ năng, thái độ đúng đắn trong hoạt động NCKH. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã chỉ ra một số biện

pháp bồi dưỡng năng lực NCKH cho giáo viên ở các trường THPT và trung cấp chuyên nghiệp đó là (1) nâng cao nhận thức, củng cố động cơ và niềm say mê NCKH cho GV; (2) chú trọng bồi dưỡng khả năng kiến thức, khả năng sáng tạo trong làm việc nhóm trong NCKH; (3) tăng cường các điều kiện hỗ trợ hoạt động NCKH cho GV [40].

Tác giả Phạm Bích Thủy, với nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường THPT Đồng bằng sông Cửu Long” cho rằng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hoạt động (NKHSPUD) ở các trường trung học phổ thông (THPT) có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Bài viết trình bày kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động (QLHD) NCKHSPUD tại các trường THPT vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) theo các chức năng quản lý, gồm: xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch; chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch; và kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch. Trên cơ sở nghiên cứu tác giả đã kết luận NCKHSPUD vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi của GV và cán bộ QLGD trường phổ thông. Mặc dù hoạt động này đã được Đảng và Nhà nước quan tâm và triển khai từ năm 2012, nhưng công tác quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Những kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng QLHD NCKHSPUD ở các trường THPT ĐBSCL nói trên là cơ sở thực tiễn để các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục phổ thông đưa ra các chính sách, biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKHSPUD tại các trường THPT ở ĐBSCL và toàn quốc [103]

Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Phúc và cộng sự, qua nghiên cứu “Thiết kế hoạt động đóng vai trong dạy học Địa lí lớp 11” cho rằng nội dung trong chương trình Địa lí 11 GV có thể sử dụng hoạt động đóng vai nhằm tích cực hóa hoạt động học tập, đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực người học hướng đến giáo dục hành động phù hợp cần xã hội hóa. Để giúp HS nhận

thức, giải thích và hành động phù hợp với từng vị trí của cá nhân trong xã hội thì GV có thể đưa các em vào vai trò và tình huống mô phỏng theo mục tiêu đề ra để đưa ra chính sách hoặc thể hiện thái độ, quan điểm, hành động phù hợp. Các hành động được chuẩn hóa có thể khuyến khích các em đưa vào thực tế; HS có thể trải nghiệm những vai trò có liên quan, nhìn nhận vấn đề ở các khía cạnh khác nhau để có thể tổng hợp, khái quát hóa một cách toàn diện hơn; tích hợp định hướng nghề nghiệp. Kiến thức về xu hướng nghề nghiệp hay sự phát triển các ngành kinh tế ở những địa chỉ cụ thể là nền tảng để định hướng nghề nghiệp cho HS. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả cũng đã xây dựng được quy trình thiết kế hoạt động đóng vai. Từ đó, nhóm tác giả cũng đã kết luận tổ chức hoạt động đóng vai trong dạy học Địa lí là một trong những phương thức dạy học qua trải nghiệm để phát triển năng lực người học. Thông qua đóng vai, HS chủ động tương tác, tự tìm kiếm và phát hiện tri thức, rèn luyện kỹ năng, từ đó HS có thái độ tích cực đối với môn học; hơn nữa, đây là cơ sở định hướng nghề nghiệp đối với những HS có năng khiếu. Để tổ chức hoạt động đóng vai có hiệu quả, GV cần tiến hành tốt khâu chuẩn bị, thiết kế hoạt động trước khi tổ chức trên lớp để cung cấp đủ phương tiện, điều kiện cho hoạt động diễn ra hiệu quả [49]

Tác giả Nguyễn Thị Như Quyên, với nghiên cứu “Thực trạng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên tiểu học thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp” cũng đã nghiên cứu lí luận, đánh giá thực trạng về mục tiêu, tầm quan trọng, nhiệm vụ dạy học thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Qua đó, tác giả cũng đã kết luận rằng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lí nghiên cứu KHSPƯD luôn được các giáo viên và các nhà quản lí coi trọng, tuy nhiên các hoạt động này chưa được quan tâm đầu tư, công tác quản lí chưa khoa học, chưa đồng bộ dẫn đến chất lượng nghiên cứu KHSPƯD còn hạn chế. Vì vậy cần có các giải pháp quản lí phù hợp nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn và năng lực nghiên cứu KHSPƯD [87]

Tác giả Đặng Công Vĩnh, với nghiên cứu “Bồi dưỡng năng lực khai thác chương trình giáo dục môn Toán cho giáo viên trung học phổ thông” đã chỉ ra lí luận về chương trình, chương trình môn Toán cấp THPT và năng lực khai thác chương trình giáo dục môn Toán của giáo viên THPT; đề xuất những thành tố của năng lực khai thác chương trình giáo dục môn Toán của giáo viên THPT; quy trình khai thác chương trình giáo dục môn Toán cấp THPT theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Từ đó, phân tích và đánh giá được thực trạng về năng lực khai thác chương trình giáo dục môn Toán của giáo viên THPT; xuất các biện pháp sư phạm bồi dưỡng năng lực khai thác chương trình giáo dục môn Toán cho giáo viên THPT; một số hướng dẫn giúp giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy, hoạt động dạy học và tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Kết quả nghiên cứu của đề tài là hữu ích đối với giáo viên môn Toán THPT, có thể dựa vào các hướng dẫn để khai thác chương trình giáo dục môn Toán và dạy học môn Toán theo định hướng phát triển năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục [114]

Nhóm tác giả Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Vũ, với nghiên cứu “Thực trạng và biện pháp quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang”. Từ kết quả nghiên cứu đã được nhóm tác giả đã đề xuất 6 biện pháp quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học ở trường THPT đó là (1) Xây dựng quy trình quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên phù hợp với chiến lược phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường trung học phổ thông; (2) Đổi mới cơ chế, chính sách trong quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên; (3) Tăng cường huy động các nguồn lực cho quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên; (4) Tăng cường bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên; (5) Tạo động lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học cho giáo viên; (6) Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động

nghiên cứu khoa học của giáo viên. Qua đó nhóm tác giả cũng đã kết luận rằng hoạt động NCKH là một trong những công việc thường xuyên của GV trong các trường THPT nhằm góp phần nâng cao chất lượng và đổi mới phương pháp dạy học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, khi đội ngũ GV có động cơ và biết vận dụng tốt phương pháp luận khoa học vào xem xét, giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn; có phẩm chất trí tuệ tốt, tư duy độc lập, sáng tạo và thực sự gắn bó trong lao động sẽ là tiềm năng khoa học to lớn của các trường THPT ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang [41].

Nhận xét: Ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đã ứng dụng khá hiệu quả trong giáo dục, dạy học ở trường THPT, bên cạnh đó cũng đã có một số nghiên cứu về quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPUD nhưng còn rất ít và chủ yếu qua các bài báo khoa học. Trong khi đó, chưa có công trình luận văn, luận văn nào nghiên cứu về quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT ở Việt Nam nghiên cứu về quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực, chính vì vậy việc lựa chọn nghiên cứu về “Quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực” sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPUD và quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở các trường THPT tỉnh Lào Cai đáp ứng được yêu cầu bối cảnh đổi mới giáo dục.

1.1.3. Khái quát các các công trình nghiên cứu và vấn đề đặt ra luận văn tiếp tục giải quyết

1.1.3.1. Khái quát các các công trình nghiên cứu

Qua việc trình bày tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về những vấn đề có liên quan và đề cập trực tiếp đến đề tài luận văn: Các công trình nghiên cứu nêu trên là nguồn tài liệu tham khảo quý giúp chúng tôi rất nhiều về mặt tư liệu, định hình ý tưởng, xây dựng nội dung, lựa chọn

phương pháp nghiên cứu một cách có hiệu quả, đồng thời cung cấp cho tác giả luận văn một cái nhìn nhiều chiều, các quan điểm khác nhau về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Đây chính là cơ sở cho quá trình nghiên cứu, giúp chúng tôi tìm ra bản chất, thực trạng, nguyên tắc, quy trình quản lý KHSPƯĐ trong trường THPT.

Tuy nhiên để nghiên cứu sâu về vai trò, đánh giá thực trạng, đề ra biện pháp cho từng môn học, lớp học, trường học, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tổ chức nghiên cứu KHSPƯĐ gắn với đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường tích cực chủ động của người học của hiệu trưởng trường phổ thông và nghiên cứu về biện pháp quản lý nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai thì chưa có đề tài nào nghiên cứu.

Cho đến nay chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai tính chất là một công trình khoa học độc lập. Vì vậy, đề tài luận văn không trùng lặp với các công trình khoa học, luận văn, luận văn đã công bố trong những năm gần đây.

1.1.3.2. Một số vấn đề đặt ra luận văn tiếp tục giải quyết

Từ việc phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn, đặc biệt là từ những mặt chưa làm được của các công trình đã công bố, chúng tôi nhận thấy luận văn tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích đó là:

Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ tiếp cận năng lực của giáo viên trường THPT.

Đánh giá thực trạng hoạt động và quản lý quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ tiếp cận năng lực của giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai khi triển khai chương trình GDPT 2018.

Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ tiếp cận năng lực của giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai.

1.2. Những vấn đề lí luận về hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

1.2.1. Năng lực và tiếp cận năng lực

1.2.1.1. Khái niệm năng lực

Khái niệm năng lực có nguồn gốc tiếng La Tinh “competentia”, có nghĩa là “gặp gỡ”. Ngày nay khái niệm năng lực được hiểu nhiều nghĩa khác nhau. Trong tiếng Anh có hai từ chủ yếu chỉ NL: ability (dùng để chỉ NL theo nghĩa tâm lí học, là chức năng tâm lí, có thể cho phép cá nhân thực hiện hoạt động) và competence (chỉ NL theo nghĩa thực hiện được công việc thực sự).

Theo từ điển Giáo dục học, “năng lực là khả năng được hình thành hoặc được phát triển, cho phép con người đạt thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp”. “Năng lực được coi như khả năng của con người khi đối mặt với những vấn đề mới, gợi tìm lại được những tin tức và những kĩ thuật đã được sử dụng trong những thực nghiệm trước đây” [53].

Nghiên cứu về năng lực có nhiều quan điểm, chúng tôi đưa ra ba quan điểm cơ bản nhất trao đổi về vấn đề này.

Thứ nhất, theo quan điểm của những nhà tâm lí học, năng lực là tổng hợp các đặc điểm, thuộc tính tâm lí của cá nhân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó đạt hiệu quả cao.

Các nhà tâm lí học Đức cho rằng NL là một phức hợp những phẩm chất của quá trình hoạt động tâm lí được củng cố tương đối bền vững và ít nhiều khái quát của nhân cách, giúp con người đáp ứng được ở mức độ này hay mức độ khác đối với một HĐ nhất định. NL với các thành tố của nó là tri thức, kỹ năng, kĩ xảo, thói quen, tình cảm, ý chí và các thuộc tính tâm lí khác giúp con người tạo nên thành tích hoạt động. Trong quá trình hoạt động, các đặc tính chất lượng của quá trình tâm lí như nhận thức, xúc cảm, ý chí về công việc... sẽ dần dần được định hình, củng cố và kết tinh thành NL con người.

Năng lực là tổ hợp đặc điểm của cá nhân, giải thích sự khác biệt giữa người này với người khác ở khả năng đạt được những kiến thức và hành vi nhất định. Tác giả Nguyễn Quang Uẩn viết: “Năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả tốt” [110]

Thứ hai, những quan điểm coi năng lực là sự tập hợp tri thức, kỹ năng và thái độ của con người trong một hoạt động nhất định.

Theo McLagan (1997) năng lực được hiểu là một tập hợp các kiến thức, thái độ, và kỹ năng cần thiết hoặc các chiến lược tư duy mà tập hợp này là cốt lõi và quan trọng cho việc tạo ra những sản phẩm đầu ra quan trọng [134]

Theo John Erpenbeck “năng lực được tri thức làm cơ sở, được sử dụng như khả năng, được quy định bởi giá trị, được tăng cường qua kinh nghiệm và được hiện thực hoá qua ý chí”. Theo tác giả Weinert (2001) “Năng lực là những khả năng và kỹ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt.” [68]

Các tác giả P.Weissberg và F.Maiple (2010) cho rằng: “NL là tri thức hành động trong tình huống, khả năng của cá nhân đạt các kết quả trong các tình huống đã cho. NL cũng là tổ hợp các kiến thức, KN và ứng xử thích ứng với môi trường, là một sự kết hợp đặc thù mang tính cá nhân.” [69]

Tác giả Lê Thị Mỹ Linh đã khẳng định rằng các NL tập trung vào đầu ra chứ không phải đầu vào. NL đòi hỏi người nắm giữ nó phải tập hợp được tất cả các yếu tố cần thiết như kiến thức, KN cộng với thái độ, hành vi và khéo léo kết hợp chúng để đạt được kết quả trong thực thi công việc. Mỗi nhóm cán bộ, công chức, viên chức cần có một nhóm các NL cần thiết để họ thực hiện tốt công việc. Cùng với kiến thức và thái độ, KN là một trụ cột của cấu thành NL [66].

Thứ ba, năng lực hiểu theo cách hiện nay là một khái niệm mới, rộng hơn rất nhiều so với khái niệm cũ. Muốn làm việc một cách hiệu quả, người lao động không chỉ cần “biết làm” mà còn phải “muốn làm”. Theo cách hiểu này, NL được hiện thực hóa thông qua khả năng của con người ở những HĐ nhất định.

Nhà giáo dục Xavier - Roegiers cho rằng năng lực là sự tích hợp các kỹ năng kỹ thuật tác động lên các nội dung trong một loạt tình huống cho trước để giải quyết những vấn đề do tình huống này đặt ra [122]

Tác giả Trần Thị Tuyết Oanh và các cộng sự trong nghiên cứu của mình cho rằng: NL là hệ thống khả năng của con người đã được phát triển và được hiện thực hóa thể hiện trong việc con người thực hiện linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả một loại hoạt động nào đó. Trong đó, theo tác giả, thành tố cơ bản của NL là tri thức, kỹ năng và động cơ thực hiện; tri thức đóng vai trò nền tảng, kỹ năng là mặt thực hiện của năng lực trong thực tiễn, động cơ là động lực thúc đẩy con người vận dụng tri thức, kỹ năng vào thực tiễn. [76]

Trên cơ sở nghiên cứu các quan niệm về NL, phân tích và kế thừa những quan niệm đó, trong đề tài này chúng tôi coi: *Năng lực là hệ thống khả năng của con người được phát triển và hiện thực hóa trong các thao tác của hoạt động, thể hiện một cách thành thực, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với những yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đó đạt hiệu quả.*

Nội dung của NL ở đây là hệ thống khả năng của con người. Hệ thống các khả năng được thể hiện trong hoạt động thông qua các kỹ năng thao tác. Một người được gọi là có khả năng khi các kỹ năng thao tác của họ thể hiện sự đầy đủ, thành thực và linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động.

NL luôn gắn liền với hoạt động, là cơ sở để tiến hành hoạt động một cách hiệu quả. NL chính là yếu tố làm nên sản phẩm của hoạt động, sản phẩm ấy tốt hay xấu tùy thuộc vào NL hay hệ thống các kỹ năng của con người.

1.2.1.2. Tiếp cận năng lực

Tiếp cận (theo Tiếng Anh là Approach) có nghĩa là tiến tới, hướng tới và cũng có nghĩa là phương pháp giải quyết một vấn đề nào đó. Tiếp cận cũng có nghĩa là từng bước tới gần đối tượng, bằng những phương pháp nhất định tìm hiểu một đối tượng nghiên cứu nào đó. Trong nhiều trường hợp người ta cũng sử dụng chữ “tiếp cận” với nghĩa phương pháp giải quyết vấn đề và trong một số trường hợp còn là sự định hướng để giải quyết vấn đề.

Trong luận văn này, chữ “tiếp cận năng lực” được sử dụng với ngụ ý định hướng, nghiêng về nâng cao NL thông qua việc tổ chức nghiên cứu KHSPƯĐ cho GV. Tiếp cận năng lực là dựa trên lí thuyết về năng lực trong khoa học giáo dục để luận giải các vấn đề về nghiên cứu KHSPƯĐ.

Bản chất của tiếp cận năng lực là tổ chức nghiên cứu KHSPƯĐ theo định hướng năng lực. Dựa trên năng lực cá nhân để tổ chức nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu KHSPƯĐ hướng tới phát triển năng lực cho giáo viên theo chuẩn năng lực, đồng thời chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống sư phạm thực tiễn nhằm chuẩn bị cho con người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp.

1.2.2. Giáo viên và năng lực của giáo viên Trung học phổ thông

1.2.2.1. Giáo viên Trung học phổ thông

Giáo viên Trung học phổ thông là những nhà giáo được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm, hiện đang tham gia hoạt động giảng dạy ở các trường Trung học phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên trường trung học được quy định tại Điều 31 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT về Điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, được điều chỉnh theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT như sau: [15].

Đối với giáo viên bộ môn:

Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường theo chế độ làm việc của giáo viên do Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo quy định; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu KHSPƯD;

Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương;

Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục; vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của học sinh;

Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục;

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

Đối với giáo viên chủ nhiệm, ngoài các chức năng, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những chức năng, nhiệm vụ sau đây:

Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh;

Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;

Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí

Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh lớp mình chủ nhiệm và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ học sinh;

1.2.2.2. Năng lực của giáo viên Trung học phổ thông

Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản Giáo dục thì năng lực là khả năng của làm việc của cá nhân, tổ chức hoàn thành tốt việc được giao. Theo Từ điển Tiếng Việt Nam của Viện ngôn ngữ học (năm 2000), năng lực được hiểu là khả năng điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có; phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao. Theo Từ điển tâm lí học, Viện tâm lí học (năm 2007), “Năng lực là tập hợp các tính chất, hay phẩm chất của tâm lí cá nhân, đóng vai trò làm điều kiện bên trong, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt nội dung hoạt động nhất định. Người có năng lực là người đạt được hiệu suất hoạt động cao trong hoàn cảnh khách quan và chủ quan như nhau”. Theo thuật ngữ hành chính: “Năng lực là khả năng về thể chất và trí tuệ của cá nhân con người, hoặc khả năng của một tập thể có tổ chức tự tạo lập và thực hiện được các hành vi xử sự của mình trong các quan hệ xã hội nhằm thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ do mình đề ra hoặc do nhà nước hay chủ thể khác với kết quả tốt nhất”.

Khi nói đến năng lực nó luôn gắn liền với phẩm chất đạo đức, tính nhạy cảm, trí tuệ, tính cách của mỗi cá nhân con người (năng lực con người).

Vậy ta có thể hiểu, năng lực là khả năng của cá nhân, tổ chức về thể chất, trí tuệ được thể hiện qua một hoạt động cụ thể đạt kết quả cao nhất có thể cân đo, đong đếm được. Từ quan niệm đó, có thể hiểu năng lực của giáo viên Trung học phổ thông như sau:

Năng lực của giáo viên trung học phổ thông là khả năng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên, đảm bảo cho họ có thể hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ dạy học, giáo dục ở trường Trung học phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Năng lực của giáo viên THPT là loại hình năng lực chuyên môn nghiệp vụ, được hình thành và phát triển thông qua con đường học tập tại trường và trải nghiệm hoạt động sư phạm trong môi trường thực tiễn xã hội hiện nay. Năng lực được hiểu là những khả năng của người giáo viên, tạo cho người đó hoàn thành tốt nhất các hoạt động sư phạm ở nhà trường THPT và cũng là hoàn thành nhiệm vụ của xã hội đặt ra. Năng lực bao gồm các khả năng sẵn có như những tố chất bẩm sinh và những khả năng do học tập, rèn luyện mà có. Đối với người giáo viên trường THPT, năng lực luôn được hình thành, phát triển và hoàn thiện thống nhất với quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện của phẩm chất, đồng thời chịu sự tác động của yếu tố xã hội, thời đại.

Tiếp cận dưới góc độ của văn hóa sư phạm thì năng lực của người giáo viên trường THPT được thể hiện bằng tài nghệ sư phạm. Đó là sự am hiểu lí luận và thực tiễn giáo dục, cập nhật trình độ phát triển của khoa học, công nghệ trong hoạt động sư phạm ở nhà trường. Năng lực của người giáo viên trường THPT là sự am hiểu đối tượng học sinh, am hiểu đặc điểm tâm sinh lí của học sinh THPT, am hiểu đặc điểm nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên và những tác động của môi trường xã hội đến giáo dục. Người giáo viên trường THPT có năng lực là người xây dựng kế hoạch hóa các hoạt động, tổ chức các loại hình hoạt động và điều khiển các hoạt động sư phạm của bản thân một cách tốt nhất. Người giáo viên trường THPT có năng lực là người luôn chủ động kiểm soát, nắm thông tin ngược, nắm chất lượng, hiệu quả và kết quả mọi hoạt động sư phạm của bản thân trong nhà trường. Nghĩa là, năng lực tồn tại dưới dạng các khả năng, các khả năng đó được biểu hiện ra ngoài bằng hoạt động. Thông qua hoạt động để đánh giá định lượng về các khả năng bên trong của cá nhân.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ký ban hành Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, Thông tư quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Trong đó, xác định 8 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí về chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Đây là những tiêu chuẩn và tiêu chí quy định về phẩm chất, năng lực của giáo viên ở các trường THPT. Thông tư đã hướng dẫn cách sử dụng bộ tiêu chuẩn để đánh giá năng lực giáo viên ở các nhà trường nói chung, nhà trường THPT nói riêng.

Căn cứ chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới; căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của GD&ĐT về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học các địa phương cần cụ thể hóa thành chuẩn năng lực giáo viên của nhà trường mình, địa phương mình. Theo đó, năng lực của giáo viên Trung học phổ thông gồm các nhóm năng lực cơ bản như sau:

(1) Năng lực tự hoàn thiện

Từng cá nhân trong xã hội luôn hoàn thiện nhân cách và nó diễn ra trong suốt cuộc đời, mọi cá nhân trong đó có giáo viên phải biết tự học, tự rèn luyện để khẳng định giá trị của mình, nhất là trong bối cảnh học tập suốt đời và cùng nhau xây dựng một xã hội học tập trong giai đoạn hiện nay. Chỉ có như vậy giáo viên mới khẳng định được vai trò của mình - làm chủ quá trình giảng dạy, giáo dục và làm chủ bản thân.

Vậy Giáo viên trong nhà trường, muốn hình thành được năng lực này thì điều trước tiên phải rèn luyện, bồi dưỡng trau dồi để có được những năng lực này. Đó là điều rất quan trọng, cần được thể hiện sinh động trong mọi hoạt động của nhà quản lí.

(2) Năng lực giao tiếp ứng xử

Năng lực thể hiện sự nhận thức, thái độ, kỹ năng, hình thức thể hiện của con người với các mối quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội. Trong xu

thể hội nhập toàn cầu, giao lưu giữa các nền văn hóa của các quốc gia, dân tộc hiện nay năng lực này rất quan trọng và cần thiết, nó là giá trị của mỗi cá nhân với xã hội, nó là cách sống của mỗi con người, thể hiện giá trị văn hóa giao tiếp, giá trị sống của cá nhân.

Giáo viên sống và làm việc trong môi trường giáo dục con người, năng lực giao tiếp ứng xử quyết định trong các mối quan hệ với giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, giao tiếp đúng quy chuẩn sư phạm. Như vậy, người quản lý nhà trường phải là trung tâm các mối quan hệ, với cấp dưới, với cha mẹ học sinh, với học sinh, với xã hội.

(3) Năng lực thích nghi

Xuất phát từ lí tưởng cách mạng trong sáng, quan điểm giai cấp rõ ràng và với năng lực, bản lĩnh của mình mỗi cá nhân cần có sự thích nghi để phù hợp với những thay đổi của cuộc sống, của nhà trường, của điều kiện học tập và rèn luyện trong thời đại công nghiệp 4.0, cần chủ động để làm chủ bản thân mình để làm việc một cách có hiệu quả cao nhất.

Năng lực thích nghi là năng lực mang tính động, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử với hội nhập, công dân toàn cầu. Năng lực này chính là một biểu hiện cụ thể tính thời đại và của sự hội nhập quốc tế.

(4) Năng lực tổ chức và quản lí

Năng lực này để thực hiện các chức năng xây dựng kế hoạch, khả năng tổ chức, chỉ đạo hoạt động của tổ chức, khả năng dự báo, dự đoán và kiểm tra. Đây là một năng lực cần thiết để xây dựng CNH-HĐH, hội nhập, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Giáo viên trong các nhà trường, năng lực tổ chức và quản lí là năng lực bản lề, có tính chất quyết định đến việc thực hiện các chức năng quản lí của người đứng đầu, đến hiệu quả hoạt động của toàn bộ cơ quan, nhà trường.

(5) Năng lực hoạt động chính trị - xã hội

Xác định rõ lí tưởng cách mạng đó là: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mỗi người cần phải rèn luyện để có được những tri thức, kỹ năng và thái

độ từ đó phát triển năng lực hoạt động chính trị xã hội của mình. Đó là một yêu cầu bức xúc nhằm giải quyết hàng loạt những mâu thuẫn giữa cá nhân với cộng đồng, với dân tộc và với nhân loại.

Giáo viên hiểu nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong giáo dục: Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng của toàn dân, trước tiên là học sinh trong nhà trường. Vậy năng lực hoạt động chính trị xã hội phản ánh cụ thể quan điểm giai cấp, thế giới quan, niềm tin cách mạng, niềm tin sư phạm của nhà quản lí, nhà giáo dục.

(6) Năng lực hợp tác và cạnh tranh

Trong xu thế hội nhập, thế giới phẳng mỗi con người cần phải biết hợp tác với nhau và cùng cạnh tranh lành mạnh để phát triển - đó chính là động lực của sự phát triển, là đòi hỏi mang tính khách quan.

Giáo viên cần nhận thức sâu sắc vấn đề này, từ đó mới có thể thực hiện hiệu quả các chức năng quản lí trong tập thể của mình. Cụ thể giáo viên, cần thường xuyên thực hiện năng lực này trong các hoạt động của tập thể của nhà trường, tập thể học sinh. Nhất là trong đổi mới dạy và học, đổi mới việc giáo dục để rèn kỹ năng cho học sinh, giúp cho các em thích ứng với cuộc sống sau này.

(7) Năng lực lao động nghề nghiệp sư phạm

Năng lực nghề nghiệp sư phạm của giáo viên Trung học phổ thông bao gồm năng lực giảng dạy và năng lực giáo dục. Đây là yêu cầu bắt buộc nghề nghiệp trong giai đoạn phấn đấu CNH-HĐH của nước ta hiện nay. Mỗi cá nhân cần căn cứ vào những phẩm chất và năng lực của bản thân, sở trường sở đoản của mình, ý nguyện ước muốn, căn cứ bản thân mình để đáp ứng một nghề phù hợp theo yêu cầu của xã hội đang cần. Từ đó có thể cống hiến hết mình và tìm thấy niềm vui niềm hạnh phúc với nghề đã chọn.

Là người người giáo viên làm nghề sư phạm, nghề quản lí công tác giáo dục và phải cảm hóa những người trẻ, đang lớn lên từng ngày, đòi hỏi mỗi giáo viên hiểu rõ rõ vai trò thay mặt Đảng, Nhà nước và Nhân dân làm nhiệm vụ giáo

dục của mình. Phải liên tục tu dưỡng, trau dồi để có được cái tâm, năng lực chuyên môn là việc làm thường xuyên liên tục của mỗi giáo viên.

(8) Năng lực nghiên cứu khoa học

Con người của thời đại ngày nay là con người phải có tính phê phán trí tuệ, không bằng lòng với cái hiện có, luôn tiến về phía trước. Đó cũng là con người có khả năng tiếp cận và giải quyết vấn đề bằng con đường riêng của mình. Như vậy có thể nói: năng lực nghiên cứu khoa học là một đòi hỏi đối với người lao động trong thời đại bùng nổ thông tin, thời đại khoa học và công nghệ phát triển không ngừng, thời đại mà nhân loại đang từng bước bước vào nền kinh tế tri thức.

(9) Năng lực quản lí

Năng lực quản lí được hợp thành bởi nhiều yếu tố cấu thành, như: Tâm nhìn chiến lược, năng lực xây dựng kế hoạch, khả năng dự báo, điều hành tổ chức, kỹ năng chia sẻ. Năng lực quản lí rất cần thiết cho giáo viên và đặc biệt cho người lãnh đạo. Năng lực quản lí giúp giáo viên, nhà quản lí giáo dục thực hiện tốt các chức năng và phương pháp quản lí. Các hoạt động quản lí là môi trường tốt để CBQL phát huy năng lực của mình. Chính vì thế cần tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho họ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Năng lực của con người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có, mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà thành”.

Về bản chất, tất cả các năng lực trên đây thuộc năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên. Đó là những cơ sở quan trọng để xác định năng lực nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT hiện nay.

1.2.3. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Khoa học sư phạm ứng dụng là một loại hình khoa học chuyên nghiên cứu về ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ vào lĩnh vực giáo dục, nhằm thực hiện mục tiêu hiện đại hóa quá trình sư phạm đáp ứng yêu cầu phát triển của lí luận và thực tiễn giáo dục [13].

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một loại hình nghiên cứu khoa học cụ thể trong các loại hình nghiên cứu khoa học. Có nhiều cách phân loại nghiên cứu khoa học khác nhau. Dựa theo các giai đoạn nghiên cứu, người ta đã chia làm loại nghiên cứu, như sau:

Nghiên cứu cơ bản, là đề tài có mục tiêu phát hiện ra những sự kiện, hiện tượng khoa học mới, tìm ra bản chất, qui luật của chúng.

Nghiên cứu ứng dụng, là đề tài nghiên cứu nhằm tìm ra giải pháp áp dụng các thành tựu khoa học vào thực tế của một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

Nghiên cứu triển khai, là đề tài vận dụng các qui luật đã thu được từ nghiên cứu cơ bản và các giải pháp được xác định từ nghiên cứu ứng dụng để đưa ra hình mẫu với những tham số đủ mang tính khả thi về mặt kỹ thuật. Kết quả nghiên cứu triển khai mới chỉ là những sản phẩm mẫu, những hình mẫu có tính khả thi về kỹ thuật. Để áp dụng vào thực tiễn, cần phải tiến hành nghiên cứu những tính khả thi khác như về tài chính, về môi trường, về điều kiện chính trị, xã hội.

Như vậy, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một loại hình nghiên cứu vận dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ vào lĩnh vực sư phạm, nhằm phát hiện ra những tri thức khoa học mới về lý luận và thực tiễn giáo dục góp phần đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình sư phạm, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

Chủ thể nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng bao gồm các nhà khoa học sư phạm và các nhà khoa học có hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực sư phạm.

Đối tượng nghiên cứu của khoa học sư phạm ứng dụng là thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại và khoa học sư phạm.

Mục đích nghiên cứu của khoa học sư phạm ứng dụng là tìm ra những quy trình vận dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại vào thực tiễn sư phạm, tạo ra những quy trình sư phạm mới ưu việt hơn, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình sư phạm.

Bản chất của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là phát hiện ra chức năng mới của các sản phẩm khoa học trong lĩnh vực sư phạm. Tức là các sản phẩm nghiên cứu khoa học không theo đơn đặt hàng của lĩnh vực sư phạm nhưng có thể nghiên cứu để ứng dụng trong lĩnh vực sư phạm. Những sản phẩm của nghiên cứu khoa học sư phạm cơ bản chưa xác định địa chỉ ứng dụng cụ thể cho hoạt động nào, cho cấp học nào, bậc học nào. Để sử dụng các sản phẩm này vào thực tiễn sư phạm cần phải có nghiên cứu ứng dụng. Nghiên cứu sư phạm ứng dụng có nhiệm vụ đề xuất quy trình công nghệ mới nhằm tối ưu hóa các hoạt động trong quá trình sư phạm. Chủ thể nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng phải nắm vững thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại, nắm vững bản chất của khoa học sư phạm. Trên cơ sở đó nghiên cứu tìm ra mối quan hệ, liên hệ giữa thành tựu của khoa học công nghệ với khoa học sư phạm, giữa khoa học cơ bản với khoa học ứng dụng, vận dụng những thành tựu đó vào thực tiễn sư phạm.

1.2.4. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông

Nghiên cứu KHSPUD của giáo viên trường THPT mang đầy đủ những đặc trưng bản chất của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT khác với nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học và bậc đại học ở chủ thể nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và nội dung nghiên cứu.

Nghiên cứu KHSPUD của giáo viên THPT nhấn mạnh chủ thể nghiên cứu là giáo viên THPT. Những giáo viên này đang công tác và giảng dạy tại các trường THPT, được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ trong các trường sư phạm, có kiến thức, hiểu biết lí luận về lĩnh vực sư phạm ở các trường THPT, có thực tiễn hoạt động sư phạm ở trường THPT. Hoạt động nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ không thể thiếu của giáo viên THPT theo điều lệ nhà trường.

Nghiên cứu KHSPUD của giáo viên THPT là một dạng của hoạt động nghiên cứu KHSPUD được giáo viên THPT thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn sư phạm trong giảng dạy, giáo dục đang đặt tại các trường THPT.

Mục tiêu nghiên cứu KHSPUD của giáo viên trường THPT nhằm ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ trong thời đại công nghiệp 4.0 vào giải quyết các vấn đề thực tiễn sư phạm đang đặt ra trong dạy học, giáo dục tại các trường THPT. Nghĩa là, nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra, hướng vào thực hiện mục tiêu nhiệm vụ giáo dục THPT đã được xác định trong các văn bản pháp quy.

Nội dung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quá trình sư phạm ở các trường THPT. Trong đó, bao gồm các nội dung ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào đổi mới quy trình vận động của các thành tố cấu thành quá trình sư phạm ở trường THPT theo hướng hiện đại hóa. Nội dung nghiên cứu phải gắn với nội dung dạy học, giáo dục tại các trường THPT.

Những đặc điểm cơ bản trên đây đã chi phối quy trình nghiên cứu, chi phối cách thức tổ chức lực lượng nghiên cứu, chi phối hoạt động nghiên cứu. Vì vậy, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường THPT phải dựa trên sự phân tích đặc điểm đội ngũ giáo viên, phân tích đặc điểm của nhà trường THPT.

Theo cách tiếp cận trên đây, hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT là tổng hợp những thao tác, động tác của các giáo viên với tư cách là chủ thể của quá trình nghiên cứu khoa học, nhằm tác động vào các thành tố của quá trình nghiên cứu, điều khiển các thành tố đó vận động theo chương trình, kế hoạch và thực hiện tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu đã xác định.

Hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT là tổng hợp các cách thức mà giáo viên sử dụng để tác động vào

đối tượng nghiên cứu làm bộc lộ bản chất, quy luật của đối tượng, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp, biện pháp điều khiển hoạt động sư phạm của các chủ thể cho phù hợp với quy luật đã phát hiện.

Hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT là một loại hình hoạt động trong giáo dục nhằm thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm và đánh giá ảnh hưởng của nó. Tác động hoặc can thiệp đó có thể là việc sử dụng phương pháp dạy học, sách giáo khoa, phương pháp quản lí, chính sách mới... của giáo viên. Người nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của tác động một cách có hệ thống bằng phương pháp nghiên cứu phù hợp.

Bản chất hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT là thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm và đánh giá ảnh hưởng của nó. Tác động hoặc can thiệp đó có thể là việc sử dụng phương pháp dạy học, sách giáo khoa, phương pháp quản lí, chính sách mới... của giáo viên, cán bộ quản lí. Người nghiên cứu được thực hiện một cách chủ động, sáng tạo theo ý thức chủ quan của giáo viên, đồng thời có sự hợp tác nghiên cứu trong một tập thể các nhà sư phạm.

Chủ thể hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là giáo viên trường THPT. Đây là một loại hình hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, được thực hiện trong mối quan hệ với hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục và các loại hình hoạt động khác của giáo viên trong nhà trường THPT.

Đối tượng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên là những vấn đề lí luận và thực tiễn đặt ra xung quanh nhiệm vụ quản lí người học, cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ dạy và học, các hoạt động giảng dạy và giáo dục của nhà trường mà thực tiễn đặt ra.

Mục đích hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; rèn luyện kỹ năng tư duy độc lập, khả năng sáng tạo,

nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng phương pháp, tác phong công tác và giải quyết các vấn đề lí luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

1.2.5. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

1.2.5.1. Khái niệm và đặc trưng bản chất của nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT theo tiếp cận năng lực

Nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực là dựa trên lí thuyết phát triển năng lực để giải quyết các vấn đề nghiên cứu khoa học của giáo viên. Theo quan điểm đó, có thể hiểu khái niệm này như sau:

Nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực là cách thức tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT dựa trên lí thuyết phát triển năng lực trong khoa học giáo dục, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên theo khả năng riêng và đáp ứng yêu cầu về chuẩn năng lực giáo viên theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Bản chất của hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực là dựa trên khả năng cá nhân để định hướng các hoạt động nghiên cứu nhằm phát triển hoàn toàn năng lực cá nhân và năng lực chuyên biệt của giáo viên. Đồng thời, nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực là tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học hướng vào phát triển năng lực chung của giáo viên theo chuẩn năng lực quy định. Mọi vấn đề về mục tiêu nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu phải được xác định phù hợp với năng lực của giáo viên và phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của các môn học trong nhà trường.

Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực nhằm phát triển năng lực chuyên môn, nghề nghiệp của giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay ở các trường THPT.

Chủ thể hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực là đội ngũ cán bộ, giáo viên trong nhà trường. Đội ngũ này có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau, thâm niên khác nhau, giảng dạy các môn học khác nhau, khả năng cá nhân không ngang bằng nhau. Mỗi cá nhân đều có sự trải nghiệm và kinh nghiệm thực tiễn khác nhau do đó có sở trường, sở đoản khác nhau trong nghiên cứu KHSPƯD.

Đối tượng nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực là các thành tố cấu trúc của quá trình giảng dạy các môn học trong nhà trường mà giáo viên đảm nhiệm. Trong đó bao gồm các vấn đề nổi cộm đang đặt ra đối với giáo viên trong quá trình giảng dạy môn học cụ thể. Đặc biệt là các vấn đề về nội dung, phương pháp giảng dạy môn học theo yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa mới 2018.

Phương pháp nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực là phải gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động giảng dạy của giáo viên, gắn với các môn học trong nhà trường. Đồng thời nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực phải phù hợp với quy trình phát triển năng lực của giáo viên.

Yêu cầu có tính nguyên tắc đối với hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực là phải xác định đúng năng lực của giáo viên và năng lực của nhà trường. Các nội dung nghiên cứu phải sát với thực tiễn các môn học trong nhà trường. Quá trình nghiên cứu phải thống nhất với quá trình dạy học hỗ trợ cho sự phát triển của quá trình dạy học và phát triển năng lực của giáo viên. Kết quả nghiên cứu có thể triển khai ứng dụng trong thực tiễn dạy học của giáo viên được ngay.

1.2.5.2. Hệ thống năng lực hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường THPT

Năng lực nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT là một loại hình cụ thể của năng lực sư phạm. Tuy nhiên, năng lực nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT có những nét đặc thù riêng.

Trong cuốn “Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục”, tác giả Phạm Viết Vượng đã xác định hệ thống kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục bao gồm ba nhóm kỹ năng cụ thể như sau: “Nhóm kỹ năng nắm vững lý luận khoa học và phương pháp luận nghiên cứu”. “Nhóm kỹ năng sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu”. “Nhóm kỹ năng sử dụng thành thạo phương tiện kỹ thuật, thiết bị nghiên cứu”. Tác giả cho rằng, hệ thống kỹ năng đó chính là khả năng thực hiện thành công một công trình khoa học giáo dục [117,tr 25-26]. Đồng thời, tác giả đã chỉ ra quy trình các bước, các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục. Đây là một cơ sở quan trọng để xác định cấu trúc và xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT.

Trong các tài liệu gần đây, khi nghiên cứu về năng lực, các tác giả thường phân loại thành năng lực chung, năng lực chuyên biệt, năng lực phương pháp, năng lực xã hội, năng lực cá nhân. Năng lực nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT là loại hình năng lực phối hợp giữa khả năng nghiên cứu với khả năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sư phạm trong nhà trường.

Như vậy, căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018, của Bộ GD&ĐT về quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của GD&ĐT về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; đồng thời dựa theo những tài liệu về phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục và các tài liệu mới nhất về tiếp cận năng lực trong khoa học giáo dục, có thể xác định hệ thống năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT gồm các nhóm năng lực và các năng lực cụ thể như sau:

(1) *Nhóm năng lực chung.* Đây là nhóm năng lực tập hợp các khả năng cơ bản của nhà sư phạm và nhà khoa học. Bao gồm các khả năng như sau:

Năng lực chuyên môn. Mức độ chuyên làm chủ về chuyên môn. Năng lực nghiệp vụ SP. Sự linh hoạt, sáng tạo về nghiệp vụ sư phạm.

Năng lực tư duy sáng tạo. Phát hiện được vấn đề khác thường trong các tình huống thông thường.

Năng lực tư duy phản biện. Chỉ ra được hạn chế và mặt trái của thực tiễn sư phạm.

Năng lực tư duy logic. Biểu hiện thành diễn đạt các vấn đề rõ ràng, khúc thiết, nhất quán.

Năng lực giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm. Biết tổ chức hợp tác và làm việc nhóm trong hoạt động sư phạm.

Năng lực thuyết trình. Trình bày các nội dung hấp dẫn, phù hợp đối tượng học sinh

(2) *Nhóm năng lực phương pháp.* Đây là khả năng nắm vững, vận dụng sáng tạo phương pháp luận và khả năng sử dụng thành thục các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong thực tiễn. Bao gồm tập hợp các khả năng như sau:

Năng lực vận dụng sáng tạo các quan điểm phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Biểu hiện bằng các hoạt động như sau: Luận giải các vấn đề khoa học trên cơ sở phương pháp luận nhất quán; Phê phán các quan điểm đối lập trên cơ sở phương pháp luận vững chắc; Xác định xu hướng chính trị, tư tưởng rõ ràng trong nghiên cứu.

Năng lực sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Bao gồm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết; các phương pháp nghiên cứu thực tiễn; các phương pháp nghiên cứu hỗ trợ và khả năng sử dụng thành thạo các công cụ và phương tiện nghiên cứu khoa học.

Năng lực tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học. Biết xây dựng kế hoạch nghiên cứu phù hợp. Biết tổ chức khai thác, sử dụng các nguồn lực trong nghiên cứu. Biết triển khai các loại hình đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục

(3) *Nhóm năng lực chuyên biệt.* Đây là tập hợp các khả năng triển khai thực hiện nghiên cứu KHSPƯĐ. Bao gồm tập hợp các khả năng như sau:

Năng lực chuẩn bị nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ. Biết phát hiện vấn đề nghiên cứu KHSPƯĐ. Biết xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ. Biết chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ.

Năng lực tiến hành nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ. Biết phân tích, chọn lọc tài liệu phục vụ nghiên cứu KHSPƯĐ. Biết thiết kế/cải tiến sản phẩm nghiên cứu KHSPƯĐ. Biết tổ chức thực nghiệm, thử nghiệm, thực hành KHSPƯĐ. Biết viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ.

Năng lực triển khai kết quả nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ. Hoạt động phổ biến kết quả nghiên cứu đến các đối tượng. Hoạt động tổ chức vận dụng kết quả nghiên cứu của đề tài vào thực tiễn. Hoạt động kiểm tra, đánh giá mức độ tác động của đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ trong thực tiễn.

Những năng lực trên đây được biểu hiện bằng hoạt động và được đánh giá, lượng hóa thông qua nhận thức, thái độ, hành vi trong hoạt động sư phạm của từng cá nhân. Theo đó, mỗi nhóm năng lực có các tiêu chí đánh giá bằng các năng lực; mỗi năng lực được biểu hiện ra ngoài bằng các loại hình hoạt động khác nhau. Các hoạt động đó được xem là chỉ số đánh giá. Mỗi năng lực có thể được đánh giá bằng một hoặc nhiều chỉ số khác nhau. Trong từng chỉ số có các mức độ đánh giá cao thấp khác nhau. Căn cứ vào nội dung của từng chỉ số để xây dựng các mức độ đánh giá cho thích hợp.

Bảng 1.1: Hệ thống năng lực hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường THPT

Nhóm năng lực	Các năng lực	Các biểu hiện của năng lực
NHÓM NĂNG LỰC CHUNG (7NL)	Năng lực chuyên môn	Mức độ chuyên làm chủ về chuyên môn
	Năng lực nghiệp vụ SP	Sự linh hoạt, sáng tạo về nghiệp vụ sư phạm
	Năng lực tư duy sáng tạo.	Phát hiện được vấn đề khác thường trong tình huống thông thường
	Năng lực tư duy phản biện.	Chỉ ra được hạn chế và mặt trái của thực tiễn SP
	Năng lực tư duy logic.	Diễn đạt các vấn đề rõ ràng, khúc thiết, nhất quán
	Năng lực giao tiếp sư phạm	Biết tổ chức hợp tác và làm việc nhóm trong hoạt động sư phạm.
	Năng lực thuyết trình sư phạm.	Trình bày các nội dung hấp dẫn, phù hợp đối tượng học sinh
NHÓM NĂNG LỰC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (3NL)	Năng lực vận dụng các quan điểm phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Luận giải các vấn đề khoa học trên cơ sở phương pháp luận nhất quán
		Phê phán các quan điểm đối lập trên cơ sở phương pháp luận vững chắc
		Xác định xu hướng chính trị, tư tưởng rõ ràng trong nghiên cứu
	Năng lực sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học	Biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí thuyết
		Biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn
		Biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu hỗ trợ
		Biết sử dụng các công cụ và phương tiện nghiên cứu khoa học
	Năng lực tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học	Biết xây dựng kế hoạch nghiên cứu phù hợp
		Biết tổ chức khai thác, sử dụng các nguồn lực trong nghiên cứu
		Biết triển khai các loại hình đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục
NHÓM NĂNG LỰC CHUYÊN BIỆT VỀ NGHIÊN CỨU KH SPƯĐ (11 NL)	Năng lực phát hiện vấn đề nghiên cứu KHSPƯĐ	Biết phát hiện vấn đề nghiên cứu KHSPƯĐ
	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	Biết xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ
	Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ.	Biết xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ
	Năng lực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho hoạt động NC KHSPƯĐ	Biết chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ
	Năng lực phân tích, chọn lọc tài liệu phục vụ nghiên cứu KHSPƯĐ	Biết phân tích, chọn lọc tài liệu phục vụ nghiên cứu KHSPƯĐ.
	Năng lực thiết kế/cải tiến sản phẩm nghiên cứu KHSPƯĐ	Biết thiết kế/cải tiến sản phẩm nghiên cứu KHSPƯĐ.
	Năng lực thu thập, xử lí và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPƯĐ	Biết thu thập, xử lí và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPƯĐ
	Năng lực tổ chức thực nghiệm/thử nghiệm /thực hành	Biết tổ chức thực nghiệm, thử nghiệm, thực hành KHSPƯĐ.
	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ.	Biết viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ
	Năng lực triển khai kết quả nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ	Hoạt động phổ biến kết quả nghiên cứu
		Hoạt động tổ chức vận dụng kết quả nghiên cứu.
		Hoạt động kiểm tra, đánh giá mức độ tác động của đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ trong thực tiễn
	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	Biết lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ

Theo bảng 2.11, hệ thống năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT gồm 3 nhóm năng lực được phân thành 21 năng lực cụ thể. Đây là cơ sở để đánh giá thực trạng năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT.

1.3. Những vấn đề lí luận về quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

1.3.1. Quản lí, quản lí giáo dục

1.3.1.1. Quản lí

Quản lí là hiện tượng tồn tại trong xã hội xuất hiện từ rất sớm của loài người. Ở bất kỳ chế độ xã hội nào, ở mọi nơi, mọi lúc con người nếu có nhu cầu kết hợp với nhau để đạt một mục tiêu nào đó thì xuất hiện quản lí. Quản lí nói chung là quá trình tổ chức điều hành các hoạt động nhằm đạt được những mục tiêu và yêu cầu nhất định dựa trên những quy luật khách quan.

Khái niệm quản lí có tính đa nghĩa nên có sự khác biệt giữa nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Hơn nữa, do sự khác biệt về thời đại, xã hội, chế độ, nghề nghiệp nên quản lí cũng có nhiều cách giải thích, lí giải khác nhau. Cùng với sự phát triển của phương thức xã hội hoá sản xuất và sự mở rộng trong nhận thức của con người thì sự khác biệt về nhận thức và lí giải khái niệm quản lí càng trở nên rõ rệt. Khái niệm quản lí có nhiều hướng và nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Theo Các-Mác: “Một nhạc sĩ độc tấu thì điều khiển lấy mình nhưng một giàn nhạc phải được điều khiển bởi nhạc trưởng”. F.W. Taylor (Mỹ, 1856-1915) được đánh giá là cha đẻ của thuyết quản lí khoa học đã đưa ra định nghĩa: “Quản lí là biết chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau đó khiến họ hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất”. H.Fayol (Pháp, 1841-1925): “Quản lí tức là lập kế hoạch, tổ chức, chỉ huy, phối hợp và kiểm

tra”. Peter Druker quan niệm “Quản lí là một chức năng xã hội nhằm để phát triển con người và xã hội với những hệ giá trị, nội dung, phương pháp biến đổi không ngừng. Koontz và O’Donnell định nghĩa: “Có lẽ không có lĩnh vực hoạt động nào của con người quan trọng hơn là công việc quản lí, bởi vì mọi nhà quản lí ở mọi cấp độ và trong mọi cơ sở đều có một nhiệm vụ cơ bản là thiết kế và duy trì một môi trường mà trong đó các cá nhân làm việc với nhau trong các nhóm có thể hoàn thành các nhiệm vụ và các mục tiêu đã định.” [63]

Theo Nguyễn Thị Mỹ Lộc: “Hoạt động quản lí là tác động có định hướng, có chủ định của chủ thể quản lí đến khách thể quản lí trong một tổ chức làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục tiêu của tổ chức”. Theo tác giả Đặng Quốc Bảo, Học viện quản lí giáo dục: “Quản lí là quá trình tác động gây ảnh hưởng của chủ thể quản lí đến khách thể quản lí nhằm đạt mục tiêu chung” [7, tr.17]. Theo học giả Trần Kiểm viết: “Quản lí là những tác động của chủ thể quản lí trong việc huy động, phát huy, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài tổ chức (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất và quản lí một hệ thống xã hội là tác động có mục đích đến tập thể người-thành viên của hệ-nhằm cho hệ vận hành thuận lợi và đạt mục đích dự kiến” [61, tr.15].

Như vậy, có nhiều cách định nghĩa về quản lí. Dựa trên các quan niệm trên đây, chúng ta có thể khái quát về quản lí như sau: *Quản lí là các tác động có mục đích, có tổ chức của chủ thể quản lí đến đối tượng bị quản lí bằng cách điều khiển hoạt động của mọi thành viên trong tổ chức diễn ra đồng bộ trong hệ thống vận hành của tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu đã đặt ra với hiệu quả tốt nhất.*

1.3.1.2. Quản lí giáo dục và quản lí giáo dục nhà trường

Quản lí giáo dục là một bộ phận quan trọng của hệ thống quản lí xã hội. Có nhiều cách hiểu khác nhau về QLGD. Theo Đặng Quốc Bảo, “Quản lí giáo

dục theo nghĩa tổng quan là điều hành, phối hợp các lực lượng nhằm đẩy mạnh đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển của xã hội. Ngày nay với sứ mệnh phát triển giáo dục thường xuyên, công tác giáo dục không chỉ giới hạn ở thế hệ trẻ mà cho mọi người. Cho nên, QLGD được hiểu là sự điều hành hệ thống giáo dục quốc dân” [7, tr.31]. Trần Kiểm cho rằng: “Quản lý giáo dục là sự tác động liên tục, có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên hệ thống giáo dục đào tạo nhằm tạo ra tính trôi của hệ thống, sử dụng một cách tối ưu các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống nhằm đưa hệ thống đến mục tiêu một cách tốt nhất trong điều kiện đảm bảo sự cân bằng với môi trường bên ngoài luôn luôn biến động” và phân ra hai cấp độ của QLGD [61, tr.10-11].

Với cách hiểu rộng (vĩ mô): QLGD được cho rằng là những tác động chủ động (có định hướng, có chủ đích, có kế hoạch, có phối hợp nhiều hệ thống trong quy trình, phù hợp với qui luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các các yếu tố theo thứ bậc của hệ thống (từ Bộ Giáo dục đến các cơ sở giáo dục là nhà trường) nhằm triển khai tạo chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo trong từng giai đoạn đáp ứng theo yêu cầu xã hội.

Với cách hiểu hẹp (vi mô): Trong nhà trường, QLGD được hiểu chính là quản lý nhà trường của chủ thể quản lý. QLGD tại nhà trường bao gồm các yếu tố trong hệ thống để tác động có chủ đích, có định hướng của hiệu trưởng đến các hoạt động giáo dục toàn diện, đến cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ nhân viên và học viên (con người) đến các nguồn lực hiện có (cơ sở vật chất, tài lực, trí lực, tin lực...) đến các yếu tố ngoài nhà trường phù hợp qui luật (quản lý, giáo dục, kinh tế, xã hội...) để đưa nhà trường phát triển, đạt mục tiêu giáo dục. Quản lý giáo dục cấp vĩ mô hay vi mô đều phải quản lý công việc và tổ chức; quản lý con người; quản lý các hoạt động giáo dục.

Như vậy, ta có thể hiểu: *Quản lý giáo dục là chuỗi các yếu tố trong hệ thống tác động có mục đích, chủ hướng của chủ thể quản lý đến khách thể*

quản lý nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt tới kết quả mong muốn với chất lượng và hiệu quả cao nhất.

QLGD bao gồm quản lý nhà nước về giáo dục và quản lý nhà trường. Quản lý nhà trường thực chất là quản lý quá trình giáo dục trong nhà trường, quản lý hoạt động của người dạy, người học và quản lý các cơ sở giáo dục, quản lý việc thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Theo tác giả Nguyễn ngọc Quang: “Quản lý nhà trường là tập hợp những tác động tối ưu của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, học sinh và cán bộ khác, nhằm tận dụng các nguồn dự trữ do nhà nước đầu tư, lực lượng xã hội đóng góp và do lao động xây dựng vốn tự có. Hướng vào việc đẩy mạnh mọi hoạt động của nhà trường mà điểm hội tụ là quá trình đào tạo thế hệ trẻ. Thực hiện có chất lượng mục tiêu và kế hoạch đào tạo, đưa nhà trường tiến lên trạng thái mới” [81].

Tác giả Phạm Viết Vượng: “Quản lý trường học là lao động của các cơ quan quản lý nhằm tập hợp và tổ chức lao động của giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục khác, cũng như huy động tối đa các nguồn lực của giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường”. [120] .

Quản lý nhà trường là quản lý một thiết chế của hệ thống giáo dục quốc dân, do đó quản lý nhà trường có liên quan hữu cơ với QLGD. QLGD gồm hai cấp độ là quản lý cấp vĩ mô và quản lý cấp vi mô. Quản lý cấp vĩ mô là quản lý hệ thống giáo dục quốc dân trong các cấp từ Trung ương đến địa phương, còn quản lý vi mô là quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường. Do đó quản lý nhà trường còn có nghĩa là tổ chức các lực lượng trong và ngoài nhà trường biến các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước thành hiện thực.

Quản lý nhà trường là một quá trình tác động sư phạm khoa học và có tính hướng đích của chủ thể quản lý đến hoạt động của người dạy, người học

làm cho nhà trường vận hành theo đúng đường lối và nguyên lý giáo dục để đạt được các mục tiêu, kế hoạch giáo dục, dạy học đã đề ra.

1.3.2. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

Quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực là một nội dung thuộc phạm trù quản lý nhà trường. Từ các khái niệm quản lý giáo dục, quản lý nhà trường đã tạo cơ sở lý luận cho sự hình thành khái niệm quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực như sau:

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT theo tiếp cận năng lực là sự tác động của chủ thể quản lý lên hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên, bằng cách xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá và ứng dụng kết quả nghiên cứu của giáo viên trong giảng dạy, giáo dục của nhà trường, nhằm phát triển tổ hợp các năng lực chung và chuyên biệt của hoạt động nghiên cứu cho giáo viên, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường THPT hiện nay.

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT được tiếp cận dưới góc độ của khoa học quản lý giáo dục. Thực chất là quản lý một mặt hoạt động của giáo viên trong nhà trường THPT. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên THPT luôn được đặt trong mối quan hệ thống nhất với hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục và các loại hình hoạt động khác trong nhà trường. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trường THPT phải đặt trong mối quan hệ với quản lý số lượng, chất lượng giáo viên, quản lý cơ cấu đội ngũ giáo viên, quản lý thông tin về giáo viên. Những đặc trưng đó làm cho quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên trường THPT mang bản chất của quản lý giáo dục nhà trường, không đồng nhất hoặc lẫn sang lĩnh vực quản lý khoa học. Mặt khác, quản lý hoạt động

nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên chỉ tập trung vào các đề tài ứng dụng trong lĩnh vực sư phạm, không nghiên cứu cơ bản về vấn đề này.

Mục đích quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên là tổ chức và thực hiện các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên một cách hợp lý, đạt chất lượng, hiệu quả tốt nhất; góp phần hoàn thành tốt mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ giáo dục, nghiên cứu khoa học của nhà trường. Quản lý nhằm đảm bảo cho các hoạt động nghiên cứu hướng vào thực hiện mục tiêu nhiệm vụ giáo dục của nhà trường THPT.

Chủ thể quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT là Ban Giám hiệu Nhà trường. Trong đó, Hiệu trưởng nhà trường là người có trách nhiệm tổ chức, điều khiển mọi hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Các Phó hiệu trưởng, các Tổ trưởng chuyên môn được Hiệu trưởng nhà trường phân công phụ trách từng mặt, từng nội dung trong quá trình tổ chức nghiên cứu. Chủ thể quản lý phải dựa trên yêu cầu đổi mới giáo dục ở trường THPT, nắm bắt những vấn đề bất cập, nổi cộm trong thực tiễn giáo dục của nhà trường và căn cứ vào năng lực của đội ngũ giáo viên để tổ chức hoạt động nghiên cứu cho phù hợp.

Giáo viên là đối tượng bị quản lý, đồng thời lại là chủ thể quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của chính bản thân mình. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên phải tuân thủ theo sự chỉ đạo, điều khiển của các chủ thể quản lý trong nhà trường. Mặt khác, giáo viên phải chủ động, tích cực tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của chính bản thân mình. Trên cơ sở các yêu cầu của chủ thể quản lý nhà trường, mỗi giáo viên phải tự quán triệt, tự ý thức để biến các yêu cầu vốn là khách quan thành yêu cầu chủ quan của chính bản thân mình. Thông qua trải nghiệm thực tiễn giáo dục trong nhà trường và bằng kinh nghiệm cá nhân, mỗi giáo viên phải chủ động phát hiện, đề xuất các vấn đề bất cập cần phải nghiên cứu, cần phải giải quyết.

1.3.3. Nội dung quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

1.3.3.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường Trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

Mục tiêu nghiên cứu KHSPƯĐ nhằm nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp và tác động để thay đổi những hạn chế, yếu kém của hiện trạng giáo dục trong phạm vi môn học, lớp học, trường học. Đồng thời thông qua nghiên cứu KHSPƯĐ giáo viên, cán bộ quản lý được nâng cao về năng lực chuyên môn, có cơ hội để chia sẻ, học tập những bài học hay, những kinh nghiệm tốt để áp dụng vào thực tế, góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục.

Xây dựng kế hoạch nghiên cứu KHSPƯĐ là sự xác định một cách có căn cứ khoa học những mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu KHSPƯĐ (thời hạn, tốc độ, tỉ lệ cân đối) về sự phát triển một quá trình và định ra những phương tiện cơ bản để thực hiện có kết quả những mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đó. Nói cách khác, xây dựng kế hoạch nghiên cứu KHSPƯĐ là quyết định trước xem sẽ phải làm cái gì, làm như thế nào, khi nào làm và ai sẽ làm cái đó.

Hiệu trưởng cần lập được kế hoạch quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm của GV. Tức là quyết định trước trong công tác này phải làm những gì, làm việc đó như thế nào, khi nào làm và ai làm điều đó. Đây là bước đầu tiên và khó khăn nhất. Đồng thời nó cũng là tiền đề, định hướng để thực hiện các bước tiếp theo trong quá trình quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của mình. Hiệu trưởng phải đề ra được các mục tiêu, làm cơ sở cho việc huy động tối đa các nguồn lực trong nhà trường để thực hiện mục tiêu đó. Đồng thời tạo ra khả năng điều hành, tác nghiệp của các bộ phận tham gia vào công tác nghiên cứu KHSPƯĐ, giúp cho nhà trường ứng phó kịp thời với những thay đổi trong nội bộ nhà trường cũng như trong môi trường giáo dục. Hơn nữa việc lập kế hoạch quản lý nghiên cứu KHSPƯĐ còn làm cho việc kiểm tra được dễ dàng. Nội dung xây dựng kế hoạch bao gồm: “Xây dựng mục tiêu, chương trình hành động, xác định từng bước đi, những điều kiện

nguồn lực, phương tiện cần thiết trong một thời gian nhất định của cả hệ thống quản lý và bị quản lý” [30]. Những nội dung công việc trong lập kế hoạch quản lý nghiên cứu KHSPƯD bao gồm:

- Rà soát, đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu KHSPƯD năm trước, đánh giá đội ngũ giáo viên trong năm học này về số lượng, năng lực.
- Rà soát, đánh giá đề tài, chủ đề thực hiện nghiên cứu KHSPƯD năm trước, đánh giá các lực lượng tham gia nghiên cứu KHSPƯD trong năm học này về số lượng, năng lực.
- Lập kế hoạch phân loại và xếp lĩnh vực nghiên cứu.
- Lập kế hoạch tổ chức nghiên cứu KHSPƯD.
- Lập kế hoạch bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ nghiên cứu KHSPƯD trong nhà trường.
- Phê duyệt các bản Kế hoạch nghiên cứu KHSPƯD của GV.
- Lập kế hoạch phân bổ nguồn lực phục vụ nghiên cứu KHSPƯD.
- Thống nhất các chỉ số đo lường kết quả nghiên cứu KHSPƯD: Hiệu trưởng phải căn cứ từng nội dung công việc, từng nhiệm vụ để xây dựng các chỉ số đo lường kết quả từng công việc. Sau đó tổ chức cuộc họp để lấy ý kiến đóng góp và thống nhất thực hiện.

1.3.3.2. Quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực.

Chỉ đạo thực hiện công tác nghiên cứu KHSPƯD là quá trình tác động ảnh hưởng của Hiệu trưởng đến hành vi và thái độ của các thành viên trong nhóm/tổ nghiên cứu nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra. Đây là chức năng thể hiện năng lực quản lý của người Hiệu trưởng. Sau khi hoạch định kế hoạch và sắp xếp xong tổ/nhóm nghiên cứu, người Hiệu trưởng phải điều khiển cho tổ này hoạt động nhằm đạt được mục tiêu định sẵn. Chỉ đạo là một quá trình gây ảnh hưởng của người quản lý đến đối tượng bị quản lý: “Đây là quá trình sử dụng quyền lực quản lý để tác động đến các đối tượng bị quản lý (con người,

các bộ phận) một cách có chủ đích nhằm phát huy hết tiềm năng của họ hướng vào việc đạt mục tiêu chung của hệ thống. Người điều khiển phải là người có tri thức, kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định [30]. Chỉ đạo thực hiện công tác nghiên cứu KHSPƯD, xét cho cùng là sự tác động của Hiệu trưởng lên người nghiên cứu, khơi dậy động lực của nhân tố con người trong họ, thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người và quá trình giải quyết những mối quan hệ đó để họ tự nguyện và nhiệt tình phấn đấu. Để gây ảnh hưởng, thực hiện chức năng chỉ đạo của mình đối với công tác nghiên cứu KHSPƯD, CBQL cần chỉ đạo nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức NCKH được thực hiện bằng định hướng vấn đề nghiên cứu, quy định quy trình, cách thức triển khai hoạt động nghiên cứu, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những lệch lạc về nội dung, phương pháp nghiên cứu của từng đề tài, chuyên đề... Đây là khâu quản lý đòi hỏi sự phối hợp hành động chặt chẽ giữa các chủ thể quản lý nhà trường và các chủ thể quản lý cấp trên trực tiếp của nhà trường THPT.

Nội dung quản lý cần tập trung là: Lựa chọn vấn đề nghiên cứu; Tư vấn xây dựng đề cương nghiên cứu; Xác định mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu; Lựa chọn phương pháp nghiên cứu; Quy trình các bước nghiên cứu.

1.3.3.3. Tổ chức lực lượng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông

Nội dung này nhằm quản lý nguồn nhân lực cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Tổ chức lực lượng nghiên cứu KHSPƯD là nội dung đảm bảo cho mỗi cán bộ, giáo viên trong nhà trường có thể kết hợp hoạt động nghiên cứu KHSPƯD với hoạt động giảng dạy, giáo dục và các hoạt động khác trong nhà trường. Đồng thời, thông qua tổ chức lực lượng phù hợp sẽ tạo cơ hội cho sự phát triển năng lực, phẩm chất của giáo viên. “Chức năng tổ chức trong quản lý giáo dục là việc thiết kế cơ cấu các bộ phận sao cho phù hợp với mục tiêu của tổ chức” [59]. Khi nói đến tổ chức là muốn nói đến “một cơ cấu chủ định về vai trò nhiệm vụ hay chức vụ được hợp thức

hoá” [59]. Thông qua tổ chức lực lượng để cá nhân hay bộ phận hiểu rõ công việc của mình thuộc bộ phận nào, liên quan với ai, phối hợp với ai và cần những thông tin nào để hoàn thành công việc của mình. Theo quan niệm vừa nêu thì tổ chức lực lượng nghiên cứu KHSPƯD bao gồm các công việc như xây dựng cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu KHSPƯD và thành lập Hội đồng nghiên cứu KHSPƯD của nhà trường.

Nội dung chủ yếu của tổ chức lực lượng nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT là xây dựng cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Xây dựng cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu KHSPƯD có tác dụng phân bổ nguồn lực hợp lý cho từng công việc cụ thể, từ đó có thể tiết kiệm nguồn lực, hạ thấp chi phí nhân công, nâng cao được hiệu quả nghiên cứu. Mặt khác, cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu KHSPƯD có chức năng xác định rõ trách nhiệm và cách thức thể hiện vai trò của mỗi thành viên theo quy chế của bản mô tả công việc, sơ đồ tổ chức và hệ thống phân cấp quyền hạn trong tổ chức. Ngoài ra, cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt nghiên cứu KHSPƯD còn góp phần xác định quy chế thi đua khen thưởng, xử lý thông tin để ra quyết định và giải quyết các vấn đề của tổ chức. Nội dung này bao gồm: Thành lập tổ/nhóm nghiên cứu do Hiệu trưởng/ Phó Hiệu trưởng phụ trách làm trưởng nhóm, tổ trưởng làm thư ký, các giáo viên, giáo viên chủ nhiệm lớp làm ủy viên. Xây dựng nhiệm vụ của từng bộ phận, của cá nhân trong tổ/nhóm nghiên cứu. Thiết lập cơ chế làm việc của các bộ phận. Thành lập Hội đồng nghiên cứu KHSPƯD của nhà trường do Hiệu trưởng làm chủ tịch quản lý, điều hành chung mọi hoạt động KHSPƯD.

1.3.3.4. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phụ thuộc nhiều vào kiến thức và kỹ năng thực hiện các hoạt động nghiên cứu và thực hiện các đề tài

gắn với các môn học hoặc công tác quản lý nhà trường. Giáo viên ở các trường THPT không phải là lực lượng nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, nên việc bồi dưỡng nâng cao về kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu KHSPƯD là rất cần thiết.

Nội dung tổ chức bồi dưỡng bao gồm việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với thực tiễn; tổ chức lực lượng bồi dưỡng sao cho phát huy tối ưu các nguồn lực của nhà trường; xác định mục tiêu, nhu cầu bồi dưỡng; xác định nội dung, chương trình bồi dưỡng; xác định phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng; quản lý chất lượng và kết quả của hoạt động bồi dưỡng.

Phương thức tổ chức bồi dưỡng bao gồm nhiều phương pháp và hình thức khác nhau như: bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng tập trung, bồi dưỡng trong thực tiễn. Kết hợp bồi dưỡng tại trường với bồi dưỡng các cụm trường.

Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phải phù hợp với trình độ năng lực của giáo viên và phù hợp với đặc điểm của nhà trường. Coi trọng các hoạt động bồi dưỡng trong thực tiễn.

1.3.3.5. Xây dựng quy chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng theo tiếp cận năng lực

Điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT bao gồm các điều kiện về pháp lý và các điều kiện về môi trường sư phạm của nhà trường. Điều kiện pháp lý bao gồm cơ chế, chính sách và các văn bản quy định của các cấp quản lý có thẩm quyền về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT. Ban Giám hiệu các nhà trường THPT cần phải xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực. Trong đó phải có các điều khoản động viên khuyến khích và bắt buộc giáo viên ở nhà trường THPT phải tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯD.

Điều kiện về môi trường sư phạm của nhà trường bao gồm các điều kiện về nhân lực, vật lực, tài lực, tin lực và văn hóa quản lý trong nhà trường đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên được thực hiện một cách tích cực. Đối với các trường THPT, sự hỗ trợ về cơ chế chính sách, tài chính, vật chất, thời gian, thông tin, tài liệu tham khảo và các điều kiện tinh thần, cơ chế quản lý có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Quan sát trong thực tế, các trường THPT hoạt động nghiên cứu KHSPƯD chưa được quan tâm đúng mức. Đa số giáo viên các trường THPT ít được tiếp cận với các nguồn thông tin lí luận mới về khoa học sư phạm. Vì vậy, phần đông các giáo viên không muốn nghiên cứu đề tài khoa học mà chỉ đăng ký sáng kiến kinh nghiệm. Vấn đề này đòi hỏi cần phải đổi mới, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho về cơ chế chính sách, tài chính, vật chất, thời gian, thông tin, tài liệu tham khảo và các điều kiện tinh thần cho giáo viên nghiên cứu, khi đó mới nâng cao được chất lượng, góp phần tạo ra những kết quả nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT hiệu quả vào thực tiễn dạy học, giáo dục, đáp ứng với yêu cầu bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

1.3.3.6. Kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên

Kiểm tra là một chức năng quan trọng của nhà quản lý. Kiểm tra là một tiến trình đo lường kết quả thực hiện, so sánh với những điều đã được hoạch định, đồng thời sửa chữa những sai sót để đảm bảo việc đạt được mục tiêu theo như kế hoạch hoặc các quyết định đã được đề ra. Chức năng kiểm tra gắn bó chặt chẽ với quá trình quản lý. “Kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét” [78]. Tác giả Nguyễn Xuân Thanh cho rằng: “Kiểm tra có thể hiểu là sự xem xét thực tế để đưa ra đánh giá, nhận xét của bất kỳ một cá nhân, một tổ chức nào đó trong xã hội ở bất kì một hoạt động nào, nhằm xem

xét những diễn biến diễn ra có đúng với quy tắc đã xác lập, các tiêu chuẩn và các mệnh lệnh về quản lí đã ban hành hay không” [93].

Kiểm tra hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ là quá trình xem xét thực tiễn, đánh giá thực trạng về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ làm cơ sở cho đánh giá việc thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu KHSPƯĐ có diễn ra đúng cách, đúng tiến độ hay không. Kiểm tra hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ có mục đích là xem xét các hoạt động của các thành viên, các bộ phận trong nhóm nghiên cứu có phù hợp với nhiệm vụ đã đề ra hay không; xem xét ưu điểm, nhược điểm và những nguyên nhân để kịp thời ra quyết định phù hợp; xem xét các công việc có phù hợp với tình hình thực tế hay không; phát hiện ra những nhân tố mới trong công tác nghiên cứu KHSPƯĐ để điều chỉnh quyết định quản lí. Đồng thời qua kiểm tra còn nhằm phát hiện những sai lệch trong công tác nghiên cứu KHSPƯĐ và quản lí công tác nghiên cứu KHSPƯĐ. Sau khi xác định các mục tiêu của quản lí công tác nghiên cứu KHSPƯĐ, quyết định những biện pháp tốt nhất để đạt tới các mục tiêu và triển khai tổ chức, chỉ đạo để thực hiện các mục tiêu đó, Hiệu trưởng cần phải tiến hành những hoạt động kiểm tra để xem xét việc triển khai các quyết định trong thực tiễn, từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong các hoạt động để góp phần đạt tới mục tiêu đã xác định.

Kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT bao gồm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, kiểm tra đánh giá định kỳ, kiểm tra, đánh giá đột xuất. Phải phối hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau. Yêu cầu chung đối với các loại hình kiểm tra, đánh giá là phải có kế hoạch, phải tổ chức chặt chẽ, đánh giá có tiêu chí, đảm bảo sự khách quan, chính xác. Kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên là kiểm tra, đánh giá toàn diện các khâu, các bước, các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ trong nhà trường. Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên là kiểm tra, đánh giá chất

lượng của sản phẩm nghiên cứu.

1.4. Những yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trường trung học phổ thông

1.4.1. Tác động từ xu thế phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và địa phương

Điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương là yếu tố khách quan có ảnh hưởng trực tiếp đến trường THPT nói chung và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD nói riêng. Do đó, nhà trường khi lập kế hoạch quản lý, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra cũng như thông tin trong quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD không thể tách rời điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước cũng như địa phương và phải có những đổi mới về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD cho phù hợp đó là: Mục tiêu phải thiết thực, phù hợp và khả thi. Nội dung nghiên cứu phải thiết thực, cập nhật, thường xuyên bổ sung những nội dung, thông tin phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đất nước, tình hình quốc tế.

Mặt khác muốn xác định đúng các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD, nhà quản lý phải tìm ra các yếu tố tác động và chi phối chất lượng và hiệu quả của hoạt động nghiên cứu KHSPUD, những yếu tố đó thể hiện ở các tiêu chí nào ngoài những nhân tố kể trên, ta còn cần quan tâm các nhân tố sau:

Nguồn lực nghiên cứu KHSPUD, bao gồm nhân lực, tài lực, vật lực và nguồn thông tin phục vụ nghiên cứu KHSPUD. Cấu trúc và cơ chế tổ chức, điều hành của hệ thống quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở nhà trường. Các nội dung và quy trình quản lý, gồm các bước, các khâu cụ thể và cách thức, trình tự tác động quản lý vào đối tượng và khách thể quản lý. Trình độ năng lực nghiên cứu KHSPUD, tâm thế và nỗ lực của giáo viên để tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPUD. Sự chỉ đạo điều hành của các cấp quản lý nhà trường như Sở Giáo dục và Đào tạo và chính quyền địa phương. Môi trường vật chất và môi

trường văn hóa mà trong đó diễn ra hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Môi trường kinh tế xã hội bên ngoài nhà trường và văn hóa của tổ chức nhà trường đều có ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

1.4.2. Tác động từ chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng, Nhà nước và địa phương

Chủ trương, chính sách là công cụ quản lý của cán bộ quản lý các cấp. Chủ trương, chính sách đúng, phù hợp với thực tiễn sẽ có tác dụng tích cực, thúc đẩy các lực lượng huy động các nguồn lực cho hoạt động đạt hiệu quả cao nhất. Ngược lại, chủ trương, chính sách lạc hậu, chậm đổi mới sẽ kìm hãm sự phát triển của tổ chức, hạn chế kết quả của hoạt động nói chung và hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT nói riêng. Chủ trương, chính sách và các quy định phải luôn được bổ sung, hoàn thiện, cập nhật sự vận động phát triển của thực tiễn. Xét dưới góc độ quản lý, chủ trương, chính sách sẽ tạo thành môi trường pháp lý đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT được thực hiện đúng quy định.

Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã xác định bảy quan điểm định hướng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong đó có viết “Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục”. Những quan điểm này có tác động tích cực đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT.

Quốc hội khoá X đã ban hành Nghị quyết 40/2000/QH10, Quốc hội khoá XI ban hành Nghị quyết 37/2004/QH 11 đặt trọng tâm vào đổi mới giáo

dục

THPT là hạn chế tính hàn lâm, tăng cường thực hành, gắn liền với thực tiễn cuộc sống; tăng cường tích hợp nội dung dạy học; thực hiện dạy học và đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của học sinh; đổi mới kiểm tra đánh giá toàn diện với người học; đảm bảo trang bị cho người học kiến thức toàn diện; tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ trong nhà trường. Do vậy, hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở các trường THPT cũng cần đổi mới để phù hợp và đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục THPT.

Chủ trương phát triển giáo dục của tỉnh Lào Cai được thể hiện tập trung trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV, Chương trình hành động số 153-CTr/TU và Đề án số 06-ĐA/TU của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao”. Những vấn đề đổi mới giáo dục đã đặt ra những yêu cầu mới cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh. Chủ trương đổi mới giáo dục đã vạch ra phương hướng cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT.

Những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và địa phương về phát triển giáo dục đã tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ, giáo viên các trường THPT về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Điều đó không chỉ làm thay đổi nhận thức của cán bộ, giáo viên về yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo mà còn định hướng cho cán bộ, giáo viên về động cơ, thái độ và trách nhiệm tham gia nghiên cứu KHSPƯĐ.

1.4.3. Tác động từ quá trình đổi mới giáo dục và nhiệm vụ của nhà trường THPT hiện nay

Quá trình đổi mới giáo dục đang tác động đến mọi khâu, mọi bước, mọi thành tố của quá trình giáo dục ở tất cả các cấp học. Quá trình đổi mới giáo dục hiện nay đang đặt ra cho các nhà trường THPT có nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Đổi mới quá trình giáo dục ở nhà trường THPT đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên trong nhà

trường. Như vậy, hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên chịu sự tác động của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đang diễn ra, hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên phải hướng vào nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới. Nghiên cứu làm rõ phương thức tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới ở các trường THPT.

Trong chương trình giáo dục mới 2018, mục tiêu, nội dung các môn học đều thay đổi theo quan điểm tiếp cận năng lực. Điều đó đặt ra yêu cầu mới về nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Đặc biệt, chương trình giáo dục phổ thông mới ở các trường THPT có nội dung về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh theo năng lực. Nội dung động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh được xây dựng và cấu trúc theo chương trình của các môn học. Mỗi môn học đều có chương trình động trải nghiệm, hướng nghiệp, trong đó bao gồm các hoạt động ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và các hoạt động ngoài giờ chính khóa. Lần đầu tiên thực hiện chương trình giáo dục mới, cũng đồng nghĩa với lần đầu tiên thực hiện các động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh theo chương trình mới. Mặc dù có tập huấn, có chỉ đạo nhưng khó có thể không vấp phải những khó khăn mới nảy sinh. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT phải bám sát thực tiễn, nghiên cứu tìm ra các giải pháp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới phù hợp với thực tiễn địa phương.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT trước hết chịu sự tác động trực tiếp của quá trình dạy học trong nhà trường. Quá trình dạy học có vai trò như cơ sở thực tiễn diễn ra các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là ứng dụng những thành tựu của khoa học sư phạm vào quá trình dạy học và giáo dục

trong nhà trường. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD luôn phải hướng vào thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và dạy học của nhà trường.

1.4.4. Tác động quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường trung học phổ thông

Quy chế, quy định và môi trường sư phạm có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT. Đó là điều kiện pháp lí và điều kiện tinh thần có tác động đến trách nhiệm pháp lí, tình cảm, lí trí và hành vi của các thành viên trong nhà trường. Quy chế, quy định tạo thành cơ chế và văn hóa quản lí của nhà trường. Cơ chế quản lí mang tính dân chủ, thỏa mãn nhu cầu của các thành viên trong nhà trường và phù hợp với thực tiễn sẽ tạo nên động lực cho các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Quy chế, quy định và môi trường sư phạm thuận lợi sẽ tạo thành bầu không khí tích cực gắn kết các thành viên, thúc đẩy mọi hoạt động trong nhà trường. Quy chế, quy định được thể hiện tập trung ở Luật giáo dục và Điều lệ nhà trường.

Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 15/9/2020, tại Điều 29 quy định: Giáo viên có quyền “Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở giáo dục khác hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ nơi mình công tác và được sự đồng ý của hiệu trưởng bằng văn bản”. Về nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên đã được đề cập đến rất cụ thể từ nhiều năm trước đây, trong Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011, tại điều 27 đã xác định giáo viên trường trung học có nhiệm vụ sau đây: “Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường theo chế độ làm việc của giáo viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng”.

Những quy định trong Điều lệ nhà trường là những văn bản pháp lý định hướng cho Ban Giám hiệu các trường THPT triển khai xây dựng quy chế, quy định của nhà trường về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

1.4.5. Tác động từ môi trường sư phạm và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường Trung học phổ thông

Môi trường sư phạm có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT, nó tác động đến tình cảm, lí trí và hành vi của các thành viên trong nhà trường. Bầu không khí làm việc trong nhà trường tốt sẽ gắn kết các thành viên, thúc đẩy mọi hoạt động trong nhà trường.

Môi trường sư phạm ở trường THPT được tạo thành từ văn hóa quản lí, từ các mối quan hệ và từ quá trình dạy học, giáo dục trong nhà trường. Trường THPT là cấp học cuối cùng trong hệ thống giáo dục phổ thông có những đặc điểm và yêu cầu riêng về nhiệm vụ dạy học, giáo dục. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT trước hết chịu sự tác động trực tiếp của quá trình dạy học trong nhà trường. Quá trình dạy học có vai trò như cơ sở thực tiễn diễn ra các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là ứng dụng những thành tựu của khoa học sư phạm vào quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD luôn phải hướng vào thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và dạy học của nhà trường.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT chịu sự tác động của văn hóa quản lí và các mối quan hệ của các thành viên trong nhà trường. Các mối quan hệ và phương thức quản lí mang tính dân chủ, bình đẳng sẽ thúc đẩy mọi thành viên tích cực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT chịu sự tác động của điều kiện sư phạm cụ thể của nhà trường. Điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKHSPƯD ở trường Trung học phổ thông bao gồm các điều kiện về nhân lực, vật lực, tài lực và tin lực. Trong thực tiễn, một số trường THPT còn chưa chủ động huy động các nguồn lực đảm bảo cho hoạt

động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Mặt khác, về góc độ quản lý, chưa có đủ các văn bản pháp quy tạo điều kiện pháp lý cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Điều này đã có tác động không nhỏ đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

1.4.6. Tác động từ thực trạng phẩm chất và năng lực của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên ở các trường trung học phổ thông hiện nay

Theo Bộ GD&ĐT thì “Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.”, “khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý còn hạn chế”. Đa số chưa được đào tạo có hệ thống về công tác quản lý, trình độ và năng lực điều hành quản lý còn bất cập, tính chuyên nghiệp thấp, làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân nên chất lượng, hiệu quả công tác còn nhiều hạn chế.”. Trong chiến lược phát triển giáo dục 2010- 2020 đã chỉ rõ: “Nguyên nhân của những yếu kém bất cập trước hết là do yếu tố chủ quan, trình độ quản lý giáo dục chưa theo kịp với thực tiễn và nhu cầu phát triển khi nền kinh tế đang chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa phối hợp tốt và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội; chậm đổi mới cả tư duy và phương thức quản lý, năng lực của cán bộ quản lý giáo dục các cấp chưa được chú trọng nâng cao”.

Năng lực của cán bộ quản lý đã có tác động trực tiếp đến khả năng quản lý nhà trường nói chung và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên nói riêng. Một số cán bộ quản lý không biết xây dựng, định hướng và tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Năng lực nghiên cứu khoa học của một số lớn giáo viên ở các trường THPT còn hạn chế. Đa số giáo viên chưa được bồi dưỡng về phương pháp NCKH, chưa hình dung được quy trình nghiên cứu, chưa nắm được cấu trúc của đề tài KHSPƯD. Điều đó có tác động ảnh hưởng lớn đến hình thành các ý tưởng và triển khai hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu tư liệu, trong chương 1 tác giả đã trình bày vấn đề cơ sở lý luận quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên THPT, bao gồm các khái niệm công cụ của đề tài: Khái niệm năng lực, năng lực NCKH giáo viên THPT; khái niệm quản lý giáo dục; Khái niệm quản lý nhà trường; khái niệm hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường THPT; khái niệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên Trường trung học phổ thông.

Đề tài luận văn đã xác định nội dung quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường trung học phổ thông. Nội dung về nâng cao nhận thức về hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Nội dung xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Nội dung tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Nội dung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Nội dung quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Nội dung kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

Đề tài luận văn đã chỉ ra các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trường trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực. Bao gồm: Đường lối của Đảng và Nhà nước; Yêu cầu đổi mới giáo dục trung học phổ thông; Những yêu cầu của hoạt động nghiên cứu KHSPUD trong giai đoạn hiện nay; Điều kiện kinh tế-xã hội.

Hoạt động nghiên cứu KHSPUD trong nhà trường THPT có vị trí vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển phẩm chất, năng lực của giáo viên. Đồng thời, nghiên cứu KHSPUD còn có ý nghĩa quan trọng giúp cho giáo viên, CBQL nhìn lại quá trình để tự điều chỉnh phương pháp dạy và học, phương pháp giảng dạy học sinh cho phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh cụ thể, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ có vai trò quyết định trong việc thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ ở trường THPT, do đó cần có những biện pháp quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của nhà trường, địa phương để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ.

Qua chương này, tác giả đã thể hiện cơ sở lý luận giúp cho việc nghiên cứu được đúng hướng, đúng chuẩn mực. Đây là những vấn đề rất cơ bản từ đó có cơ sở để nghiên cứu, phân tích thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ và đề xuất những biện pháp để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ ở các trường THPT tỉnh Lào Cai.

Chương 2

THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÀO CAI THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

2.1. Khái quát chung về văn hóa, giáo dục tỉnh Lào Cai

2.1.1. Khái quát chung về văn hóa

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới, nằm chính giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc của Việt Nam, cách Hà Nội 296 km theo đường sắt và 265 km theo đường cao tốc. Phía đông giáp tỉnh Hà Giang; phía tây giáp tỉnh Sơn La và Lai Châu; phía nam giáp tỉnh Yên Bái, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với 203 km đường biên giới.

Dân số toàn tỉnh Lào Cai có hơn 730.000 người. Có 25 nhóm ngành dân tộc cùng chung sống hoà thuận, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 64,09% dân số toàn tỉnh. Dân tộc Kinh chiếm 35,9%, dân tộc Mông chiếm 22,21%, Tày 15,84%, Dao 14,05%, Giáy 4,7%, Nùng 4,4%, còn lại là các dân tộc đặc biệt ít người Phù Lá, Sán Chay, Hà Nhì, La Chí,... Các dân tộc thiểu số phân bố, cư trú trên địa bàn 9/9 huyện, thành phố, của tỉnh. Tỉnh Lào Cai được chia làm 3 khu vực:

Khu vực I: Là các xã có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thuận lợi. Chủ yếu là các xã ở vùng thấp, gần trung tâm các huyện, thành phố, giao thông và các dịch vụ xã hội thuận lợi.

Khu vực II: Là các xã có điều kiện phát triển kinh tế- xã hội khó khăn, phần lớn các xã này nằm ở vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại còn tương đối khó khăn; các dịch vụ xã hội cơ bản đã được đáp ứng tương đối tốt.

Khu vực III: Là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã ở vùng sâu vùng biên giới, xa các trung tâm huyện, thành phố; địa hình bị chia cắt mạnh, giao thông đi lại còn rất nhiều khó khăn; các dịch vụ xã hội còn hạn chế

2.1.2. Khái quát chung về giáo dục

Tỉnh Lào Cai được tái lập từ ngày 01/10/1991, thời điểm tái lập tỉnh, hệ thống giáo dục của tỉnh chưa đầy đủ, không có trường Sư phạm, chưa có trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh và cũng chưa có các cơ sở Giáo dục chuyên nghiệp, toàn tỉnh có tới 14 xã không có trường lớp học, hầu hết các xã vùng cao không có đến lớp 5; có 101 xã chưa có trường, lớp THCS. Cơ sở vật chất trường học rất thiếu thốn, tạm bợ; đội ngũ giáo viên thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn; tỷ lệ người trong độ tuổi mù chữ rất lớn; tỷ lệ huy động trẻ từ 6 - 14 tuổi ra lớp đạt 35,7%. Chất lượng, hiệu quả Giáo dục - Đào tạo rất thấp, cả tỉnh chưa có xã nào đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và chống mù chữ. Nhận thức về giáo dục và nhu cầu học tập trong nhân dân các dân tộc cũng bị giảm sút nhiều.

Sau 10 năm phấn đấu (1991–2001), Lào Cai có bước tiến dài về phát triển quy mô trường lớp. Mạng lưới trường lớp đa dạng phủ kín các địa bàn. Các huyện đều tập trung vào củng cố trường Trung học phổ thông. Tại thị xã tỉnh lỵ, ngay sau khi tái lập tỉnh, trường Dân tộc nội trú tỉnh, trường THPT thị xã và trường Trung học Sư phạm được thành lập để đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ, đào tạo giáo viên và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân ở thị xã tỉnh lỵ mới.

Toàn tỉnh có trên 160 nghìn học sinh phổ thông, gần 12 nghìn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, 409 cơ sở giáo dục phổ thông, trên 500 điểm trường, cơ sở giáo dục đến tận thôn, bản, 2/3 cơ sở giáo dục, học sinh, giáo viên ở vùng cao; gần 70% học sinh là người dân tộc thiểu số; có 09 trường PTDT nội trú với trên 4.400 HS, có 136 trường PTDT bán trú và 105 trường phổ thông có học sinh bán trú với trên 35 ngàn học sinh, chiếm 22% so với số học sinh phổ thông; có 71,2% cán bộ, giáo viên là nữ, trong đó, có 2/3 số cán bộ, GV nữ.

2.1.3. Khái quát tình hình giáo dục Trung học phổ thông

*** Quy mô hệ thống giáo dục Trung học phổ thông**

Theo số liệu thống kê, hiện nay toàn tỉnh có 36 trường THPT, với 542 lớp; 18620 học sinh và 1210 giáo viên. Số liệu cụ thể được tổng hợp trong

bảng 2.1.

Bảng 2.1: Quy mô hệ thống giáo dục THPT tỉnh Lào Cai

TT	Tên trường	SL lớp	SL học sinh	SL giáo viên	SL CBQL
1	THPT số 3 huyện Bảo Thắng	15	538	33	3
2	THPT số 2 huyện Bảo Thắng	23	756	53	4
3	THPT số 1 huyện Bảo Thắng	28	919	62	4
4	PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng	6	207	12	3
5	PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên	6	208	11	3
6	THPT số 2 huyện Bảo Yên	17	599	36	3
7	THPT số 1 huyện Bảo Yên	29	1011	61	4
8	THPT số 3 huyện Bảo Yên	11	373	24	2
9	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6	206	13	4
10	THCS và THPT huyện Bát Xát	9	292	18	2
11	THPT số 2 huyện Bát Xát	14	508	31	3
12	THPT số 1 huyện Bát Xát	18	660	39	3
13	THPT số 2 huyện Bắc Hà	15	499	31	2
14	THPT số 1 huyện Bắc Hà	21	742	44	3
15	PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà	6	207	19	2
16	THPT số 1 Tp Lào Cai	30	1096	64	3
17	THPT số 2 Tp Lào Cai	23	838	53	4
18	THPT số 3 Tp Lào Cai	21	796	48	4
19	THPT số 4 Tp Lào Cai	14	499	32	2
20	THPT DTNT tỉnh	15	523	37	3
21	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	28	929	69	3
22	PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương	6	199	14	3
23	THPT số 3 huyện Mường Khương	8	288	18	2
24	THPT số 1 huyện Mường Khương	17	600	37	3
25	THPT số 2 huyện Mường Khương	12	382	27	3
26	THPT số 2 huyện Sa Pa	8	236	20	1
27	THPT số 1 huyện Sa Pa	18	668	37	3
28	PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa	6	202	20	3
29	PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai	6	206	14	3
30	THPT số 2 huyện Si ma cai	11	323	25	2
31	THPT số 1 huyện Si Ma Cai	17	528	39	3
32	THPT số 3 huyện Văn Bàn	16	524	34	3
33	PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn	6	210	16	3
34	THPT số 2 huyện Văn Bàn	21	670	44	3
35	THPT số 1 huyện Văn Bàn	20	654	43	4
36	THPT số 4 huyện Văn Bàn	15	524	32	3
	Cộng	542	18620	1210	106

Nguồn: Số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai

** Những thành tích đạt được về giáo dục Trung học phổ thông*

Nếu như khi mới tái lập tỉnh, trong năm học 1992 – 1993 cả tỉnh có 14 trường THPT, thì đến năm học 2013 - 2014 đã có 28 trường THPT. Tính đến thời điểm của năm học 2020 -2021, toàn tỉnh Lào Cai có 36 trường THPT, chất lượng giáo dục toàn diện liên tục được nâng lên, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học rất thấp; 100% học sinh THPT được học Tin học, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tương đối cao. Nhiều học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ giao lưu, hội thi cấp Quốc gia và khu vực như Hội khoẻ Phù Đổng, Giai điệu tuổi hồng, Đại hội Thể thao. Số học sinh đạt giải học sinh giỏi qua các kỳ thi Quốc gia, khu vực hàng năm được duy trì ở mức cao so với các tỉnh miền núi. Năm học, 2018 – 2019, tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT đạt 44 giải, năm học 2019-2020 đạt 41 giải; tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia dành cho học sinh trung học đạt 05 giải, trong đó 4 giải nhất (tỉnh có giải nhất đứng đầu toàn quốc), đặc biệt có 01 dự án đạt giải ba quốc tế (Giải duy nhất của Việt Nam trong 10 dự án dự thi tại Mỹ); năm học 2019- 2020 đạt 2/2 giải, trong đó có 1 giải nhất, 1 giải nhì và đứng thứ 2 toàn quốc...

Đội ngũ giáo viên và quản lý giáo dục trung học phổ thông toàn tỉnh được tăng cường và ngày càng chuẩn hóa. Cơ sở vật chất trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên và nhà ở bán trú cho học sinh trung học phổ thông được quan tâm đầu tư. Chính sách ưu tiên đầu tư cho giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc được mở rộng và thực hiện có hiệu quả. Trường học đạt chuẩn tăng nhanh, chiếm 44% tổng số trường, tăng 21,9% so năm 2010 [23].

Cuối năm 2019 toàn tỉnh có 17/36 trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tiếp tục phát triển, trở thành nòng cốt của giáo dục vùng cao. Giáo dục thường xuyên được mở rộng quy mô, đa dạng hoá loại hình đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đã đạt được kết quả bước đầu, xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tốt.

2.2. Tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng

2.2.1. Mục đích điều tra, khảo sát

Phát hiện, đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ ở các trường THPT của tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực, thông qua đó làm cơ sở thực tiễn để tác giả đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai hiện nay.

2.2.2. Đối tượng, địa bàn, thời gian điều tra, khảo sát

Đối tượng điều tra, khảo sát: Cán bộ Sở GD&ĐT, các cán bộ quản lý và giáo viên trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai. Tổng số khách thể điều tra gồm 267 người. Bao gồm, cán bộ quản lý giáo dục 67 người (trong đó có 21 cán bộ của Sở GD&ĐT; 20 Hiệu trưởng và 26 phó Hiệu trưởng); 200 giáo viên của các trường THPT tỉnh Lào Cai.

Địa bàn điều tra, khảo sát: Sở GD&ĐT Lào Cai và các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Thời gian điều tra, khảo sát: Tiến hành điều tra khảo sát là 2 năm, từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2019- 2020.

2.2.3. Nội dung tiến hành điều tra, khảo sát

Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

2.2.4. Phương pháp nghiên cứu thực trạng

Sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu thực tiễn khoa học giáo dục, chuyên ngành quản lý giáo dục. Bao gồm các phương pháp cụ thể như sau:

Phương pháp quan sát và nghiên cứu các sản phẩm: Quan sát hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Nghiên cứu các văn bản, thông tư, chỉ thị, kế hoạch, báo cáo tổng kết, nghị quyết và các tài liệu, các sản phẩm liên quan đến hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong các giai đoạn. Nghiên cứu kết quả hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Trên cơ sở đó rút ra những nhận định, đánh giá có tính quy luật về thực tiễn tổ chức hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm trao đổi với giáo viên, cán bộ quản lý về thực trạng hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Phỏng vấn cán bộ quản lý nhà trường về những thuận lợi và khó khăn trong quản lý hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai mà họ đã trải qua.

Phương pháp xin ý kiến chuyên gia. Xin ý kiến cán bộ quản lý các nhà trường và các cơ quan chức năng về ưu điểm, hạn chế của phương thức tổ chức hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay và phương hướng, biện pháp đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT trong thời gian tới.

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi. Để đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai, nghiên cứu sinh tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi. Bao gồm 2 mẫu phiếu: Mẫu 1 dùng cho điều tra cán bộ quản lý giáo dục. Mẫu 2 dùng cho điều tra giáo viên. Kết quả điều tra được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học.

2.2.5. Xử lý kết quả khảo sát

Kết quả điều tra được đánh giá theo 04 mức: Tốt, Khá, Trung bình, Yếu. Xử lý theo quy luật số lớn, tính số lượng và tính %, đồng thời tính điểm

trung bình, đúc kết thành bảng số liệu. Cách tính điểm như sau: Tốt: 4 điểm; Khá 3 điểm; Trung bình 2 điểm; Yếu 1 điểm. Cộng tổng số điểm của từng nội dung đánh giá và tính điểm trung bình, xếp thứ bậc của các thực trạng, biểu diễn thành đồ thị để minh họa cho các nhận xét, kết luận rút ra. Xử lý số liệu bằng công thức tính giá trị trung bình của mỗi nội dung như sau:

$$\bar{X} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^n x_i$$

xi là điểm được cho ứng với mỗi nội dung
ni là số người cho điểm xi nội dung tương ứng
N là tổng số người cho điểm mỗi nội dung

Công thức tính khoảng điểm: $L = \frac{n-1}{n}$

Trong đó L: là khoảng điểm; n: là số các mức độ chia khoảng (1-4). Ta có: $L = \frac{4-1}{4} = 0,75$

Mức độ đánh giá và khoảng điểm

Mức độ đánh giá	Khoảng điểm
Tốt	4.0 – 3.25
Khá	< 3.25 – 2.5
Trung bình	< 2.5 – 1.75
Yếu	< 1.75

2.3. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai

2.3.1. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên THPT tỉnh Lào Cai

Bảng 2.2. Thực trạng trình độ đào tạo của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai

TT	Tên trường	SL giáo viên	Trình độ đào tạo		
			Đại học	ThS	TS
1	THPT số 3 huyện Bảo Thắng	33	31	2	0
2	THPT số 2 huyện Bảo Thắng	53	50	3	0
3	THPT số 1 huyện Bảo Thắng	62	47	15	0
4	PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng	12	10	2	0
5	PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên	11	7	4	0
6	THPT số 2 huyện Bảo Yên	36	33	3	0
7	THPT số 1 huyện Bảo Yên	61	55	6	0
8	THPT số 3 huyện Bảo Yên	24	20	4	0

9	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	13	9	4	0
10	THCS và THPT huyện Bát Xát	18	16	2	0

11	THPT số 2 huyện Bát Xát	31	29	2	0
12	THPT số 1 huyện Bát Xát	39	35	4	0
13	THPT số 2 huyện Bắc Hà	31	26	5	0
14	THPT số 1 huyện Bắc Hà	44	41	3	0
15	PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà	19	16	3	0
16	THPT số 1 Tp Lào Cai	64	43	21	0
17	THPT số 2 Tp Lào Cai	53	46	7	0
18	THPT số 3 Tp Lào Cai	48	43	5	0
19	THPT số 4 Tp Lào Cai	32	26	6	0
20	THPT DTNT tỉnh	37	31	6	0
21	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	69	42	27	0
22	PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương	14	13	1	0
23	THPT số 3 huyện Mường Khương	18	14	4	0
24	THPT số 1 huyện Mường Khương	37	34	3	0
25	THPT số 2 huyện Mường Khương	27	19	8	0
26	THPT số 2 huyện Sa Pa	20	17	3	0
27	THPT số 1 huyện Sa Pa	37	27	10	0
28	PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa	20	15	5	0
29	PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai	14	11	3	0
30	THPT số 2 huyện Si ma cai	25	24	1	0
31	THPT số 1 huyện Si Ma Cai	39	35	4	0
32	THPT số 3 huyện Văn Bàn	34	31	3	0
33	PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn	16	14	2	0
34	THPT số 2 huyện Văn Bàn	44	39	5	0
35	THPT số 1 huyện Văn Bàn	43	41	2	0
36	THPT số 4 huyện Văn Bàn	32	26	6	0
	Cộng	1210	1016	194	0

Nguồn: Số liệu thống kê của Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai

Những năm gần đây, thực hiện chủ trương chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, dưới sự quản lý của Sở GD&ĐT, các nhà trường THPT đã tích cực cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn. Kết quả tổng hợp trong bảng 2.2 cho thấy, trong tổng số 1210 cán bộ, giáo viên của 36 trường THPT, có 1016 cán bộ, giáo viên đạt trình độ đại học; 194 cán bộ, giáo viên đạt trình độ thạc sĩ. Tỷ lệ đạt trình độ sau đại học chiếm 16,0%. Nếu chỉ xem xét riêng đội ngũ cán bộ quản lý cấp trường, trong tổng số 106 Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đã có 69 người đạt trình độ Thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 65,1%. Mặc dù tỷ lệ khác nhau, nhưng tất cả 100% các nhà trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai đều đã có cán bộ quản lý và giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ. Đây là điều kiện rất quan trọng, đảm bảo cho các nhà trường triển khai các hoạt động NCKH.

Để đánh giá về năng lực hoạt động NCKH của đội ngũ giáo viên các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai, NCS đã điều tra bằng phiếu hỏi, kết quả được tổng hợp, xử lý số liệu qua bảng 2.3 như sau:

Bảng 2.3. Thực trạng năng lực NC KHSPƯĐ của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai

TT	Nội dung đánh giá	Đối tượn g hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
			Tốt		Khá		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Năng lực chuyên môn	CBQL	20	29,8	20	29,8	27	40,3	0	0	2,89	2
		GV	61	30,5	61	30,5	78	39,0	0	0	2,91	3
2	Năng lực nghiệp vụ sư phạm	CBQL	21	31,4	24	35,8	22	32,8	0	0	2,98	1
		GV	63	31,5	73	36,5	64	32,0	0	0	2,99	1
3	Năng lực tư duy sáng tạo	CBQL	15	22,4	15	22,4	27	40,3	10	14,9	2,52	10
		GV	47	23,5	47	23,5	78	39,0	28	14,0	2,56	11
4	Năng lực tư duy phản biện	CBQL	18	26,9	18	26,9	24	35,8	7	10,4	2,70	6
		GV	55	27,5	55	27,5	71	35,5	19	9,5	2,73	8
5	Năng lực tư duy logic	CBQL	7	10,4	13	19,4	30	47,8	17	25,4	2,15	16
		GV	23	11,5	41	20,5	87	43,5	49	24,5	2,19	18
6	Năng lực giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm	CBQL	13	19,4	14	20,9	30	47,8	10	14,9	2,45	12
		GV	41	20,5	43	21,5	88	44,0	28	14,0	2,48	14
7	Năng lực thuyết trình sư phạm	CBQL	9	13,4	11	16,4	32	47,7	15	23,4	2,21	15
		GV	28	14,0	34	17,0	92	46,0	46	23,0	2,22	17
8	Năng lực vận dụng các quan điểm PP L trong NCKHGD	CBQL	7	10,4	13	19,4	30	47,8	17	25,4	2,15	16
		GV	23	11,5	41	20,5	87	43,5	49	24,5	2,19	18
9	Năng lực sử dụng các phương pháp NC KHGD	CBQL	9	13,4	11	16,4	32	47,7	15	23,4	2,21	15
		GV	28	14,0	34	17,0	92	46,0	46	23,0	2,22	17
10	Năng lực tổ chức NCKH sư phạm	CBQL	13	19,4	12	17,9	30	44,8	12	17,9	2,39	13
		GV	41	20,5	37	18,5	89	44,5	33	16,5	2,43	15
11	Năng lực phát hiện các vấn đề KH	CBQL	18	26,9	20	29,8	25	37,3	4	6,0	2,77	5
		GV	55	27,5	61	30,5	73	36,5	11	5,5	2,80	7
12	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	CBQL	12	17,9	13	19,4	30	44,8	12	17,9	2,37	14
		GV	34	17,0	37	18,5	92	46,0	37	18,5	2,34	16
13	Năng lực xây dựng đề cương NC KHSPƯĐ	CBQL	14	20,9	16	23,9	27	40,3	10	14,9	2,50	11
		GV	42	21,0	48	24,0	83	41,5	27	13,5	2,52	13
14	Năng lực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho hoạt động NC KHSPƯĐ	CBQL	15	22,4	16	23,9	27	40,3	9	13,4	2,55	9
		GV	47	23,5	49	24,5	79	39,5	25	12,5	2,59	10

15	Năng lực phân tích, chọn lọc tài liệu phục vụ NC KHSPƯĐ	CBQL	16	23,9	17	25,4	25	37,3	9	13,4	2,59	7
		GV	48	24,0	52	26,0	75	37,5	25	12,5	2,61	9
16	Năng lực thiết kế/cải tiến sản phẩm NCKHSPƯĐ	CBQL	20	29,8	22	32,8	18	26,9	7	10,5	2,82	3
		GV	62	31,0	67	33,5	53	26,5	18	9,0	2,86	4
17	Năng lực thu thập, xử lý thông tin NC KHSPƯĐ	CBQL	7	10,4	13	19,4	30	47,8	17	25,4	2,15	15
		GV	41	20,5	43	21,5	88	44,0	28	14,0	2,48	14
18	Năng lực tổ chức thực nghiệm/ thử nghiệm/ thực hành	CBQL	17	25,4	14	20,9	27	40,3	9	13,4	2,58	8
		GV	52	26,0	35	17,5	82	41,0	31	15,5	2,54	12
19	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	CBQL	21	31,3	22	32,8	20	29,8	4	6,2	2,89	2
		GV	64	32,0	67	33,5	58	29,0	11	5,5	2,92	2
20	Năng lực triển khai kết quả nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ	CBQL	20	29,8	18	26,9	24	35,8	5	7,5	2,79	4
		GV	61	30,5	55	27,5	71	35,5	13	6,5	2,82	6
21	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài NC KHSPƯĐ	CBQL	7	10,4	13	19,4	30	47,8	17	25,4	2,15	15
		GV	23	11,5	41	20,5	87	43,5	49	24,5	2,19	18

(Đánh giá của 67 CBQL và 200 GV)

Để tìm hiểu thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của CBQL và GV các trường THPT tỉnh Lào Cai, tác giả đã khảo sát 67 CBQL và 200 GV, với 21 năng lực liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, kết quả xử lý số liệu thu được ở bảng 2.3 cho thấy rằng, các năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của CBQL và GV các trường THPT tỉnh Lào Cai có giá trị trung bình thấp nhất là (2.15) và cao nhất là (2.99), sự chênh lệch kết quả khảo sát của CBQL và GV ở các năng lực là không đáng kể, các giá trị trung bình của 21 năng lực khảo sát đều dưới (3.0).

Đánh giá của CBQL: Mức tốt (từ 3.25 điểm đến 4.0 điểm) không có năng lực nào. Mức khá (từ < 3.25 – 2.5 điểm) có 12 năng lực, xếp thứ bậc từ 1 đến 11. Mức trung bình (từ < 2.5 – 1.75 điểm) có 9 năng lực, xếp thứ bậc từ 12 đến 15. Trong đó có 2 năng lực cùng xếp thứ 16 với 2,15 điểm; có 4 năng lực cùng xếp thứ 15 với 2,21 điểm. Không có năng lực nào trong khoảng điểm yếu.

Đánh giá của GV: Mức tốt (từ 3.25 điểm đến 4.0 điểm) không có năng lực nào. Mức khá (từ < 3.25 – 2.5 điểm) có 12 năng lực, xếp thứ bậc từ 1 đến 13. Mức trung bình (từ < 2.5 – 1.75 điểm) có 9 năng lực, xếp thứ bậc từ 14 đến 18. Trong đó có 3 năng lực cùng xếp thứ 18 với 2,19 điểm; có 2 năng lực cùng xếp thứ 17 với 2,22 điểm. Không có năng lực nào trong khoảng điểm yếu.

Như vậy, đánh giá của CBQL và đánh giá của giáo viên cùng nhất quán với nhau, năng lực nghiên cứu KHSPUD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai chủ yếu nằm trong khung điểm khá và trung bình. Từ thực trạng kết quả này, đòi hỏi các trường THPT tỉnh Lào Cai cần phải có các giải pháp để bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho CBQL; GV bằng các hình thức như mời chuyên gia, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, khi đó mới nâng cao được năng lực nghiên cứu của CBQL; GV.

2.3.2. Thực trạng nhận thức về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai

Chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPUD, thái độ tham gia của giáo viên phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức về hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên và cán bộ quản lí. Kết quả điều tra thực trạng nhận thức của cán bộ, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPUD được tổng hợp trong bảng 2.4 như sau:

Bảng 2.4. Thực trạng nhận thức của GV, CBQL trường THPT tỉnh Lào Cai về hoạt động nghiên cứu KHSPUD

Nhận thức về hoạt động NCKH	GV (n = 200)		CBQL (n = 67)	
	SL	%	SL	%
Rất quan trọng	150	75,0	44	65,7
Quan trọng	48	24,0	23	34,3
Ít quan trọng	2	1,0	0	0
Không quan trọng	0	0	0	0
Tổng cộng	200	100,0	67	100,0

Bảng 2.4 cho thấy, nhìn chung CBQL và giáo viên đều thống nhất đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở các trường THPT là rất quan trọng. Ý kiến đánh giá của giáo viên ở mức rất quan trọng chiếm 75,0%; mức quan trọng chiếm 24,0%; mức ít quan trọng chiếm 1,0%. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí ở mức rất quan trọng chiếm 65,7%; mức quan trọng chiếm 34,3%.

Số liệu trên đây cho thấy, đa số cán bộ quản lí, giáo viên đều có nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên ở các trường THPT.

2.3.3. Thực trạng động cơ nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai

Để đánh giá động cơ, thái độ hoạt động NCKH của giáo viên các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai, tác giả đã điều tra bằng phiếu hỏi đối với 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lí trên 9 câu hỏi. Kết quả điều tra được tổng hợp trong bảng 2.5 như sau:

Bảng 2.5. Thực trạng động cơ nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên THPT tỉnh Lào Cai

Động cơ tham gia NCKH	GV (n = 200)		CBQL (n = 67)	
	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>
Nhiệm vụ bắt buộc	121	60,5	40	59,7
Tăng thu nhập	99	49,5	37	55,2
Lòng say mê	152	76,0	36	53,7
Thể hiện năng lực NC	140	70,0	28	41,8
Thực hiện ý tưởng NC	143	72,5	40	59,7
Phục vụ công tác giảng dạy	175	87,5	49	73,1
Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực NC	194	97,0	42	62,7
Nâng cao uy tín	87	43,5	27	40,3
Phục vụ xét thi đua, xét chức danh	63	32,5	40	59,7

(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lí)

Kết quả trong bảng 2.5 cho thấy, động cơ, thái độ NCKH của cán bộ, giáo viên rất khác nhau. Các ý kiến trả lời phân tán trên nhiều hướng khác nhau. Mỗi người có thể lựa chọn chiều phương án trả lời khác nhau. Có người cho rằng, hoạt động NCKH vừa là say mê, vừa là bắt buộc. Đối với giáo viên, ý kiến trả lời cao nhất cho rằng động cơ của hoạt động NCKH nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực NCKH, với 97,0%. Tiếp theo là nhằm phục vụ công tác giảng dạy, với 87,5%.

Đối với cán bộ quản lí, ý kiến trả lời cao nhất cho rằng, động cơ hoạt động NCKH chủ yếu là nhằm phục vụ công tác giảng dạy, với 73,1%; nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực NCKH chiếm 62,7%. Mặc dù ý

kiến đánh giá của cán bộ quản lý và của giáo viên có tỷ lệ khác nhau, nhưng đều thống nhất tập trung cao nhất trên 2 nội dung. Điều này chứng tỏ động cơ hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên tuy có phân tán nhưng nhìn chung là được xác định đúng đắn. Đây là điều kiện đảm bảo cho kết quả NCKH.

Một giáo viên chia sẻ: Thực ra hằng năm viết sáng kiến kinh nghiệm nhưng em cảm thấy trình độ nghiên cứu của em cũng không được nâng lên. Em tiến hành viết một phần vì công việc yêu cầu một mặt em đã đăng ký danh hiệu chiến sĩ thi đua. (GV 15).

2.3.4. Thực trạng kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai

Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên ở các trường THPT được đo bằng số lượng và chất lượng của các sản phẩm nghiên cứu. Theo số liệu lưu trữ tại Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai, trong năm 2018, kết quả hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên các trường THPT trên địa bàn tỉnh được tổng hợp trong bảng 2.6 như sau:

Bảng 2.6. Thực trạng kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai năm 2018

TT	Loại hình NCKH	Cấp QL	Tổng số bài	Xếp loại		
				A	B	C
1	Sáng kiến kinh nghiệm	Trường	445	112	172	161
		Sở GD&ĐT	162	27	78	57
		Sở KHCN	17	8	4	5
		<i>Cộng</i>	<i>624</i>	<i>147</i>	<i>254</i>	<i>223</i>
2	Đề tài khoa học	Trường	98	29	37	32
		Sở GD&ĐT	67	17	27	23
		Sở KHCN	15	7	5	3
		<i>Cộng</i>	<i>180</i>	<i>53</i>	<i>69</i>	<i>58</i>
3	Tài liệu tham khảo	Trường	22	12	7	3
		Sở GD&ĐT	7	2	3	2
		Sở KHCN	6	2	3	1
		<i>Cộng</i>	<i>35</i>	<i>16</i>	<i>13</i>	<i>6</i>
4	Bài báo khoa học	Các Tạp chí	9			
	Tổng cộng		848	216	336	287

Nguồn: Số liệu lưu trữ tại Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai

Số liệu bảng 2.6 cho thấy, trong năm 2018, cán bộ, giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai đã nghiên cứu với tổng cộng 848 sản phẩm. Trong đó, phân ra từng loại như sau: Sáng kiến kinh nghiệm gồm 624 sản phẩm. Cấp trường 445 sản phẩm. Cấp Sở GD&ĐT 162 sản phẩm. Cấp Sở Khoa học và Công nghệ 17 sản phẩm. Đây là loại hình chiếm tỷ lệ nhiều nhất và chủ yếu được thực hiện ở cấp trường. Đề tài khoa học gồm 180 sản phẩm. Cấp trường 98 sản phẩm. Cấp Sở GD&ĐT 67 sản phẩm. Cấp Sở Khoa học và Công nghệ 15 sản phẩm. Tài liệu tham khảo gồm 35 sản phẩm. Cấp trường 22 sản phẩm. Cấp Sở GD&ĐT có 7 sản phẩm. Cấp Sở Khoa học và Công nghệ 6 sản phẩm. Bài báo khoa học trên các tạp chí gồm 9 bài.

Về chất lượng, tất cả các loại hình nghiên cứu đều được xếp ở các mức A, B và C, trong đó mức B chiếm tỷ lệ lớn nhất. Tổng cộng các sản phẩm nghiên cứu chủ yếu xếp loại B, với 336 sản phẩm. Loại C chiếm 287 sản phẩm. Loại A chiếm thấp nhất, với 216 sản phẩm.

2.4. Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai

2.4.1. Thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường Trung học phổ thông

Trong những năm gần đây, hoạt động NCKH ngày càng được các nhà trường quan tâm nhiều hơn. Sở GD&ĐT đã chỉ đạo cho ngành giáo dục tăng cường các hoạt động NCKH. Coi hoạt động NCKH là một con đường, biện pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đồng thời, hoạt động NCKH còn là con đường, biện pháp để triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới theo hướng tăng tính tự chủ của các nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Quan sát trong thực tiễn, hàng năm, Sở GD&ĐT đã xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH và phổ biến đến các nhà trường. Hầu hết các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của nhà trường. Các bản kế hoạch NCKH không chỉ xác định mục đích, nội dung, phương pháp hoạt động NCKH, chỉ ra các loại hình hoạt động NCKH mà còn

giao chỉ tiêu đến các nhà trường và đến giáo viên. Một số nhà trường đã đưa hoạt động NCKH thành một tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên. Vì vậy, hoạt động NCKH của giáo viên ở các nhà trường THPT ngày càng phát triển rộng về số lượng và nâng cao về chất lượng, tính kế hoạch hóa ngày càng rõ ràng hơn.

Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi về thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH sư phạm ứng dụng ở trường THPT được tổng hợp trong bảng 2.7 như sau:

Bảng 2.7. Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động NCKHSPUD ở trường THPT

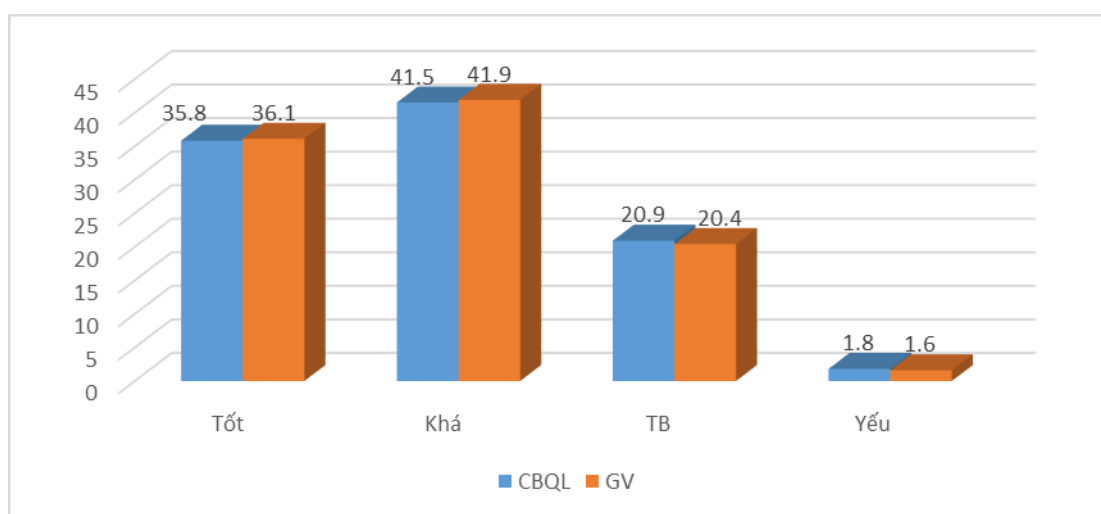
TT	Nội dung đánh giá	Đối tượn g hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm x̄	Thứ bậc
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức xây dựng kế hoạch NCKH cấp Sở	CBQL	27	40,3	30	44,8	10	14,9	0	0	3,25	1
		GV	81	40,5	90	45,0	29	14,5	0	0	3,26	1
2	Tổ chức xây dựng kế hoạch NCKH cấp trường	CBQL	25	37,3	30	44,8	12	17,9	0	0	3,19	2
		GV	75	37,5	90	45,0	35	17,5	0	0	3,20	2
3	Phổ biến kế hoạch NCKH đến các giáo viên	CBQL	25	37,3	28	41,8	14	20,9	0	0	3,16	3
		GV	76	38,0	84	42,0	40	20,0	0	0	3,18	3
4	Thực hiện kế hoạch NCKH của giáo viên	CBQL	23	34,3	26	38,8	16	23,9	2	3,0	3,04	4
		GV	69	34,5	80	40,0	46	23,0	5	2,5	3,06	4
5	Tính thực khoa học, thực tiễn khả thi của kế hoạch	CBQL	20	29,8	25	37,3	18	26,9	4	6,0	2,91	5
		GV	60	30,0	75	37,5	54	27,0	11	5,5	2,92	5
	Tổng cộng	CBQL	120	35,8	139	41,5	70	20,9	6	1,8	3,11	
		GV	361	36.1	419	41.9	204	20.4	16	1.6	3.12	

(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lý)

Kết quả thống kê trong bảng 2.7 cho thấy, ý kiến đánh giá tương đối tốt của cán bộ, giáo viên về thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở các trường THPT. Các ý kiến đánh giá chủ yếu tập trung ở mức tốt và khá. Tổng cộng cả 5 tiêu chí trong bảng 2.7 cho thấy, cán bộ quản lý đánh giá ở mức tốt chiếm tỷ lệ 35,8%; mức khá 41,5%; mức trung bình 20,9%; mức yếu 1,8%. Ý kiến đánh giá của giáo viên ở mức tốt chiếm tỷ lệ 36,1%; mức khá 41,9%; mức trung bình 20,4%; mức yếu 1,6%. Đây là thực trạng được cả cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá khá cao.

Xem xét trên từng tiêu chí trong bảng 2.7 cho thấy kết quả như sau: Tổ chức xây dựng kế hoạch NCKH cấp Sở là tiêu chí được đánh giá cao nhất, với điểm trung bình của cán bộ quản lí là 3,25 điểm và của giáo viên là 3,26 điểm. Tổ chức xây dựng kế hoạch NCKH cấp trường là tiêu chí đứng thứ 2 trên bảng xếp thứ bậc. Với điểm trung bình của cán bộ quản lí là 3,19 điểm và của giáo viên là 3,20 điểm. Tổ chức phổ biến, quán triệt kế hoạch NCKH đến các giáo viên là tiêu chí đứng thứ 3 trên bảng xếp thứ bậc. Với điểm trung bình của cán bộ quản lí là 3,16 điểm và của giáo viên là 3,18 điểm. Tổ chức thực hiện kế hoạch NCKH của giáo viên là tiêu chí đứng thứ 4 trên bảng xếp thứ bậc. Với điểm trung bình của cán bộ quản lí là 3,04 điểm và của giáo viên là 3,06 điểm. Tính thực khoa học, thực tiễn khả thi của kế hoạch là tiêu chí đứng thứ 5 trên bảng xếp thứ bậc. Với điểm trung bình của cán bộ quản lí là 2,91 điểm và của giáo viên là 2,92 điểm.

Từ số liệu thống kê trong bảng 2.7, cho ta biểu đồ 2.1 như sau:



Biểu đồ 2.1: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lí xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của giáo viên

Biểu đồ 2.1 cho thấy, ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí và của giáo viên là tương đương nhau. Trong đó, đa số ý kiến đánh giá tập trung ở mức khá, tiếp đó là mức tốt, đến mức trung bình. Mức yếu chiếm tỷ lệ không đáng kể. Chứng tỏ thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT được thực hiện khá nghiêm túc.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng khá tương đồng với nghiên cứu bằng bảng hỏi: Tôi đánh giá cao kế hoạch triển khai nghiên cứu khoa học của lãnh đạo. Chúng tôi có thể thực hiện công việc với định mức cụ thể, có tính khả thi. (GV 09 chia sẻ).

Khi phân tích kế hoạch (Phụ lục), chúng tôi cũng thấy tính tác nghiệp của kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học sư phạm của các nhà trường. Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý, chúng tôi còn được biết thêm: Cách lập kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học của trường tôi là, các tổ chuyên môn lập kế hoạch, sau đó đưa ra cuộc họp chung toàn trường và BGH chốt kế hoạch tổng thể để triển khai NCKH SP. Mục tiêu của chúng tôi là GV có thể được nâng cao trình độ NCKH của bản thân

2.4.2. Thực trạng quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường Trung học phổ thông

Chỉ đạo nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức NCKH được thực hiện bằng định hướng vấn đề nghiên cứu, quy định quy trình, cách thức triển khai hoạt động nghiên cứu, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những lệch lạc về nội dung, phương pháp nghiên cứu của từng đề tài, chuyên đề... Đây là khâu quản lý đòi hỏi sự phối hợp hành động chặt chẽ giữa các chủ thể quản lý nhà trường và các chủ thể quản lý cấp trên trực tiếp của nhà trường THPT.

Bằng phương pháp quan sát khoa học và nghiên cứu sản phẩm cho thấy, hàng năm, Ban Giám hiệu các nhà trường đều có định hướng vấn đề NCKH cho giáo viên phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, chương trình, nội dung của KHSPƯD. Việc lựa chọn nội dung nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên các nhà trường THPT thường tập trung vào những hướng cơ bản như: Nghiên cứu về nghiệp vụ sư phạm ở trường THPT; về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các môn học ở nhà trường THPT; nghiên cứu nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; nghiên cứu nâng cao chất lượng hoạt động học tập của học sinh; nghiên cứu về sự tác động của môi trường giáo dục đối với các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai; nghiên cứu các mô hình giáo dục, mô hình tổ chức trường lớp bậc THPT ở các vùng miền của tỉnh Lào Cai...

Bên cạnh những ưu điểm về quản lý nội dung nghiên cứu, Hội đồng khoa học các nhà trường THPT đã cố gắng duy trì nền nếp xét duyệt đề cương nghiên cứu và kiểm tra đôn đốc thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu theo đề cương đã được thông qua. Đây có thể coi là một lợi thế trong quản lý nội dung, phương pháp, quy trình NCKH của giáo viên ở các trường THPT. Tuy nhiên, việc chỉ đạo phương pháp và quy trình NCKH còn nhiều bất cập. Một số giáo viên còn lúng túng trong sử dụng phương pháp nghiên cứu và quy trình các bước tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi về vấn đề này được tổng hợp trong bảng 2.8 như sau:

Bảng 2.8. Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT

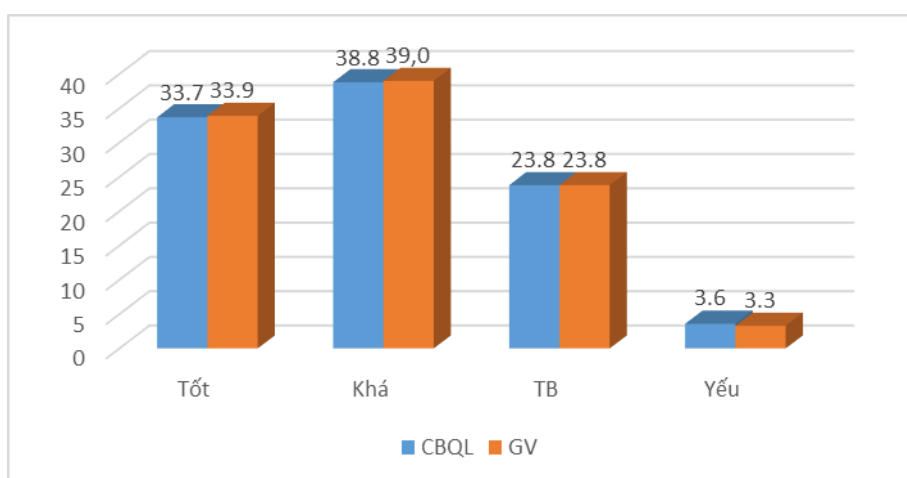
T T	Nội dung đánh giá	Đối tượng hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
			Tốt		Khá		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Lựa chọn vấn đề NC	CBQL	25	37,3	30	44,8	12	17,9	0	0	3,19	1
		GV	75	37,5	90	45,0	35	17,5	0	0	3,20	1
2	Tư vấn xây dựng đề cương NC	CBQL	25	37,3	28	41,8	14	20,9	0	0	3,16	2
		GV	75	37,5	84	42,0	41	20,5	0	0	3,17	2
3	Xác định mục đích, nhiệm vụ NC	CBQL	23	34,3	26	38,8	16	23,9	2	3,0	3,04	3
		GV	69	34,5	78	39,0	48	24,0	5	2,5	3,05	3
4	Lựa chọn PPNC	CBQL	20	29,8	21	31,3	20	29,8	6	8,9	2,82	5
		GV	60	30,0	63	31,5	60	30,0	17	8,5	2,83	5
5	Quy trình các bước NC	CBQL	20	29,8	25	37,3	18	26,9	4	6,0	2,91	4
		GV	60	30,0	75	37,5	54	27,0	11	5,5	2,92	4
	Tổng cộng	CBQL	113	33,7	130	38,8	80	23,8	12	3,6	3,02	
		GV	339	33,9	390	39,0	238	23,8	33	3,3	3,03	

(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lý)

Kết quả thống kê trong bảng 2.8 cho thấy, các ý kiến đánh giá của cả cán bộ quản lý và giáo viên đều tập trung nhiều ở mức tốt và khá. Tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý trên cả 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm 33,7%; mức khá 38,8%; mức trung bình 23,8%; mức yếu 3,2%. Tổng cộng ý kiến đánh giá của giáo viên trên cả 5 tiêu chí ở mức tốt là 33,9%; mức khá 39,0%; mức trung bình 23,8%; mức yếu 3,03%.

Xem xét trên từng tiêu chí trong bảng 2.8 cho thấy kết quả cụ thể như sau: Định hướng lựa chọn vấn đề nghiên cứu là tiêu chí được đánh giá cao nhất, với điểm đánh giá của cán bộ quản lí là 3,19 điểm, đánh giá của giáo viên là 3,20 điểm. Tổ chức tư vấn xây dựng đề cương nghiên cứu là tiêu chí xếp thứ 2, với điểm trung bình của cán bộ quản lí đánh giá là 3,16 điểm. Điểm đánh giá của giáo viên là 3,17 điểm. Xác định mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu là tiêu chí được cán bộ quản lí đánh giá với mức điểm trung bình là 3,04 điểm, xếp thứ 3. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 3,05 điểm, xếp thứ 3. Định hướng lựa chọn phương pháp nghiên cứu là tiêu chí được đánh giá thấp nhất, xếp thứ 5 trên bảng 2.8. Trong đó, ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí là 2,82 điểm; ý kiến đánh giá của giáo viên là 2,83 điểm. Xác định quy trình các bước nghiên cứu là tiêu chí xếp thứ 4. Trong đó ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí là 2,91 điểm. Ý kiến đánh giá của giáo viên là 2,92 điểm.

Từ kết quả tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí và giáo viên bằng % ở bảng 2.8, ta có biểu đồ 2.2 như sau:



Biểu đồ 2.2: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lí nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT

Từ bảng 2.8 và biểu đồ 2.2 cho thấy, ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí và ý kiến đánh giá của giáo viên cơ bản nhất quán với nhau. Phần nhiều các ý kiến đánh giá tập trung ở mức khá, tiếp theo là mức tốt và mức trung bình. Có một tỷ lệ nhỏ ý kiến đánh giá ở mức yếu. Điều tra thực trạng bằng phiếu hỏi và bằng các phương pháp khác đều cho kết quả tương đương với nhau.

Nghiên cứu khoa học là một quá trình khó khăn. Do đó, quản lý hiệu quả hoạt động này là phương cách nâng cao chất lượng và số lượng các công trình nghiên cứu KHSPUĐ của GV, tăng nhu cầu và hình thành động cơ nghiên cứu tích cực. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu KHSPUĐ là khâu đầu tiên trong chu trình quản lý, đây vừa là có tác dụng định hướng hành động nghiên cứu KHSPUĐ của GV vừa có tác dụng đánh giá kết quả nghiên cứu KHSPUĐ so với định mức (điều này cũng đã được phân tích ở mục 2.4.1). Tuy nhiên, khi triển khai kế hoạch nghiên cứu KHSPUĐ, GV thường gặp khó khăn với nội dung, phương pháp và tổng thể là quy trình nghiên cứu KHSPUĐ. Vì thế, đề tài tập trung vào nội dung quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ với mục tiêu giúp GV thực hiện được và cũng là cách khắc phục khó khăn cho GV khi nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ.

Một giáo viên chia sẻ: Khi tiến hành nghiên cứu 1 đề tài nghiên cứu KHSPUĐ, em thấy rất khó khăn với việc thiết kế công cụ nghiên cứu. Sau khi tham gia nghiên cứu nhiều năm và đặc biệt được tổ trưởng chuyên môn, BGH và đồng nghiệp chia sẻ cách thức, em đã thấu hiểu hơn và bước đầu thành công trong việc áp dụng khi nghiên cứu KHSPUĐ (GV 07). Điều này cho thấy, công tác quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ là cần thiết, quan trọng và có hiệu quả. Thực tế quan sát cũng cho thấy, mỗi chủ thể nghiên cứu có vai trò quyết định đến chất lượng của mỗi công trình nghiên cứu KHSPUĐ. Do đó, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu và đánh giá thực trạng quản lý lực lượng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông.

2.4.3. Thực trạng quản lý nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông

Tổ chức lực lượng nghiên cứu có vai trò rất quan trọng trong nghiên cứu KHSPUĐ. Kết quả nghiên cứu đạt được cao hay thấp đến đâu, phần nhiều phụ thuộc vào khâu tổ chức lực lượng nghiên cứu. Quan sát trong thực

tiền cho thấy, các nhà trường đã có ý thức tổ chức lực lượng NCKH theo năng lực của giáo viên. Tổ chức lực lượng nghiên cứu, trước hết được biểu hiện ở sự phân công đề tài cho giáo viên phù hợp với sở trường, năng lực cá nhân. Phân công đề tài cho giáo viên không phải bình quân theo đầu người mà phải căn cứ năng lực cá nhân để lựa chọn vấn đề nghiên cứu. Mặt khác, Ban Giám hiệu các nhà trường đã căn cứ tính chất của từng đề tài để xác định số lượng người nghiên cứu, kết hợp nghiên cứu cá nhân với nghiên cứu theo nhóm, thành lập các Ban nghiên cứu đề tài, có ý thức bố trí, sắp xếp công việc cho từng thành viên phù hợp với năng lực. Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi về vấn đề này được tổng hợp trong bảng 2.9 như sau:

Bảng 2.9. Thực trạng quản lý lực lượng nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT

T T	Nội dung đánh giá	Đối tượng hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
			Tốt		Khá		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	S L	%	S L	%		
1	Nắm nhu cầu, nguyện vọng, năng lực NC của GV	CBQL	19	28,4	21	31,3	20	29,8	7	10,5	2,77	4
		GV	58	29,0	63	31,5	59	29,5	20	10,0	2,79	4
2	Phân công nhiệm vụ NC cho GV	CBQL	23	34,3	28	41,8	16	23,9	0	0	3,10	1
		GV	69	34,5	84	42,0	47	23,5	0	0	3,11	1
3	Tổ chức các Ban đề tài	CBQL	22	32,8	26	38,8	19	28,4	0	0	3,04	2
		GV	66	33,0	78	39,0	56	28,0	0	0	3,05	2
4	Tổ chức Hội đồng khoa học trường	CBQL	20	29,8	23	34,3	20	29,8	4	6,2	2,88	3
		GV	60	30,0	69	34,5	60	30,0	11	5,5	2,89	3
5	Xây dựng quy chế hoạt động	CBQL	17	25,4	20	29,8	23	34,3	7	10,5	2,70	5
		GV	51	25,5	60	30,0	69	34,5	20	10,0	2,71	5
	Tổng cộng	CBQL	101	30,1	118	35,2	98	29,3	18	5,4	2,90	
		GV	304	30,4	354	35,4	291	29,1	51	5,1	2,91	

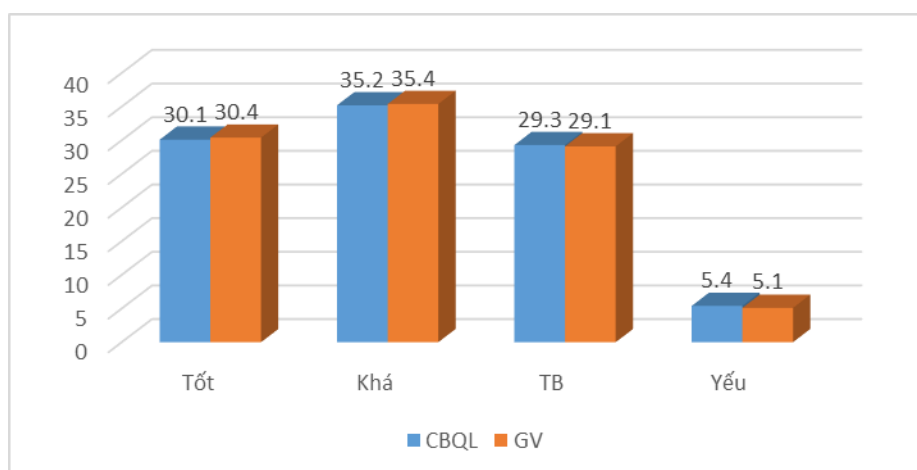
(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lý)

Kết quả tổng hợp trong bảng 2.9 cho thấy, thực trạng tổ chức lực lượng nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT được đánh giá trên 5 tiêu chí. Tổng cộng ý kiến đánh giá chung cả 5 tiêu chí đó của cán bộ quản lý ở mức tốt

chiếm tỷ lệ 30,1%; mức khá 35,2%; mức trung bình 29,3%; mức yếu 5,4%. Tổng cộng ý kiến đánh giá của giáo viên ở mức tốt chiếm tỷ lệ 30,4%; mức khá 35,4%; mức trung bình 29,1%; mức yếu 5,1%..

Xem xét trên từng tiêu chí cho thấy điểm trung bình và thứ bậc của các tiêu chí như sau: Năm nhu cầu, nguyện vọng, năng lực nghiên cứu của giáo viên là tiêu chí xếp thứ 4, với điểm trung bình của cán bộ quản lý đánh giá là 2,77 điểm; giáo viên đánh giá là 2,79 điểm. Phân công nhiệm vụ nghiên cứu cho giáo viên là tiêu chí xếp thứ nhất, với điểm trung bình của cán bộ quản lý đánh giá là 3,10 điểm; giáo viên đánh giá là 3,11 điểm. Tổ chức các Ban đề tài là tiêu chí xếp thứ hai, với điểm trung bình của cán bộ quản lý đánh giá là 3,04 điểm; giáo viên đánh giá là 3,05 điểm. Tổ chức Hội đồng khoa học trường là tiêu chí xếp thứ 3, với điểm trung bình của cán bộ quản lý đánh giá là 2,88 điểm; giáo viên đánh giá là 2,89 điểm. Xây dựng quy chế hoạt động là tiêu chí xếp thứ 5, với điểm trung bình của cán bộ quản lý đánh giá là 2,70 điểm; giáo viên đánh giá là 2,71 điểm.

Từ kết quả tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên bằng % trong bảng 2.9, ta có biểu đồ 2.3 như sau:



Biểu đồ 2.3: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý lực lượng NCKHSPUD ở trường THPT

Từ bảng 2.9 và biểu đồ 2.3 cho thấy, ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và ý kiến đánh giá của giáo viên cơ bản nhất quán với nhau. Phần nhiều các ý kiến đánh giá tập trung ở mức khá, tiếp theo là mức tốt và mức trung bình. Các ý kiến đánh giá ở mức yếu chiếm một tỷ lệ không đáng kể.

Kết quả nghiên cứu là căn cứ để cán bộ quản lý hoạch định chính sách, tạo động lực thúc đẩy tích cực hoạt động NCKHSPUD của các lực lượng tham gia. Để quản lý lực lượng này, chủ thể quản lý cần thiết kế tổ chức (với Ban, bộ phận nhân sự, quy chế hoạt động...) và thiết kế công việc (trên cơ sở nhu cầu và công việc cụ thể) (như bảng 2.9 đã nêu).

Một cán bộ được phỏng vấn đã trả lời: Hằng năm, chúng tôi giao nhiệm vụ số lượng NCKH SP về các tổ chuyên môn và yêu cầu nghiêm túc thực hiện (CBQL 03).

Về phía GV, “Em thực hiện chỉ tiêu theo sự chỉ đạo, được phân công ban đầu em thực sự không hứng khởi nhưng khi mình cố gắng thì dần có cảm xúc hơn với hoạt động này. Nhưng em vẫn thấy NCKH khó quá!” (GV 11 chia sẻ). Chúng tôi cũng tìm hiểu rõ hơn vấn đề qua phỏng vấn, phân tích sản phẩm nghiên cứu và có thể kết luận rằng năng lực NCKH của GV là điều đáng cần quan tâm hơn.

2.4.4. Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Qua trao đổi với một số giáo viên ở các trường THPT, các ý kiến trao đổi cho thấy, nhiều giáo viên chưa nắm được phương pháp tổ chức NCKH nói chung và phương pháp nghiên cứu KHSPUD nói riêng. Nhiều giáo viên chưa phân biệt được khoa học cơ bản với khoa học ứng dụng. Một số giáo viên vẫn quan niệm rằng, NCKH là chức năng của các nhà khoa học chuyên nghiệp, không phải là chức năng của giáo viên các trường phổ thông. Với những nhận thức chưa đầy đủ đó đã có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả nghiên cứu. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các nhà trường THPT chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động NCKH nói chung và nghiên cứu KHSPUD nói riêng. Bước đầu các nhà trường đã ý thức được tầm quan trọng của tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên về phương pháp NCKH. Tuy nhiên, trong thực tiễn, tổ chức bồi dưỡng hoạt động NCKH

cho đội ngũ giáo viên ở các trường THPT còn nhiều bất cập, hạn chế. Hầu như, hàng năm các nhà trường chỉ phổ biến kế hoạch chung của Sở GD&ĐT về hoạt động NCKH cho giáo viên và tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Công tác bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu chưa được thực hiện theo nề nếp, chưa có chương trình, kế hoạch hệ thống. Nội dung, phương thức tổ chức bồi dưỡng tại chỗ chưa được xác định rõ ràng. Nghiên cứu sản phẩm khoa học của giáo viên cho thấy, còn thiếu sự nhất quán trong quy cách và hình thức trình bày một đề tài NCKH. Về cấu trúc nội dung thường thiếu sự nhất quán giữa lí luận với thực trạng và giải pháp... Những hạn chế trong NCKH của giáo viên ở các trường THPT không phải do trình độ năng lực của người nghiên cứu mà phần nhiều là do chưa được tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp trình bày một đề tài khoa học ứng dụng. Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi về vấn đề này được tổng hợp trong bảng 2.10 như sau:

Bảng 2.10. Thực trạng quản lí bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD

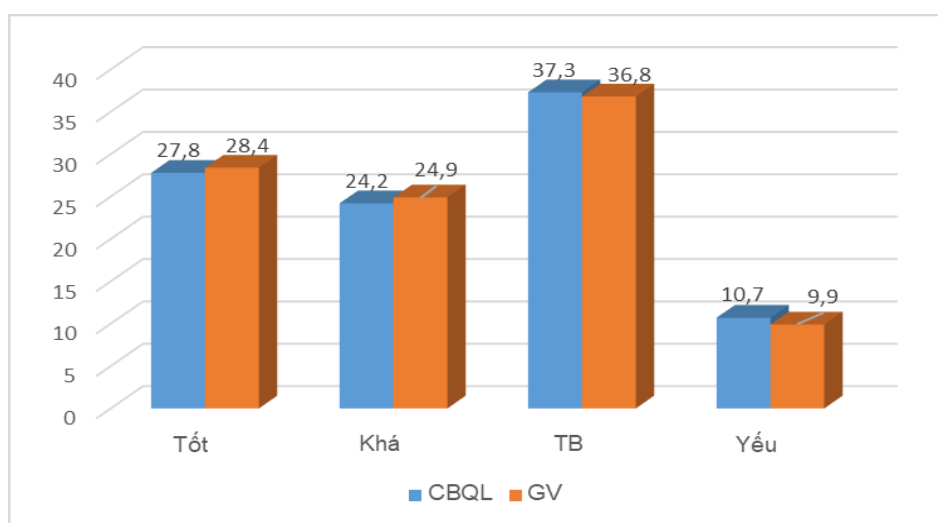
TT	Nội dung đánh giá	Đối tượng hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
			Tốt		Khá		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng	CBQL	21	31,3	22	32,8	20	29,8	4	6,2	2,89	1
		GV	64	32.0	67	33,5	58	29,0	11	5,5	2,92	1
2	Xác định mục tiêu bồi dưỡng	CBQL	20	29,8	18	26,9	24	35,8	5	7,5	2,79	2
		GV	61	30,5	55	27,5	71	35,5	13	6,5	2,82	2
3	Xác định nhu cầu bồi dưỡng	CBQL	18	26,9	16	23,9	26	38,8	7	10,4	2,67	3
		GV	55	27,5	49	24,5	77	38,5	19	9,5	2,70	3
4	Xác định nội dung bồi dưỡng	CBQL	17	25,4	14	20,9	27	40,3	9	13,4	2,58	4
		GV	52	26,0	43	21,5	80	40,0	25	12,5	2,61	4
5	Phương thức tổ chức bồi dưỡng	CBQL	17	25,4	11	16,4	28	41,8	11	16,4	2,50	5
		GV	52	26,0	35	17,5	82	41,0	31	15,5	2,54	5
	Tổng cộng	CBQL	93	27,8	81	24,2	125	37,3	36	10,7	2,69	
		GV	284	28.4	249	24,9	368	36,8	99	9,9	2,72	

(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lí)

Kết quả tổng hợp trong bảng 2.10 cho thấy, tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí trên 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm tỷ lệ 27,8%, mức khá 24,2%; mức trung bình 37,3%; mức yếu 10,7%. Tổng cộng ý kiến đánh giá của giáo viên trên 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm tỷ lệ 28,4%; mức khá 24,9%; mức trung bình 36,8%; mức yếu 9,9%.

Xem xét trên từng tiêu chí cho thấy kết quả điểm trung bình và thứ bậc của các tiêu chí như sau: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng là tiêu chí được đánh giá cao nhất trong 5 tiêu chí, với điểm đánh giá của cán bộ quản lí là 2,89 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,92 điểm. Xác định mục tiêu bồi dưỡng là tiêu chí xếp thứ 2, với điểm đánh giá của cán bộ quản lí là 2,79 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,82 điểm. Xác định nhu cầu bồi dưỡng là tiêu chí xếp thứ 3, với điểm đánh giá của cán bộ quản lí là 2,67 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,70 điểm. Xác định nội dung bồi dưỡng là tiêu chí xếp thứ 4, với điểm đánh giá của cán bộ quản lí là 2,58 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,61 điểm. Phương thức tổ chức bồi dưỡng là tiêu chí xếp thứ 5, với điểm đánh giá của cán bộ quản lí là 2,50 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,54 điểm.

Từ kết quả tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí và giáo viên bằng % trong bảng 2.10, ta có biểu đồ 2.4 như sau:



Biểu đồ 2.4: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lí bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPUD

Kết quả bảng 2.10 và biểu đồ 2.4 cho thấy, ý kiến đánh giá thực trạng tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPUD chủ yếu tập trung ở mức trung bình. Trong đó, ý kiến đánh giá ở mức yếu chiếm tỷ lệ khá cao.

Bồi dưỡng là công việc cần được thực hiện theo phương châm “thường xuyên, liên tục, tại chỗ”. Do đó, khi khảo sát nhu cầu bồi dưỡng, chúng tôi

nhận thấy GV rất muốn được bồi dưỡng để nâng cao năng lực, đặc biệt đối với hoạt động còn nhiều lúng túng như NCKH. Kết quả nghiên cứu ở trên phản ánh sự thống nhất khá cao giữa CBQL và GV về công tác bồi dưỡng lực lượng tham gia NCKH. Đây là con đường cơ bản, đôi khi là chủ đạo để nâng cao chất lượng nghiên cứu KHSPƯD của GV

2.4.5. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKH bao gồm các điều kiện vật chất và các điều kiện tinh thần. Các điều kiện đó tạo thành môi trường pháp lý và môi trường sư phạm đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Đối với các trường THPT, sự hỗ trợ của thông tin và các chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý có vai trò rất quan trọng.

Quan sát trong thực tế, các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên còn nhiều bất cập. Các trường THPT tuy có thư viện nhưng nguồn tài liệu đảm bảo cho NCKH còn hạn hẹp. Đa số giáo viên các trường THPT ít được tiếp cận với các nguồn thông tin lý luận mới về khoa học sư phạm. Vì vậy, phần đông các giáo viên không muốn nghiên cứu đề tài khoa học mà chỉ đăng ký sáng kiến kinh nghiệm. Do đặc điểm của các trường miền núi, nhiều trường THPT chưa có mạng internet, giáo viên không khai thác được thông tin trên mạng phục vụ cho nghiên cứu.

Mặt khác, cơ chế quản lý, chủ trương, chính sách đảm bảo cho hoạt động NCKH của giáo viên các trường THPT chưa theo kịp sự phát triển mới của thực tiễn. Các trường THPT có quy định về sáng kiến kinh nghiệm nhưng chưa có quy chế quy định bắt buộc và động viên khuyến khích giáo viên tham gia các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Đó là những vấn đề đang tạo ra sự bất cập trong quản lý hoạt động NCKH của giáo viên các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay. Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi về vấn đề này được tổng hợp trong bảng 2.11 như sau:

Bảng 2.11. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD.

TT	Nội dung đánh giá	Đối tượn g hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
			Tốt		Khá		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đảm bảo về thông tin, tư liệu, tài liệu cho NC	CBQL	15	22,4	15	22,4	27	40,3	10	14,9	2,52	3
		GV	47	23,5	47	23,5	78	39,0	28	14,0	2,56	3
2	Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị cho NC	CBQL	18	26,9	18	26,9	24	35,8	7	10,4	2,70	2
		GV	55	27,5	55	27,5	71	35,5	19	9,5	2,73	2
3	Đảm bảo tài chính cho NC	CBQL	7	10,4	13	19,4	30	47,8	17	25,4	2,15	5
		GV	23	11,5	41	20,5	87	43,5	49	24,5	2,19	5
4	Đảm bảo các điều kiện pháp lý, chính sách cho NC	CBQL	13	19,4	14	20,9	30	47,8	10	14,9	2,45	4
		GV	41	20,5	43	21,5	88	44,0	28	14,0	2,48	4
5	Đảm bảo về thời gian, không gian cho NC	CBQL	20	29,8	20	29,8	27	40,3	0	0	2,89	1
		GV	61	30,5	61	30,5	78	39,0	0	0	2,91	1
	Tổng cộng	CBQL	73	21,8	80	23,9	138	41,2	44	13,1	2,54	
		GV	227	22,7	247	24,7	402	40,2	124	12,4	2,58	

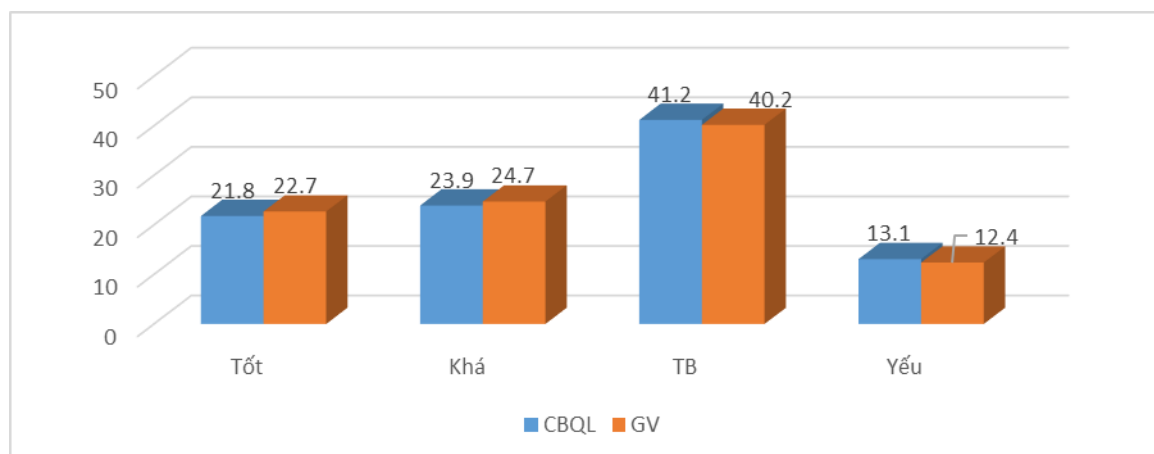
(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lý)

Kết quả tổng hợp trong bảng 2.11 cho thấy, tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý trên 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm tỷ lệ 21,8%; mức khá 23,9%; mức trung bình 41,2%; mức yếu 13,1%. Tổng cộng ý kiến đánh giá của giáo viên trên 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm 22,7%; mức khá 24,7%; mức trung bình 40,2%; mức yếu 12,4%.

Xem xét trên từng tiêu chí theo điểm trung bình và thứ bậc của các tiêu chí như sau: Đảm bảo về thông tin, tư liệu, tài liệu cho NCKH là tiêu chí xếp thứ 3 trong bảng xếp thứ bậc, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,52 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,56 điểm. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị cho NCKH là tiêu chí xếp thứ 2 trong bảng xếp thứ bậc, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,70 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,73 điểm. Đảm bảo tài chính cho NCKH là tiêu chí xếp thứ 5 trong bảng xếp thứ bậc, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,15 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,19 điểm. Đảm bảo các điều kiện pháp lý, chính sách cho NCKH là tiêu chí xếp thứ 4 trong bảng xếp thứ bậc, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,45 điểm và đánh giá của giáo viên

là 2,48 điểm. Đảm bảo về thời gian, không gian cho NCKH là tiêu chí xếp thứ 1 trong bảng xếp thứ bậc, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,89 điểm và đánh giá của giáo viên là 2,91 điểm.

Từ kết quả tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên bằng % trong bảng 2.11, ta có biểu đồ 2.5 như sau:



Biểu đồ 2.5: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý xây dựng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKHSPUD

Kết quả bảng 2.11 và biểu đồ 2.5 cho thấy, ý kiến đánh giá thực trạng xây dựng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD chủ yếu tập trung ở mức trung bình. Trong đó, ý kiến đánh giá ở mức yếu chiếm tỷ lệ khá cao. Đây là vấn đề đặt ra cần phải giải quyết.

2.4.6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT là một trong những chức năng quan trọng của các cấp quản lý. Hiện nay, kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT được phân chia theo từng cấp quản lý. Sở GD&ĐT kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của các nhà trường; Ban Giám hiệu nhà trường kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của các giáo viên trong nhà trường. Hội đồng khoa học có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả của các sản phẩm nghiên cứu. Đối với sáng kiến kinh nghiệm, đề tài cấp trường do Ban Giám hiệu nhà trường kiểm tra, đánh giá về tiến độ, về thực hiện quy chế trong nghiên cứu và ra quyết định

thành lập Hội đồng nghiệm thu, đánh giá. Đối với các sáng kiến kinh nghiệm, đề tài cấp Sở GD&ĐT do Giám đốc sở tổ chức kiểm tra, đánh giá và ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu. Các cơ quan chức năng của Sở GD&ĐT, các Ban Giám hiệu nhà trường có chức năng kiểm tra, đánh giá về mặt hành chính, về thực hiện chương trình, kế hoạch được giao; các Hội đồng khoa học có chức năng kiểm tra, đánh giá về chất lượng sản phẩm nghiên cứu.

Tuy nhiên, sự phân cấp quản lý như hiện nay đang bộc lộ những bất cập. Hội đồng khoa học cấp trường thường thiếu những chuyên gia có học hàm, học vị chuyên sâu về khoa học. Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá luôn gặp những khó khăn trong kết luận khoa học. Đôi khi dẫn đến đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu chưa thật sự khoa học khách quan. Mặt khác, do thiếu các chuyên gia đầu ngành nên khó định hướng cho các hoạt động NCKH ở các nhà trường THPT. Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi về vấn đề này được tổng hợp trong bảng 2.12 như sau:

Bảng 2.12. Thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

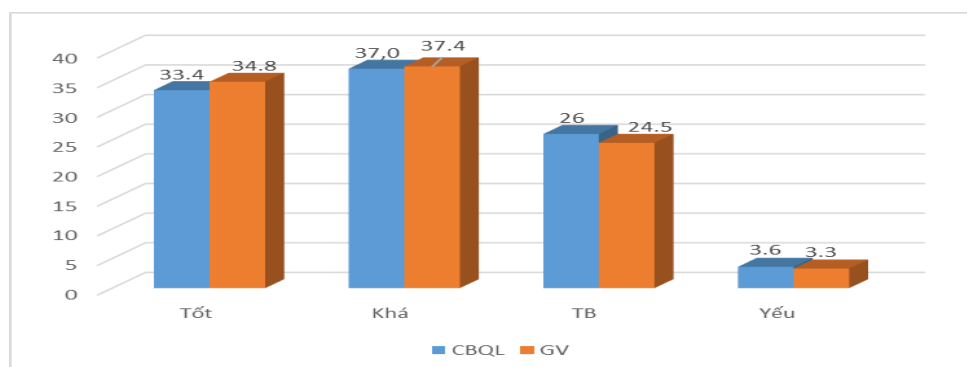
T T	Nội dung đánh giá	Đối tượng điều tra	Mức độ đánh giá								Điểm 	Thứ bậc
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá	CBQL	25	37,3	30	44,8	12	17,9	0	0	3,19	1
		GV	76	38,0	90	45,0	34	17,0	0	0	3,21	1
2	Xây dựng tiêu chí đánh giá	CBQL	21	31,3	22	32,8	20	29,8	4	6,0	2,89	4
		GV	74	37,0	67	33,5	48	24,0	11	5,5	3,02	4
3	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH	CBQL	23	34,3	25	37,3	19	28,4	0	0	3,06	3
		GV	69	34,5	75	37,5	56	28,0	0	0	3,07	3
4	Tổ chức nghiệm thu, đánh giá đề tài NCKH	CBQL	23	34,3	28	41,8	16	23,9	0	0	3,10	2
		GV	69	34,5	84	42,0	47	23,5	0	0	3,11	2
5	Tính khoa học khách quan trong đánh giá	CBQL	20	29,8	19	28,4	20	29,8	8	11,9	2,76	5
		GV	60	30,0	58	29,0	60	30,0	22	11,0	2,78	5
	Tổng cộng	CBQL	112	33,4	124	37,0	87	26,0	12	3,6	3,0	
		GV	348	34,8	374	37,4	245	24,5	33	3,3	3,04	

(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lý)

Kết quả tổng hợp trong bảng 2.12 gồm 5 tiêu chí về thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT. Tổng cộng kết quả đánh giá chung của cán bộ quản lý trên 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm 33,4%; mức khá 37,0%; mức trung bình 26,0%; mức yếu 3,6%. Tổng cộng kết quả đánh giá chung của giáo viên trên 5 tiêu chí ở mức tốt chiếm 34,8%; mức khá 37,4%; mức trung bình 24,5%; mức yếu 3,3%.

Xem xét trên từng tiêu chí về điểm trung bình và thứ bậc của các tiêu chí cho thấy như sau: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá là tiêu chí được đánh giá cao nhất ở mức 1, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 3,19 điểm; đánh giá của giáo viên là 3,21 điểm. Xây dựng tiêu chí đánh giá là tiêu chí được xếp ở mức 4, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,89 điểm; đánh giá của giáo viên là 3,02 điểm. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH là tiêu chí được xếp ở mức 3, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 3,06 điểm; đánh giá của giáo viên là 3,07 điểm. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá đề tài NCKH là tiêu chí được xếp ở mức thứ 2, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 3,10 điểm; đánh giá của giáo viên là 3,11 điểm. Tính khoa học khách quan trong đánh giá là tiêu chí được xếp ở mức 5, với điểm đánh giá của cán bộ quản lý là 2,76 điểm; đánh giá của giáo viên là 2,78 điểm. Như vậy, xây dựng tiêu chí đánh giá và tính khoa học khách quan trong đánh giá là hai tiêu chí có ý kiến đánh giá ở mức thấp. Đây là vấn đề đặt ra cần phải nghiên cứu tìm biện pháp giải quyết.

Từ kết quả tổng cộng ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên bằng % trong bảng 2.12, ta có biểu đồ 2.6 như sau:



Biểu đồ 2.6: Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ

Kết quả bảng 2.12 và biểu đồ 2.6 cho thấy, ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên là tương đương nhau. Trong đó, ý kiến đánh giá chủ yếu tập trung ở mức khá, sau đó là mức tốt và mức trung bình. Ý kiến đánh giá ở mức yếu chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Qua trao đổi với một số cán bộ quản lý ở các trường THPT, các ý kiến cho rằng, giám sát, kiểm tra là khâu không thể không có trong chu trình quản lý nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Tuy nhiên, hiện nay các hoạt động giám sát, kiểm tra chưa được thực hiện nghiêm túc. Nhiều đề tài, sáng kiến kinh nghiệm còn trùng lặp, giá trị khoa học không cao.

2.5. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT tỉnh Lào Cai chịu sự chi phối, tác động ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Trong đó có cả tác động tích cực và tác động tiêu cực, có yếu tố tác động trực tiếp, có yếu tố tác động gián tiếp. Tùy trong từng điều kiện cụ thể, mỗi yếu tố đều có mức tác động khác nhau. Sự tác động của các yếu tố sẽ tạo thành thời cơ và thách thức trong quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT tỉnh Lào Cai. Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi được thống kê trong bảng 2.13 như sau:

Bảng 2.13. Tổng hợp ý kiến đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT

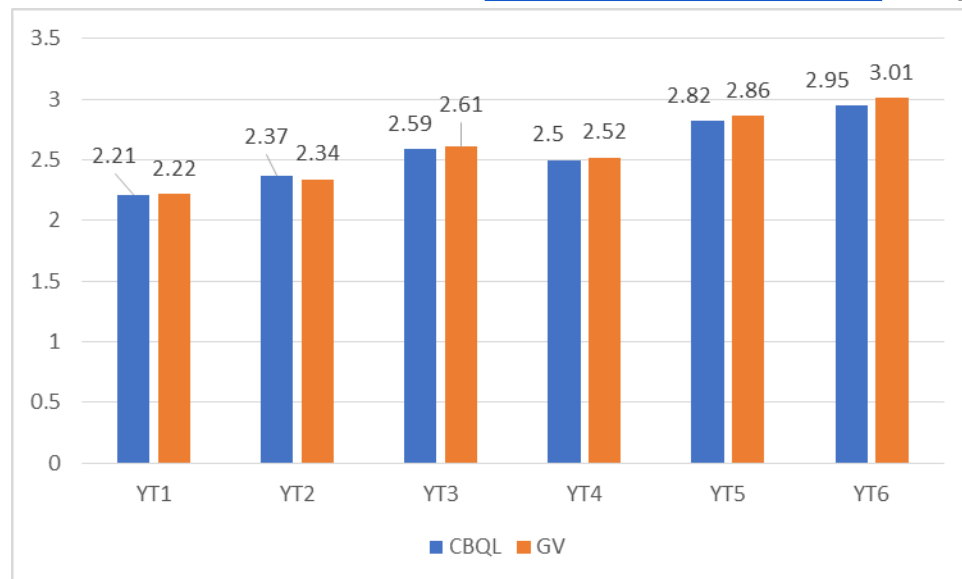
T T	Yếu tố tác động	Đối tượng hỏi	Mức độ ảnh hưởng								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
			Rất mạnh		Khá mạnh		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tác động từ xu thế phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và địa phương	CBQL	9	13,4	11	16,4	32	47,7	15	23,4	2,21	6
		GV	28	14,0	34	17,0	92	46,0	46	23,0	2,22	6
2	Tác động từ chủ trương, chính sách phát triển GD	CBQL	12	17,9	13	19,4	30	44,8	12	17,9	2,37	5
		GV	34	17,0	37	18,5	92	46,0	37	18,5	2,34	5

3	Tác động từ yêu cầu đổi mới giáo dục và nhiệm vụ của trường THPT	CBQL	16	23,9	17	25,4	25	37,3	9	13,4	2,59	3
		GV	48	24,0	52	26,0	75	37,5	25	12,5	2,61	3
4	Tác động từ quy chế, quy định về NC KH SPUD ở THPT	CBQL	14	20,9	16	23,9	27	40,3	10	14,9	2,50	4
		GV	42	21,0	48	24,0	83	41,5	27	13,5	2,52	4
5	Tác động từ điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKH SPUD	CBQL	20	29,8	22	32,8	18	26,9	7	10,5	2,82	2
		GV	62	31,0	67	33,5	53	26,5	18	9,0	2,86	2
6	Tác động từ năng lực của CBQL và ĐNGV ở các trường THPT	CBQL	20	29,8	28	41,8	15	22,4	4	6,0	2,95	1
		GV	63	31,5	85	42,5	42	21,0	10	5,0	3,01	1

(Số liệu điều tra từ 200 giáo viên và 67 cán bộ quản lý)

Kết quả tổng hợp trong bảng 2.13 cho thấy, cả 6 yếu tố tác động đều có ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố không ngang bằng nhau. Mức độ ảnh hưởng được phân theo 4 mức là rất mạnh, khá mạnh, trung bình, yếu và được lượng hóa thành tỷ lệ %. Quan sát trong bảng

2.13 cho thấy, có những yếu tố tác động ảnh hưởng rất mạnh và khá mạnh chiếm tỷ lệ cao nhất. Đồng thời có những yếu tố tác động ảnh hưởng ở mức trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất. Để xếp thứ bậc mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến đâu, hãy xem xét điểm trung bình trong bảng 2.13 và biểu đồ 2.7 sau đây:



Biểu đồ 2.7: So sánh mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố

Biểu đồ 2.7 cho thấy, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động không ngang bằng nhau.

YT1: Tác động từ xu thế phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và địa phương. Đây là yếu tố có mức độ ảnh hưởng thấp nhất, đứng thứ 6/6 trong bảng thứ bậc. Với điểm đánh giá của giáo viên là 2,22 điểm; đánh giá của cán bộ quản lí là 2,21 điểm. Mặc dù là xếp thứ 6/6 nhưng giá trị điểm trung bình vẫn lớn hơn 2 điểm.

YT2: Tác động từ chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng, Nhà nước và địa phương là yếu tố có mức độ ảnh hưởng xếp thứ 5/6, với điểm đánh giá của giáo viên là 2,34 điểm; đánh giá của cán bộ quản lí là 2,37 điểm.

YT3: Tác động từ yêu cầu đổi mới giáo dục và nhiệm vụ của nhà trường THPT hiện nay là yếu tố có mức độ ảnh hưởng xếp thứ 3/6, với điểm đánh giá của giáo viên là 2,61 điểm; đánh giá của cán bộ quản lí là 2,59 điểm.

YT4: Tác động quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT là yếu tố có mức độ ảnh hưởng xếp thứ 4/6, với điểm đánh giá của giáo viên là 2,52 điểm; đánh giá của cán bộ quản lí là 2,50 điểm.

YT5: Tác động từ môi trường sư phạm và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT là yếu tố có mức độ ảnh hưởng xếp thứ 2/6, với điểm đánh giá của giáo viên là 2,86 điểm; đánh giá của cán bộ quản lí là 2,82 điểm.

YT6: Tác động từ năng lực của cán bộ quản lí và đội ngũ giáo viên ở các trường THPT là yếu tố có mức độ ảnh hưởng xếp thứ 1/6, với điểm đánh giá của giáo viên là 3,01 điểm; đánh giá của cán bộ quản lí là 2,95 điểm.

2.6. Đánh giá chung ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng

2.6.1. Đánh giá chung

Tổng hợp kết quả các ý kiến của cán bộ quản lí, giáo viên đánh giá về thực trạng quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên trên 6 nội dung, thu được kết quả trong bảng 2.14.

Bảng 2.14: Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên các trường THPT

Thực trạng	Đối tượng hỏi	Mức độ đánh giá								Điểm $\bar{x}$	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
TT1: Bảng 2.7	CBQL	120	35,8	139	41,5	70	20,9	6	1,8	3,11	1
	GV	361	36,1	419	41,9	204	20,4	16	1,6	3,11	1
TT2: Bảng 2.8	CBQL	113	33,7	130	38,8	80	23,8	12	3,6	3,02	2
	GV	339	33,9	390	39,0	238	23,8	33	3,3	3,03	3
TT3: Bảng 2.9	CBQL	101	30,1	118	35,2	98	29,3	18	5,4	2,90	4
	GV	304	30,4	354	35,4	291	29,1	51	5,1	2,91	4
TT4: Bảng 2.10	CBQL	93	27,8	81	24,2	125	37,3	36	10,7	2,69	5
	GV	284	28,4	249	24,9	368	36,8	99	9,9	2,72	5
TT5: Bảng 2.11	CBQL	73	21,8	80	23,9	138	41,2	44	13,1	2,54	6
	GV	227	22,7	247	24,7	402	40,2	124	12,4	2,58	6
TT6: Bảng 2.12	CBQL	112	33,4	124	37,0	87	26,0	12	3,6	3,0	3
	GV	348	34,8	374	37,4	245	24,5	33	3,3	3,04	2

(Tổng hợp 6 nội dung khảo sát thực trạng quản lý từ bảng 2.7 đến 2.12)

Theo kết quả tổng hợp trong bảng 2.14 cho thấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và của giáo viên thứ bậc cao thấp của từng thực trạng như sau:

TT1. Thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý điểm trung bình là 3,11 điểm. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 3,11. Xếp thứ nhất trong 6 thực trạng.

TT2. Thực trạng quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý điểm trung bình là 3,02 điểm, xếp thứ 2. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 3,03 điểm, xếp thứ 3.

TT3. Thực trạng quản lý nguồn nhân lực nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý điểm trung bình là 2,90 điểm. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 2,91. Xếp thứ 4 trong 6 thực trạng.

TT4. Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý điểm trung bình là 2,69 điểm. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 2,72. Xếp thứ 5 trong 6 thực trạng.

TT5. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý điểm trung bình là 2,54 điểm. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 2,58. Xếp thứ 6 trong 6 thực trạng.

TT6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý điểm trung bình là 3,0 điểm, xếp thứ 3. Ý kiến đánh giá của giáo viên với điểm trung bình là 3,04 điểm, xếp thứ 2 trong 6 thực trạng.

2.6.2. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm

**** Ưu điểm***

Trong những năm qua, các trường THPT tỉnh Lào Cai đã tổ chức triển khai hoạt động NCKH trên diện rộng. Ban Giám hiệu các trường THPT đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo đội ngũ giáo viên tích cực đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động NCKH. Hoạt động NCKH đã được gắn với quá trình đổi mới giáo dục. Quá trình tổ chức các loại hình hoạt động NCKH của giáo viên, bước đầu đã rút ra được những bài học kinh nghiệm và mở ra được những hướng đi mới, với các biện pháp thích hợp.

Nhìn chung, cán bộ quản lý, giáo viên ở các trường THPT đã nhận nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ đến hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Về mặt lý luận, điều đó góp phần nâng cao nhận thức của các lực lượng về vấn đề quản lý nghiên cứu KHSPƯĐ. Về mặt thực tiễn, nó góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của nhà trường.

Thực tiễn giáo dục ở các nhà trường THPT tỉnh Lào Cai cho thấy, hoạt động NCKH đã được đội ngũ giáo viên tiếp nhận hào hứng góp phần kích

thích tính tích cực của giáo viên trong đổi mới giáo dục. Dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu nhà trường, hoạt động NCKH của đội ngũ giáo viên ở các trường THPT ngày càng được mở rộng về loại hình và nâng cao hơn về chất lượng. Bước đầu, hoạt động NCKH của giáo viên đã khẳng định được tính ưu việt và thu hút được sự quan tâm, ủng hộ của các đồng nghiệp.

Phương thức tổ chức hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT đã góp phần tích cực vào thực hiện mục tiêu chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đồng thời góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục ở các trường THPT hiện nay. Hoạt động NCKH của giáo viên là một trong những con đường quan trọng nhằm phát triển năng lực cá nhân của giáo viên, góp phần thực hiện mục tiêu dạy học phát triển năng lực theo tinh thần đổi mới giáo dục hiện nay. Hoạt động NCKH của giáo viên đã có tác dụng làm thay đổi phương pháp, tác phong hoạt động giảng dạy, giáo dục của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ đã đạt được một số kết quả nhất định. Các trường đều có bộ phận phụ trách hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ; các đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ bước đầu được áp dụng để đổi mới hình thức dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy và đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực cho học sinh; tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ; nghiên cứu KHSPƯĐ bước đầu thể hiện được các giải pháp, biện pháp, cách làm... nhằm thực hiện mục đích, yêu cầu đề ra.

Sản phẩm hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường THPT là nguồn tài liệu phong phú, bổ sung cho sự phát triển lí luận quản lí giáo dục nhà trường THPT. Đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo đa dạng, phong phú cho cán bộ, giáo viên, học sinh ở các trường THPT và những ai có quan tâm đến giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

** Nguyên nhân của ưu điểm*

Có sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai. Thực hiện quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trên địa

bàn tỉnh Lào Cai, Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất nhiều chủ trương, biện pháp đổi mới giáo dục phù hợp với đặc điểm địa phương. Trong đó xác định, trước hết phải nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Một trong những con đường, biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay là phải tổ chức cho giáo viên tham gia các hoạt động NCKH, làm cho giáo viên hứng thú, tích cực chủ động tự học, tự nghiên cứu không ngừng nâng cao năng lực cá nhân.

Có sự quản lý trực tiếp, sâu sát của Ban Giám hiệu nhà trường THPT. Dưới sự lãnh đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai, Ban Giám hiệu các nhà trường THPT trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc các chức năng quản lý, đề ra những chủ trương và kế hoạch cụ thể về hoạt động NCKH của giáo viên. Mọi hoạt động NCKH của giáo viên ở các nhà trường THPT đều được đưa vào kế hoạch, được thực hiện theo đúng kế hoạch đã xác định. Bộ máy quản lý khoa học trong nhà trường thường xuyên được kiện toàn, hoàn thiện và hoạt động khá tích cực. Cơ chế, chính sách quản lý từng bước được đổi mới phù hợp với sự vận động, phát triển của thực tiễn. Cùng với quá trình hoàn thiện cơ chế quản lý của nhà trường, các hoạt động đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới hoạt động NCKH của giáo viên nói riêng đã được Ban Giám hiệu các nhà trường THPT quan tâm tổ chức tiến hành nghiêm túc.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên có tinh thần tích cực trong quá trình đổi mới giáo dục, thực hiện các hoạt động NCKH. Đội ngũ cán bộ, giáo viên có ý thức và tích cực, chủ động tìm kiếm các phương thức hoạt động NCKH, qua đó góp phần đổi mới được phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện NCKH của giáo viên. Đa số cán bộ, giáo viên ở các nhà trường THPT năng động, linh hoạt và tích cực. Từng cá nhân giáo viên đã chủ động khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ về hoạt động NCKH. Tính tự chủ của cán bộ, giáo viên ngày càng được nâng cao. Các nhà trường luôn có ý thức gắn hoạt động NCKH của giáo viên với quá trình đổi mới giáo dục hiện nay.

Về nguồn lực, các trường THPT có một lực lượng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên hùng hậu, nhiều người có tâm huyết và trình độ, năng lực giảng dạy chuyên môn, tự giác tích cực trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯD làm nòng cốt. Mặt khác, hàng năm số giáo viên được cử đi học Thạc sĩ, nghiên cứu sinh được quan tâm, nhiều giáo viên đã bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ đây là nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD trường THPT tỉnh Lào Cai. Về môi trường, có nhiều cơ hội để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Nhiều giáo viên đã thể hiện được năng lực nghiên cứu khoa học thông qua hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt các giải nhất, nhì cấp tỉnh và quốc gia.

2.6.3. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

*** Hạn chế**

Hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD còn nhiều hạn chế, nghiên cứu KHSPƯD chưa sâu sát đến từng cán bộ quản lí, giáo viên. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD chủ yếu đáp ứng cho đối tượng cán bộ quản lí, giáo viên dự thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh hoặc để xét chiến sĩ thi đua cuối năm, các đối tượng khác chưa quan tâm. Nguồn thông tin cung cấp cho cán bộ quản lí, giáo viên thiếu chi tiết và không đầy đủ gây lúng túng trong việc chọn lĩnh vực, chọn đề tài phù hợp.

Công tác tư vấn cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD còn nhiều hạn chế. Chỉ khi đến đầu năm học, các trường mới công bố các thông tin hướng dẫn về công tác này để giáo viên tham khảo, sau đó hướng dẫn cho các tổ chuyên môn triển khai cho giáo viên đăng ký chỉ tiêu thi đua kèm với đăng ký đề tài qua thống nhất ở từng bộ môn trong tổ, và cho đó là cách làm của tư vấn nghiên cứu KHSPƯD; Hoạt động trao đổi, thảo luận, góp ý về ý tưởng đề xuất đề tài trong các nhà trường chưa được quan tâm thực hiện.

Việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu KHSPƯD chưa cụ thể, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch còn thiếu chặt chẽ; kiểm tra đánh giá chưa thường xuyên, tổng kết, rút kinh nghiệm chưa được quan tâm làm ảnh hưởng đến hiệu quả của nghiên cứu KHSPƯD.

Xây dựng đội ngũ những người làm hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ chưa tốt, chưa có sự gắn kết trách nhiệm của các lực lượng trong và ngoài nhà trường đối với hoạt động này; kiến thức và năng lực tổ chức tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên trong nhà trường còn nhiều hạn chế; chưa phát huy được tiềm năng của các lực lượng giáo dục. Công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên về nghiên cứu KHSPƯĐ chưa được thực hiện tại các nhà trường chủ yếu trông chờ vào các đợt tập huấn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT. Cở sở vật chất đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ còn thiếu và lạc hậu.

** Nguyên nhân của hạn chế*

Thiếu chủ trương, chính sách đủ mạnh và đồng bộ để đưa hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ đúng vị trí, vai trò của nó. Biểu hiện cụ thể: Về cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ đầu tư còn chậm. Phần lớn hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ do giáo viên chủ động tận dụng tư liệu bộ môn, liên hệ tư liệu từ các nhà khoa học tại các trường đại học, tranh thủ liên hệ các cơ sở ngoài nhà trường trên địa bàn tỉnh.

Về đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên làm nghiên cứu KHSPƯĐ hầu hết không được đào tạo bài bản, chỉ có một số cán bộ quản lí, giáo viên được tập huấn ít ngày rồi trao đổi và cung cấp tài liệu tập huấn của Bộ, Sở GD&ĐT. Chưa có các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích hoặc bắt buộc đối với hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở các trường THPT, các điều kiện để đảm bảo thực hiện tốt nghiên cứu KHSPƯĐ còn thiếu cơ bản.

Về phía lãnh đạo nhà trường: Tuy đã có nhận thức đúng tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên song việc chỉ đạo thực hiện chưa thật đi vào chiều rộng, chiều sâu; chưa quan tâm đầy đủ đến những nội dung cơ bản trong nghiên cứu KHSPƯĐ và thiếu sự đổi mới, cập nhật nội dung phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương; những hình thức triển khai hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ chưa đa dạng và phong phú, chậm đổi mới; chưa sử dụng tối đa và phối hợp khéo léo các nguồn lực đảm

bảo cho hoạt động nghiên cứu. Vì vậy, hoạt động nghiên cứu KHSPƯD chưa thật sự gây ảnh hưởng, hấp dẫn, lôi cuốn, thu hút tính tự giác tham gia của cán bộ quản lí, giáo viên nên hiệu quả nghiên cứu KHSPƯD chưa cao.

Cán bộ quản lí, giáo viên các trường THPT chưa có nhiều kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KHSPƯD do không được đào tạo. Cán bộ quản lí, giáo viên phụ trách hoạt động nghiên cứu KHSPƯD đều là người làm công tác kiêm nhiệm nên còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Nội dung nghiên cứu KHSPƯD bao gồm nhiều lĩnh vực vượt khả năng nắm bắt thực tiễn của nhiều cán bộ quản lí, giáo viên hiện nay nên chưa tạo ra được sự hấp dẫn cần thiết đối với cán bộ quản lí, giáo viên chưa có những sáng tạo, năng động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KHSPƯD. Một số cán bộ, giáo viên còn trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên. Một bộ phận cán bộ quản lí, giáo viên các trường THPT nhận thức và đánh giá chưa đúng tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu KHSPƯD trong nhà trường.

Nguồn tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD còn phụ thuộc vào ngân sách cấp, chưa huy động được sự ủng hộ của các lực lượng xã hội đầu tư cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Chưa huy động được các nguồn lực trong xã hội tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯD.

Công tác kiểm tra, đánh giá không thường xuyên và kịp thời mà đến cuối năm học chỉ điểm qua trong báo cáo tổng kết năm học một cách chung chung, do đó không thấy hết được những mặt mạnh, mặt hạn chế, yếu kém để khen thưởng hay phê bình đúng người, đúng việc. Việc làm này dẫn đến tình trạng cào bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KHSPƯD của cán bộ quản lí, giáo viên và không động viên, khuyến khích được sự tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của nhà trường.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở phân tích, đánh giá với những số liệu đã thu thập, tác giả đã làm rõ thực trạng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở chương 2 đã cho thấy rằng:

Một số CBQL, giáo viên, học sinh và các lực lượng tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trong và ngoài nhà trường đã nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là quan trọng và rất quan trọng ở trường phổ thông. Tuy vậy, hoạt động này chưa được quan tâm đúng mức.

Các kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của CBQL; GV chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, việc lập kế hoạch chưa khoa học, phần lớn CBQL, giáo viên lập kế hoạch quản lý và làm việc theo kinh nghiệm của bản thân. Vì vậy, hiệu quả quản lý không cao.

Công tác tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯD chưa hợp lý, việc kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu và thiếu kinh nghiệm nên không đánh giá đúng để điều chỉnh kịp thời. Chưa có những cơ chế, chính sách để tạo động lực cho giáo viên thực hiện hoạt động nghiên cứu KHSPƯD hiệu quả.

Công tác quản lý nguồn nhân lực và các nguồn lực khác như tài chính, cơ sở vật chất, thời gian, tài liệu hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD còn nhiều hạn chế, việc lựa chọn bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng, năng lực tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho CBQL, giáo viên ít được quan tâm.

Như vậy, từ những nghiên cứu lý luận ở chương 1 và kết quả khảo sát, phân tích thực trạng ở chương 2, làm cơ sở để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở chương 3, nhằm mục đích nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực trong những năm tiếp theo, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu đổi mới giáo dục.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÀO CAI THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

3.1. Yêu cầu quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường Trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực

3.1.1. Gắn hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường Trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên là một nội dung của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong nhà trường. Mọi hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở nhà trường THPT phải quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng và các văn bản pháp lý của các cơ quan chức năng về đổi mới giáo dục. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai phải thống nhất với các quan điểm định hướng chung về phát triển giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TU, tại Hội nghị lần thứ Tám Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai là hoạt động có mục đích, có tổ chức đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh Lào Cai. Hiện nay, UBND tỉnh Lào Cai đã triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TU về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”. Cốt lõi của quá trình đổi mới này là chuyển từ giáo dục theo tiếp cận nội dung, lấy mục tiêu trang bị kiến thức là chủ yếu sang giáo dục theo tiếp cận năng lực. Đây là những căn cứ pháp lý định hướng cho quá trình đổi mới

giáo dục nói chung và quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo hướng tiếp cận năng lực nói riêng, đặc biệt là năng lực đổi mới.

3.1.2. Gắn hoạt động nghiên cứu KHSPƯD với quá trình dạy học và phát triển năng lực của giáo viên ở các trường Trung học phổ thông

Mục đích của hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là nhằm phát triển năng lực của giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng quá trình dạy học trong nhà trường THPT. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc, định hướng về tính mục đích cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các nhà trường THPT. Mọi hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phải tác động vào các thành tố cấu trúc của quá trình dạy học ở trường THPT, nhằm cải tiến, đổi mới các thành tố cấu trúc của quá trình dạy học, hướng vào nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phải dẫn dắt cho hoạt động đổi mới quá trình dạy học ở nhà trường THPT, đảm bảo cho quá trình dạy học luôn cập nhật lí thuyết dạy học hiện đại và đạt được chất lượng, hiệu quả tốt nhất. Trong đó đặc biệt quan trọng là lí thuyết về phát triển năng lực trong khoa học giáo dục hiện đại.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các nhà trường THPT phải hướng vào phát triển năng lực của giáo viên. Đây là con đường bồi dưỡng giáo viên tốt nhất, đồng thời là một con đường tự học, tự phát triển của giáo viên trong thực tiễn. Thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯD mà nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Ban Giám hiệu nhà trường phải căn cứ vào các tiêu chí chuẩn năng lực của giáo viên trường THPT để xây dựng hệ thống đề tài. Thông qua tổ chức thực hiện các đề tài khoa học mà phát triển năng lực chung theo chuẩn, đồng thời phát triển năng lực cá nhân của giáo viên. Sự lựa chọn, phân công các đề tài nghiên cứu khoa học phải

căn cứ vào năng lực cá nhân của giáo viên, phù hợp với năng lực cá nhân và hướng vào phát triển năng lực cá nhân của mỗi giáo viên. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học mà bồi dưỡng giáo viên dạy giỏi, phát triển nguồn nhân lực của nhà trường.

3.1.3. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phải bám sát đặc điểm của các nhà trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Đây là yêu cầu định hướng về tính thực tiễn trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các nhà trường THPT. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các nhà trường THPT phải xuất phát từ thực tiễn và phải hướng vào thực hiện các vấn đề thực tiễn đang đặt ra ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Xuất phát từ thực tiễn nghĩa là phải căn cứ vào yêu cầu thực tiễn của các nhà trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai; thực tiễn trình độ năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường; thực tiễn điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Lào Cai.

Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các nhà trường THPT phù hợp với thực tiễn còn có nghĩa là kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của các nhà trường phải có tính khả thi. Hệ thống đề tài nghiên cứu phải phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai, phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trường THPT, có khả năng thực hiện một cách thuận lợi, nhanh chóng phù hợp với đặc thù của các trường THPT tỉnh Lào Cai. Các đề tài chủ yếu mang tính ứng dụng trong lĩnh vực khoa học sư phạm, phù hợp với đặc điểm hoạt động sư phạm của nhà trường. Các nhà trường cần coi trọng loại hình sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên, kết hợp sáng kiến kinh nghiệm với các đề tài khoa học; chỉ đạo giáo viên từng bước nâng cấp sáng kiến kinh nghiệm lên đề tài khoa học.

3.2. Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên các trường Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực

3.2.1. Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

**** Mục tiêu của biện pháp***

Một trong những yếu tố chi phối hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT là hệ thống văn bản pháp quy về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ở nhà trường THPT còn nhiều bất cập. Trong những năm qua, cùng với quá trình đổi mới giáo dục, nhiều văn bản quản lý cũ không còn phù hợp, các văn bản quản lý mới ban hành chưa đồng bộ, phải chỉnh sửa nhiều lần. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý giáo dục các cấp. Trong đó, cần phải đảm bảo về tính đồng bộ của các văn bản quản lý giáo dục. Hệ thống văn bản pháp quy về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT là điều kiện pháp lý đảm bảo cho các hoạt động này được thực hiện đồng bộ với hoạt động giáo dục trong nhà trường. Mục tiêu của biện pháp này nhằm chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT; xác định nội dung và cách thức tổ chức xây dựng hệ thống văn bản pháp quy, góp phần tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT.

**** Nội dung của biện pháp***

Một là, xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý bắt buộc cán bộ, giáo viên ở nhà trường THPT phải tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPUD. Cơ chế, chính sách về hoạt động khoa học nói chung, hoạt động KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT nói riêng là sự cụ thể hoá đường lối, quan điểm của Đảng về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Cơ chế, chính sách là một

trong những căn cứ pháp lý để xác định và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên và giải quyết các mối quan hệ hiệp đồng, phối hợp giữa các lực lượng, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý và thực hiện. Nếu các văn bản pháp quy được ban hành đồng bộ, nhất quán thì sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT, khuyến khích được nhiệt tình, tinh thần hăng say, hứng thú trong lao động khoa học của các cá nhân và tập thể, hơn nữa còn cho phép chủ thể quản lý huy động được các nguồn lực trong hoạt động khoa học. Ngược lại, nếu hệ thống văn bản pháp quy thiếu tính đồng bộ sẽ cản trở, gây khó khăn, kìm hãm các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT.

Thực tiễn những năm vừa qua cho thấy, các cơ chế, chính sách về quản lý khoa học nói chung đã tạo được hành lang pháp lý cần thiết cho quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT nói riêng. Trên cơ sở những cơ chế, chính sách chung, mỗi địa phương, mỗi nhà trường xuất phát từ đặc điểm, điều kiện và nhiệm vụ của mình đã có các quy chế, quy định cụ thể về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT. Những quy định đó có vai trò trực tiếp góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo của cán bộ, giáo viên trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu KHSPƯD. Tuy nhiên, hiện nay việc đầu tư cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên, cũng như việc thử nghiệm, ứng dụng và phổ biến các kết quả nghiên cứu đó chưa được coi trọng đúng mức.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT trong bối cảnh hiện nay gồm nhiều vấn đề. Nhưng trước hết, cần xây dựng, ban hành các văn bản và quy chế tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT. Trong đó, cần phải xác định hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là một nhiệm vụ bắt buộc đối với mọi giáo viên ở các trường THPT. Các văn bản phải xác định rõ trách nhiệm,

quyền lợi của cán bộ, giáo viên và các lực lượng trong nhà trường, phải quy đổi giờ nghiên cứu khoa học thành giờ lao động như giờ giảng dạy để tính công cho giáo viên. Phân loại chất lượng giáo viên để quy định số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học cho từng đối tượng giáo viên. Đối với những cán bộ và giáo viên chủ chốt trong nhà trường phải có tỷ lệ số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học cao hơn các giáo viên mới, giáo viên trẻ.

Hai là, xây dựng quy chế quản lý động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Đi cùng với quy chế bắt buộc, cần phải có quy chế động viên khuyến khích cán bộ giáo viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Cần phải có quy chế động viên khuyến khích về vật chất và tinh thần. Về vật chất, hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên phải có tiền, dù là ít cũng nên có. Về tinh thần, sản phẩm nghiên cứu khoa học của giáo viên nên được trân trọng, phổ biến trong toàn trường và lưu trữ, trưng bày trang trọng. Đồng thời được tính vào thành tích thi đua, khen thưởng. Đối với giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua, giáo viên được nâng bậc lương nhất thiết phải có đề tài khoa học hoặc sáng kiến kinh nghiệm được giải.

Quy chế chính sách và các văn bản quản lý động viên khuyến khích hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên phải được soạn thảo thành văn bản, lấy ý kiến dân chủ của mọi cán bộ, giáo viên trong nhà trường, được Hội đồng nhà trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành. Các văn bản quy chế động viên khuyến khích phải nhất quán với các văn bản pháp lý bắt buộc, tạo thành môi trường pháp lý và môi trường sư phạm thuận lợi thu hút mọi giáo viên tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ.

Ba là, xây dựng, hoàn thiện các văn bản quản lý giáo dục nhà trường theo hướng đổi mới giáo dục, tạo môi trường sư phạm thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT. Các văn bản quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ phải nhất quán, đồng bộ với các văn bản quản lý giáo dục trong nhà trường THPT. Trong đó, văn

bản quản lí giáo dục trong nhà trường là văn bản trung tâm. Nghĩa là phải dựa vào văn bản quản lí giáo dục trong nhà trường để xây dựng, hoàn thiện các văn bản về quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Quá trình xây dựng các văn bản quản lí giáo dục nhà trường phải cập nhật tinh thần đổi mới giáo dục và tính toán đến quy chế quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ, tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Khi bàn đến phát triển đội ngũ giáo viên trong các văn bản quản lí nhà trường phải hướng tới vấn đề tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Xem hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ như là một con đường, biện pháp để phát triển năng lực của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục của nhà trường.

** Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp*

Quán triệt sâu sắc các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo để hoàn thiện các quy chế, quy định của nhà trường liên quan đến hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chức năng của tỉnh Lào Cai phải nắm vững cơ chế, chính sách hiện hành liên quan đến quản lí hoạt động khoa học. Trên cơ sở đó, một mặt cụ thể hóa cơ chế, chính sách chung thành các quy định trong quy chế hoạt động khoa học của nhà trường. Mặt khác, phát hiện những bất cập trong cơ chế, chính sách hiện hành để kiến nghị với các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định cho phù hợp với thực tiễn tỉnh Lào Cai để thúc đẩy và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu KHSPƯĐ nói riêng.

Thống nhất ban hành các quy định gắn kết quả nghiên cứu khoa học với đánh giá thành tích thi đua và kết quả dạy học trong các quy chế giáo dục, nghiên cứu khoa học của nhà trường. Ban Giám hiệu các nhà trường THPT, trong phạm vi thẩm quyền của mình cần chỉ đạo chặt chẽ việc hoàn thiện hệ thống quy chế giáo dục và NCKH của nhà trường. Trong nội dung các quy chế đó phải thể hiện được một quy định chung là: Những giáo viên có công

trình nghiên cứu khoa học đạt chất lượng tốt sẽ được đánh giá tốt trong phong trào thi đua và được khen thưởng thích đáng, đồng thời được cộng điểm hoặc nâng mức phân loại kết quả hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên. Nhà trường cần phải thông qua kết quả hoạt động NCKH trong nhà trường mà phân loại năng lực của từng giáo viên, trên cơ sở đó có biện pháp quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn theo năng lực cá nhân.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên trong nhà trường tham gia thảo luận đóng góp ý kiến và thực hiện quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức cho cán bộ, giáo viên trong nhà trường tham gia thảo luận dân chủ, lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của cán bộ, giáo viên và các tổ chức có liên quan trong nhà trường, cân nhắc một cách nghiêm túc các luồng ý kiến khác nhau để ra quyết định phù hợp khi ban hành quy chế. Đảm bảo quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT thống nhất với các văn bản pháp lý hiện hành, đồng thời phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, giáo viên trong nhà trường.

Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức triển khai, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên trong nhà trường thực hiện quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Đảm bảo cho các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên luôn thống nhất với quá trình đổi mới giáo dục ở nhà trường theo Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Làm được như vậy, hệ thống quy chế giáo dục và các quy định về NCKH của nhà trường sẽ thực sự trở thành công cụ quản lý hữu hiệu nhằm thúc đẩy hoạt động tích cực của cán bộ, giáo viên tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ.

** Điều kiện tổ chức thực hiện biện pháp*

Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT phải dựa trên các căn cứ pháp lý hiện hành. Lãnh đạo nhà trường phải nghiên cứu và bám sát vào các văn bản hướng dẫn về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ Bộ Khoa học Công

Nghệ; Bộ Giáo dục – Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ để có các căn cứ xây dựng các quy chế, quy định cho hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ ở nhà trường.

Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên ở các trường THPT phải có cơ sở khoa học. Lãnh đạo nhà trường cần tìm hiểu các thông tin về năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên, từ đó xây dựng các câu lạc bộ nghiên cứu KHSPUĐ theo từng lĩnh vực (Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội...) để tham mưu cho lãnh đạo nhà trường ban hành các quy chế, quy định cho hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế của nhà trường cần đảm bảo tính nguyên tắc về phát huy dân chủ ở cơ sở. Tính nguyên tắc trong việc này thể hiện ở chỗ các quy định của nhà trường phải có căn cứ pháp lý chặt chẽ, tránh tùy tiện, chủ quan.

3.2.2. Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ ở trường THPT theo tiếp cận năng lực

**** Mục tiêu của biện pháp***

Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUĐ ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực của giáo viên là biện pháp nhằm kế hoạch hóa các hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên ở trường THPT, đảm bảo cho các hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, phù hợp yêu cầu phát triển năng lực của giáo viên. Đồng thời, biện pháp này nhằm đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên được thực hiện nghiêm túc theo chương trình, kế hoạch nhất quán, tạo ra sự đồng bộ giữa hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên với các loại hình hoạt động khác trong nhà trường THPT. Biện pháp này nhằm đảm bảo tính pháp lý cho hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên, đồng thời tạo ra sự nhất quán trong nhận thức và tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện biện pháp này sẽ góp phần đổi mới quy trình tổ chức thực hiện kế hoạch

nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT. Bao gồm, phân công tổ chức hoạt động của đội ngũ giáo viên trong nhà trường và tổ chức đội ngũ giáo viên sao cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của các loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD.

** Nội dung của biện pháp*

Một là, xây dựng kế hoạch KHSPƯD của giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Mọi hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT phải được kế hoạch hóa. Kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên khi đã được phê duyệt, về bản chất là một văn bản có tính pháp quy bắt buộc các lực lượng có liên quan phải tổ chức thực hiện. Kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT bao gồm kế hoạch chung của toàn trường, kế hoạch cho từng tổ chuyên môn, kế hoạch của từng nhóm nghiên cứu. Có kế hoạch của cả năm học, có kế hoạch cho từng học kỳ. Trong đó xác định mục đích, mục tiêu, chương trình, nội dung; phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên phải được xây dựng thống nhất với kế hoạch dạy học, giáo dục chung của nhà trường. Kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên có liên quan đến kế hoạch dạy học các môn học khác nhau trong nhà trường. Vì vậy, xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên phải đồng bộ trong mối quan hệ với kế hoạch dạy học các môn học cụ thể.

Hai là, tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phù hợp với năng lực cá nhân của giáo viên. Tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho học sinh là giai đoạn triển khai thực hiện kế hoạch sao cho đảm bảo tính hợp lý và đạt được hiệu quả tốt nhất. Đây là giai đoạn mà Ban Giám hiệu nhà trường THPT cần phải tổ chức sử dụng hợp lý các nguồn lực của nhà trường trong thực hiện hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Trong đó, quan trọng nhất là tổ

chức nguồn nhân lực của nhà trường. Tổ chức lực lượng nghiên cứu KHSPƯĐ của nhà trường bao gồm: Xác định lực lượng nòng cốt; thành lập tổ/nhóm nghiên cứu, chỉ định Hiệu trưởng/ Phó Hiệu trưởng phụ trách làm trưởng nhóm, tổ trưởng làm thư ký, các giáo viên, giáo viên chủ nhiệm lớp làm ủy viên. Xác định nhiệm vụ của từng bộ phận, của cá nhân trong tổ/nhóm nghiên cứu. Thiết lập cơ chế làm việc của các bộ phận. Nội dung này đòi hỏi chủ thể quản lý nhà trường phải căn cứ vào trình độ năng lực của giáo viên, căn cứ các điều kiện khách quan, chủ quan để phân công nhiệm vụ cho giáo viên phụ trách hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Mặt khác, phải căn cứ đặc điểm chuyên môn của từng chuyên ngành, phân tích đặc điểm các loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ để tổ chức đội hình các ban nghiên cứu đề tài cho phù hợp. Có thể tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo đội hình nhóm hoặc theo cá nhân. Căn cứ năng lực cá nhân mà phân công nhiệm vụ của từng nhóm, từng giáo viên rõ ràng. Chủ trì đề tài phải có năng lực nghiên cứu đồng thời có năng lực tổ chức nghiên cứu khoa học.

**Cách thức thực hiện biện pháp*

Phân tích các điều kiện khách quan, chủ quan, xác định các nguồn lực và căn cứ để xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Phân tích các điều kiện khách quan, chủ quan, xác định các nguồn lực và căn cứ để xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên là chức trách của Ban Giám hiệu nhà trường, đứng đầu là Hiệu trưởng. Phân tích, đánh giá đúng thực trạng, dự kiến được các tình huống nảy sinh và cách xử lý các tình huống đó sẽ giúp cho việc xây dựng kế hoạch một cách chính xác có tính khả thi. Mức độ phân tích, đánh giá chính xác đến đâu phụ thuộc vào tầm nhìn và năng lực quản lý của Hiệu trưởng nhà trường. Mỗi nhà trường THPT có những điều kiện sư phạm khách quan, chủ quan cụ thể khác nhau trong từng giai đoạn. Phân tích các điều kiện khách quan, chủ quan tức là chỉ ra cơ hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn của nhà trường trong tổ

chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Bao gồm các điều kiện bên trong và các điều kiện bên ngoài nhà trường, cả môi trường sư phạm của nhà trường và xu thế phát triển của ngành giáo dục THPT trong bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của toàn tỉnh Lào Cai.

Trên cơ sở những thuận lợi và khó khăn đã xác định, Ban Giám hiệu nhà trường, đứng đầu là Hiệu trưởng phải phân tích xác định các nguồn lực và căn cứ để xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Trước hết, cần phải phân tích, đánh giá đúng phẩm chất, năng lực của đội ngũ giáo viên trong nhà trường. Sự sẵn sàng về tâm lý và các điều kiện bên trong về nhận thức, tư duy, về tinh thần, thái độ của đội ngũ giáo viên trong nhà trường. Mặt khác, phải phân tích, đánh giá chính xác sự sẵn sàng bên ngoài của đội ngũ giáo viên trong nhà trường. Đó là sự sẵn sàng về các điều kiện vật chất đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Tiếp theo, cần phải phân tích đánh giá chính xác đặc điểm chuyên môn của từng tổ chuyên môn trong nhà trường.

Một vấn đề quan trọng là phải xác định được yêu cầu đổi mới giáo dục ở các trường THPT đang ở đâu, đang đặt ra những yêu cầu cụ thể gì. Đặc biệt, phải dự báo được các yêu cầu triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới. Những yêu cầu đó đặt ra cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên như thế nào. Trên cơ sở đó định hướng cho việc tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức xây dựng các loại kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên và ban hành các văn bản kèm theo. Trước hết, cần phải tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trong toàn trường. Kế hoạch tổng thể là kế hoạch 5 năm của nhà trường, đảm bảo cho quá trình nghiên cứu được thực hiện theo một chiến lược phát triển hệ thống nhất quán, không trùng lặp. Trong đó xác định mục đích, nội dung, chương trình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD theo từng năm học.

Kế hoạch tổng thể của nhà trường được phổ biến, quán triệt đến từng giáo viên trong nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể của nhà trường, từng tổ chuyên môn tổ chức xây dựng kế hoạch của tổ mình theo từng năm học cụ thể. Kế hoạch của từng tổ chuyên môn phải cụ thể hóa kế hoạch tổng thể của nhà trường và nhất quán với kế hoạch tổng thể của nhà trường. Nội dung cơ bản của kế hoạch là phải xác định được mục tiêu, nội dung, chương trình nghiên cứu KHSPƯĐ theo từng chuyên ngành và theo từng năm học, thiết kế được các loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên.

Đồng thời với tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên, Ban Giám hiệu nhà trường phải ban hành các văn bản quản lý, tạo ra cơ sở pháp lý đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ có thể thực hiện được. Các văn bản quản lý của nhà trường phải quy định quyền lợi, trách nhiệm của các lực lượng trong nhà trường khi tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Đặc biệt, cần phải quy định phương thức tổ chức phối hợp các lực lượng trong khai thác sử dụng các nguồn lực, hợp tác, chia sẻ lẫn nhau đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên diễn ra thuận lợi.

Thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và tổ chức lực lượng nghiên cứu KHSPƯĐ của nhà trường. Trước hết, Ban Giám hiệu nhà trường cần phải thành lập Hội đồng NCKH của nhà trường. Từng nhà trường THPT cần phải thành lập Hội đồng NCKH để chỉ đạo, phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia nghiên cứu KHSPƯĐ. Hội đồng NCKH gồm các thành phần: Hiệu trưởng (Chủ tịch), tổ trưởng chuyên môn, giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh, các Phó hiệu trưởng, mời một số người có trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ ngoài nhà trường tham gia. Sự có mặt của các thành phần trong và ngoài nhà trường cho phép mở rộng khả năng liên kết các lực lượng nghiên cứu KHSPƯĐ. Chức năng chính của Hội đồng NCKH là chỉ đạo kế hoạch (soạn thảo, phê chuẩn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch),

đồng thời còn là một bộ phận trung gian, môi giới liên kết tất cả các thành phần có trong hệ thống để đạt được mục đích chung giúp CBQL, giáo viên tham gia NCKHSPƯĐ.

Nhiệm vụ của Hội đồng NCKH là giúp cho CBQL, giáo viên trong nhà trường, giáo viên nhận thức đầy đủ và sâu sắc mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung của nghiên cứu KHSPƯĐ trong trường học. Tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội có liên quan ủng hộ tinh thần, vật chất cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Giúp nhà trường xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch đó. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ và thực hiện sự phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Giúp nhà trường kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Chỉ đạo thực hiện nghiên cứu KHSPƯĐ qua dạy và học các bộ môn văn hoá; qua công tác quản lí (chủ nhiệm lớp, tổ chuyên môn, hoạt động giáo dục hướng nghiệp, ngoài giờ lên lớp, mô hình trường học gắn với thực tiễn, những vấn đề cụ thể để đổi mới dạy học, đổi mới phương pháp dạy học gắn với kiểm tra đánh giá...) phải hướng đến yêu cầu: Giúp cho giáo viên, CBQL nhìn lại quá trình để tự điều chỉnh phương pháp dạy và học, phương pháp giáo dục học sinh cho phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh cụ thể, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho phù hợp năng lực, điều kiện giảng dạy và quản lí của giáo viên, CBQL. Hướng dẫn hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của Bộ GD&ĐT chỉ là định hướng chung, vì thế không nên cứng nhắc theo sách vở, tài liệu mà căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường để thay đổi phương pháp tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ hiệu quả.

Ban Giám hiệu nhà trường cần phải xây dựng cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu KHSPƯĐ. Việc xây dựng cơ cấu tổ chức trong quản lí nghiên cứu KHSPƯĐ phải đảm bảo các nguyên tắc sau: Gắn liền với mục

tiêu giáo dục của nhà trường; chuyên môn hoá từng bộ phận, từng cá nhân và phải cân đối công việc; cân đối giữa nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích giữa cá nhân và tập thể; đề ra tiêu chuẩn cho từng vị trí; đúng tầm quản lý của Hiệu trưởng trường THPT. Xây dựng cơ cấu tổ chức lực lượng nòng cốt nghiên cứu KHSPƯD gắn liền với việc phân cấp quản lý nghiên cứu KHSPƯD. Phân cấp quản lý nghiên cứu KHSPƯD là việc chuyển giao quyền lực quản lý xuống cấp dưới để cho sát với GV và sát với tình hình thực tiễn ở mỗi bộ phận, mỗi lớp, đồng thời để giảm bớt khối lượng công việc cho người Hiệu trưởng khỏi phải trực tiếp giải quyết những sự vụ. Việc phân cấp phải gắn trách nhiệm với quyền hạn rõ ràng và bảo đảm tính thống nhất từ Hiệu trưởng đến các Phó Hiệu trưởng, Bí thư đoàn trường và các tổ trưởng, các giáo viên. Những nhiệm vụ, quyền hạn chuyển giao cho cấp dưới phải được Hiệu trưởng xác định hết sức rõ ràng. Những nhiệm vụ, quyền hạn được giao cho cấp dưới phải được lưu giữ bằng văn bản, và phải được các bên kí kết. Tuy nhiên, việc chuyển giao nhiệm vụ cho cấp dưới phải đảm bảo những công việc được giao ấy phù hợp với từng vị trí cụ thể, đảm bảo tính hiệu quả của công việc.

Sau khi thành lập cơ cấu tổ chức của nhóm nghiên cứu, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, từng cá nhân, người Hiệu trưởng cần thiết lập cơ chế làm việc của các bộ phận, cá nhân đó.

Tổ trưởng chuyên môn triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trong tổ. Đây là giai đoạn triển khai biến kế hoạch thành thực tiễn. Tổ trưởng chuyên môn cần phải họp bàn các phương thức, biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Phải tạo ra sự đồng thuận về tư duy và hành động của các giáo viên trong toàn tổ. Tổ trưởng lấy ý kiến của các giáo viên trong tổ, phân công và phối hợp hoạt động giữa các giáo viên với nhau trong quá trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Quá trình tổ chức thực hiện phải linh hoạt, sáng tạo xử lý các tình huống nảy sinh. Đồng thời Ban Giám hiệu nhà trường phải theo dõi, điều khiển sự phát triển về phẩm chất, năng lực của giáo viên.

Ban Giám hiệu nhà trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các khối lớp. Về phương diện quản lí, Ban Giám hiệu nhà trường phải cắt cử nhau kiểm tra, đánh giá từng khâu, từng bước tổ chức hoạt động nghiên cứu của giáo viên trong toàn trường. Về chuyên ngành, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo Hội đồng khoa học của nhà trường kiểm tra, nắm bắt quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD của từng tổ chuyên môn trong nhà trường. Kịp thời phát hiện những vấn đề nảy sinh, có thể tham mưu cho Ban Giám hiệu ra các quyết định bổ sung mới tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên phù hợp với thực tiễn.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

Có sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT, có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa các cơ quan chức năng của Sở GD&ĐT với các nhà trường THPT trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD phải sát với điều kiện thực tiễn nhà trường. Kế hoạch phải có tính khoa học, tính thực tiễn khả thi.

Ban Giám hiệu nhà trường, đứng đầu là Hiệu trưởng phải có quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD. Có sự đồng tình hưởng ứng của đội ngũ cán bộ, giáo viên trong nhà trường.

Có sự phân loại năng lực của giáo viên. Ban Giám hiệu nhà trường phải thực hiện đánh giá chính xác năng lực của giáo viên theo từng năm học, làm cơ sở cho việc giao các đề tài nghiên cứu phù hợp với năng lực của từng cá nhân.

3.2.3. Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn

** Mục tiêu của biện pháp*

Chọn đề tài, xây dựng quy trình nghiên cứu KHSPUD của giáo viên là khâu quan trọng nhất trong hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường THPT. Thực chất của biện pháp này là tổ chức đổi mới hoạt động nghiên cứu

KHSPƯD đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực và đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mới. Mục tiêu của biện pháp nhằm xác định vấn đề nghiên cứu, định hướng hoạt động nghiên cứu đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở nhà trường THPT diễn ra một cách khoa học hướng vào phát triển năng lực của giáo viên theo yêu cầu đổi mới giáo dục. Theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, nhà trường được quyền tự chủ trong thực hiện nội dung, chương trình và giao cho địa phương tổ chức biên soạn chương trình giáo dục địa phương.

Chương trình giáo dục phổ thông mới cấp trung học phổ thông cung cấp cho học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

Biện pháp này đòi hỏi các cấp quản lý phải dự kiến được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của giáo viên trong từng loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cụ thể, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của HS theo chương trình .

** Nội dung của biện pháp*

Một là, chọn đề tài nghiên cứu KHSPƯD tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp với năng lực của giáo viên. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài nghiên cứu là công việc khó khăn trong quá trình nghiên cứu. Xác định đề tài nghiên cứu được tiến hành dựa trên cơ sở phát hiện được vấn đề nghiên cứu. Vấn đề nghiên cứu chính là điều chưa biết, hoặc là chưa hiểu rõ bản chất của nó mà khoa học phải giải đáp. Để phát hiện được vấn đề nghiên cứu, thông thường các nhà nghiên cứu phải thiết lập và quan sát được các sự kiện nghiên cứu. Sự kiện là một phần của đối tượng nghiên cứu, được bóc tách ra từ đối tượng nghiên cứu để quan sát.

Trong nghiên cứu KHSPƯD, sự kiện nghiên cứu tồn tại trong quá trình dạy học và giáo dục ở nhà trường. Nhà nghiên cứu có thể thiết lập sự kiện theo một trong hai trường hợp sau: Một là, chọn những sự kiện vốn tồn tại trong quá trình dạy học và giáo dục ở nhà trường để quan sát. Hai là, chủ động tạo ra sự kiện bằng thực nghiệm khi không thoả mãn với những sự kiện đang tồn tại trong quá trình dạy học và giáo dục ở nhà trường. Sau khi đã chọn được sự kiện nghiên cứu, nhà nghiên cứu phải bằng quan sát khoa học để phát hiện ra vấn đề nghiên cứu. Như vậy, việc xác định đề tài nghiên cứu KHSPƯD được tiến hành qua các bước sau: Từ hiện thực khách quan là quá trình sư phạm trong nhà trường, phát hiện các sự kiện nghiên cứu, tìm được các mâu thuẫn; từ mâu thuẫn đó tìm ra vấn đề nghiên cứu; từ vấn đề nghiên cứu xác định tên đề tài. Quá trình sư phạm ở nhà trường THPT đang diễn ra trong quá trình đổi mới, đang chuyển từ chương trình giáo dục hiện hành sang chương trình giáo dục phổ thông mới. Quá trình đó đã và đang nảy sinh mâu thuẫn, một mâu thuẫn chứa đựng nhiều vấn đề nghiên cứu. Giáo viên cần biết chọn trong số đó mâu thuẫn nổi bật nhất, vấn đề gay cần nhất để xây dựng đề tài nghiên cứu.

Việc phát hiện vấn đề nghiên cứu KHSPƯD được thực hiện bằng nhiều cách, thông thường có 2 cách chủ yếu sau: Thứ nhất, dựa vào hứng thú, khả năng, trình độ, kinh nghiệm của giáo viên để khám phá, tìm ra các vấn đề nghiên cứu. Thứ hai, từ đơn đặt hàng của các cơ quan quản lý khoa học và giáo dục các cấp. Để xác định được chính xác vấn đề nghiên cứu KHSPƯD, nhà nghiên cứu cần phải giải đáp cho được các câu hỏi chủ yếu sau: Vấn đề nghiên cứu đó thực sự có ý nghĩa khoa học đối với quá trình đổi mới giáo dục hay không? vấn đề đó có ý nghĩa thực tiễn trong triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới hay không? Vấn đề đó có thực sự cấp thiết đối với các nhà trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai hay không? Vấn đề đó đã có những công trình nào đề cập đến, đề cập đến đâu? cần phải kế thừa, phát triển, bổ sung và tìm ra cái mới gì?

Hai là, đặt tên đề tài nghiên cứu KHSPUĐ. Tên đề tài chính là sự phản ánh chính xác, cô đọng, súc tích, thể hiện được hướng và nội dung nghiên cứu. Tên đề tài chứa đựng một lượng thông tin cao nhất trong một số chữ gọn nhất. Để đặt tên đề tài nghiên cứu KHSPUĐ, người giáo viên phải giải đáp cho được các câu hỏi sau: Nghiên cứu cái gì? Đối tượng nào? Ở đâu? Thời gian nào? Để làm gì? Xác định rõ, đúng các từ khoá, từ đó phát triển các cụm từ và các mệnh đề khác. Từ khoá là các từ “chốt” của đề tài, khi thay đổi từ khoá sẽ kéo theo sự thay đổi toàn bộ nội dung của đề tài.

Về hình thức diễn đạt, tên đề tài phải được diễn đạt dưới dạng một đề mục, được diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, nhất quán, không có mâu thuẫn. Cần lưu ý tránh đặt tên đề tài quá rườm rà, quá nhiều từ khoá hoặc tên đề tài được diễn đạt bằng các cụm từ có độ bất định về thông tin. Không nên diễn đạt tên đề tài có thể dẫn đến sự mập mờ về mục tiêu nghiên cứu và gây khó khăn cho việc đánh giá công trình nghiên cứu.

Xác định đúng đề tài nghiên cứu là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo cho quá trình nghiên cứu đạt được kết quả. Trong thực tế, đề tài nghiên cứu KHSPUĐ còn được bắt nguồn từ những ý tưởng khoa học độc đáo của các cá nhân. Ý tưởng khoa học của cá nhân được nảy sinh từ trong thực tiễn hoạt động sư phạm hoặc từ trực giác. Qua sự đóng góp của tập thể, của đồng nghiệp, của các chuyên gia hoặc Hội đồng xét duyệt, ý tưởng khoa học sẽ được xác định thành đề tài khoa học.

Ba là, xây dựng quy trình nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên theo tiếp cận năng lực. Quy trình nghiên cứu KHSPUĐ của giáo viên ở các trường THPT được thực hiện theo các giai đoạn và các bước như sau:

Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu. Nội dung cơ bản của giai đoạn này là thiết kế đề cương nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nghiên cứu. Thiết kế đề cương nghiên cứu là bước thuyết minh đề tài nghiên cứu. Mục đích của thuyết minh đề tài nghiên cứu là trình bày các ý tưởng nghiên cứu để cơ quan quản lý xem xét có thể triển khai nghiên cứu được hay không. Nội dung thuyết minh

đề tài nghiên cứu được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý đề tài. Trong đó cần làm rõ được các vấn đề cơ bản như sau: Lí do lựa chọn đề tài; mục đích nghiên cứu; khách thể, đối tượng nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; nhiệm vụ nghiên cứu; giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; cái mới của đề tài; cấu trúc đề tài; nguồn tài liệu tham khảo. Đồng thời, bản thuyết minh đề tài phải chứng minh được năng lực của những người nghiên cứu. Vấn đề nghiên cứu phải phù hợp với năng lực của người nghiên cứu. Người nghiên cứu có khả năng giải quyết được những vấn đề đặt ra trong đề tài.

Xây dựng đề cương chi tiết về đề tài nghiên cứu là một nội dung quan trọng trong giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu. Cấu trúc đề cương nghiên cứu có thể nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng cần làm rõ được cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu, từ đó đề xuất các biện pháp, giải pháp phù hợp với lí luận và thực tiễn đã đề ra. Đối với sáng kiến kinh nghiệm thì cần phải đi từ thực tiễn hoạt động sư phạm trong nhà trường, từ những thành công trong hoạt động giáo dục, dạy học để khái quát rút ra những vấn đề có tính kinh nghiệm chung có thể phổ biến rộng rãi cho các đối tượng khác.

Xây dựng kế hoạch nghiên cứu là một bước nội dung trong giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu được tiến hành cụ thể, chi tiết, khoa học sẽ giúp cho mỗi người hình dung trước toàn bộ các công việc. Đồng thời nó là cơ sở của việc tối ưu hoá quá trình giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, rèn luyện tác phong lao động khoa học, góp phần bồi dưỡng lòng say mê, sự hứng thú cao, tinh thần hợp tác trong nghiên cứu khoa học của các giáo viên với tư cách là nhà khoa học. Trong kế hoạch nghiên cứu phải xác định rõ các vấn đề chính sau: Xác định được các giai đoạn, các công việc trong từng giai đoạn đó. Xác định được mốc thời gian, yêu cầu đạt được các công việc trong từng giai đoạn. Xác định việc sử dụng lực lượng và phân công lực lượng cho việc thực hiện các nhiệm vụ trong từng giai đoạn, từng nhiệm vụ, từng công việc. Xác định những điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện đề tài.

Giai đoạn triển khai nghiên cứu một đề tài KHSPUD. Đây là giai đoạn cơ bản nhất của quá trình nghiên cứu khoa học. Thực chất của giai đoạn này là nhà nghiên cứu sử dụng tổng hợp các quan điểm tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu để tác động vào đối tượng nghiên cứu theo những nhiệm vụ đã đặt ra nhằm đạt được mục đích nghiên cứu của đề tài. Giai đoạn triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thường qua các bước như sau:

Bước một: Thu thập thông tin, dữ liệu nghiên cứu. Thu thập thông tin, dữ liệu khoa học được coi là bước đầu tiên rất quan trọng trong quá trình triển khai nghiên cứu khoa học. Các nguồn thông tin thu thập bao gồm: Các công trình khoa học có liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới đề tài đã được công bố trong nước và ngoài nước. Các nguồn tài liệu lí luận và thực tiễn từ các kho lưu trữ trong nhà trường THPT; lưu trữ trong ngành giáo dục; lưu trữ trên mạng thông tin, kho lưu trữ của các ngành có liên quan. Tư liệu, số liệu thực tế hoạt động sư phạm của các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Từ kết quả điều tra, khảo sát, thí nghiệm, thực nghiệm, tổng kết kinh nghiệm... Các tài liệu thu thập phải đảm bảo tốt cả về số lượng cũng như về chất lượng. Về số lượng, các tài liệu phải đa dạng, phong phú, cập nhật. Về chất lượng, các tài liệu phải khách quan, chính xác, có độ tin cậy cao, cập nhật với thực tiễn; các tài liệu phải phục vụ thiết thực cho các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

Bước hai: Xử lí các tài liệu đã thu thập được. Các tài liệu, dữ liệu khoa học thu thập được lúc đầu mới ở trạng thái cảm tính, vì vậy cần được các nhà nghiên cứu xử lí để đảm bảo tính khoa học của các tài liệu đã thu thập được. Trước hết, nhà nghiên cứu cần tiến hành thao tác phân loại và hệ thống hoá các tài liệu đã thu thập được. Có nhiều cách phân loại và hệ thống hoá các tài liệu. Có thể phân loại và hệ thống hoá các tài liệu theo các nhiệm vụ của đề tài, theo các chương, mục, tiết, tiểu tiết; hoặc có thể phân theo thứ tự thời gian, không gian, theo các đặc điểm khác nhau... Sau khi sàng lọc, phân loại, hệ thống hoá các tài liệu thu thập được, nhà nghiên cứu có thể khái quát chúng và sử dụng thao tác suy luận lôgic để khám phá, phát hiện đối tượng,

tìm ra qui luật của đối tượng nghiên cứu. Để thực hiện tốt vấn đề này, đòi hỏi nhà nghiên cứu cần thực hiện thuần thục thao tác xử lý các tài liệu cả về mặt định lượng cũng như về định tính.

Xử lý về định lượng là xem xét, đánh giá các tài liệu đã thu thập được về mặt số lượng xem có đủ độ tin cậy cần thiết không; đồng thời đó còn là quá trình dùng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu tạo thành các tham số đặc trưng có thông tin cô đọng, cho phép nhà nghiên cứu rút ra được các kết luận cần thiết.

Xử lý về định tính là xem xét, đánh giá kết quả nghiên cứu về mặt chất lượng, nhằm đi sâu tìm rõ những tính chất, đặc điểm, thuộc tính, qui luật của đối tượng trên cơ sở tổng hợp các số liệu đã thu thập được từ các nguồn tài liệu khác nhau. Để thực hiện được vấn đề xử lý về định tính, nhà nghiên cứu cần thực hiện các thao tác phân loại, hệ thống hoá, khái quát hoá các số liệu, dữ liệu đã thu thập được; từ đó vận dụng các thao tác suy luận khoa học để tìm ra được các tính chất, đặc điểm, qui luật của đối tượng.

Trong quá trình thu thập, xử lý các thông tin, nhà nghiên cứu cần phải đo đạc các kết quả nghiên cứu. Muốn vậy, cần phải xác định chính xác các tiêu chí, các chuẩn đo, cũng như các phương pháp đo đạc. Các tiêu chí đo, các chuẩn đo, các thang đo phải được thiết kế thống nhất, có độ tin cậy cao, đo đúng cái cần được đo. Kết quả xử lý các tài liệu phụ thuộc vào năng lực cá nhân của người nghiên cứu.

Bước ba: Kiểm tra kết quả nghiên cứu. Đây là một khâu không thể thiếu của quá trình nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ. Kiểm tra kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp thông tin phản hồi cho nhà nghiên cứu để điều chỉnh quá trình nghiên cứu nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu. Để kiểm tra kết quả nghiên cứu, thông thường có hai cách thức kiểm tra chủ yếu là kiểm tra bằng các phép suy luận logic và kiểm tra bằng thực nghiệm khoa học. Trong những trường hợp cần thiết có thể tổ chức các hội thảo khoa học, xin ý kiến chuyên gia đóng góp về kết quả nghiên cứu.

Bước bốn: Viết công trình nghiên cứu. Đây là bước trình bày các kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học bằng một văn bản khoa học. Trước hết, phải hoàn thiện dàn ý công trình sau khi đã có các kết quả nghiên cứu thu thập được. Sau đó tiến hành viết bản thảo và sửa chữa bản thảo. Tiếp theo là viết hoàn chỉnh văn bản khoa học trình bày các kết quả của đề tài.

Yêu cầu chung trong viết công trình nghiên cứu đề tài KHSPƯD theo tiếp cận năng lực là người nghiên cứu phải huy động các năng lực vốn có của cá nhân để phân tích, luận giải các vấn đề khoa học. Năng lực của người nghiên cứu được thể hiện trong lập luận các nội dung khoa học của đề tài. Nội dung nghiên cứu phải có cái mới mà người nghiên cứu phát hiện ra và đề xuất cách giải quyết hoàn toàn mới theo năng lực của bản thân, mang dấu ấn cá nhân.

Về văn phong trong các đề tài đề tài KHSPƯD phải sử dụng nhiều dạng ngôn ngữ như lời văn, biểu đồ, đồ thị, số liệu, biểu thức toán học... để có thể diễn đạt chính xác, sinh động, khách quan về kết quả nghiên cứu. Sử dụng ngôn ngữ phải đảm bảo độ chính xác về ngữ pháp, ngữ nghĩa; tránh dùng từ ngữ khoa trương, bóng bẩy, nặng về yếu tố cảm xúc, chủ quan. Câu văn thường được viết ở dạng bị động để phản ánh khách quan, trung thực về kết quả nghiên cứu.

Về hình thức, bố cục của đề tài khoa học, tùy theo tính chất của từng loại đề tài đề tài KHSPƯD mà có những qui định cụ thể. Tuy nhiên, phải đáp ứng tốt các yêu cầu của một văn bản khoa học, cả về văn phong, về hình thức, bố cục, về trích dẫn khoa học. Phải đảm bảo tính lôgic, tính hệ thống nhất quán và phản ánh chính xác về kết quả nghiên cứu. Về trích dẫn khoa học, phải đảm bảo tính trung thực, tính pháp lý cũng như những yêu cầu về đạo đức trong trích dẫn khoa học.

Giai đoạn nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài KHSPƯD. Đánh giá các công trình nghiên cứu KHSPƯD là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý đề tài nghiên cứu khoa học. Đề tài thuộc cấp nào quản lý thì cấp ấy có nhiệm vụ tổ chức nghiệm thu, đánh giá.

Mục đích nghiệm thu, đánh giá nhằm xem xét khách quan, khoa học về chất lượng và giá trị đích thực của các sản phẩm nghiên cứu, những đóng góp của chúng đối với sự phát triển của khoa học giáo dục và khả năng ứng dụng vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường THPT. Xem xét, đánh giá tính khách quan của các phương pháp nghiên cứu, tính hiệu quả của quá trình tổ chức nghiên cứu so với yêu cầu, mục đích nghiên cứu đã xác định. Đánh giá đúng kết quả hoạt động của cá nhân, tập thể các nhà khoa học để nắm vững hiệu quả hoạt động của họ. Với Ban Giám hiệu nhà trường THPT, thông qua đánh giá để tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học; đồng thời là biện pháp để nghiệm thu sản phẩm và tìm tòi các phương hướng cho sự phát triển mới của khoa học, qua đây phát hiện các cá nhân, tập thể có năng lực nghiên cứu khoa học để giao các đề tài mới phù hợp.

Giai đoạn nghiệm thu, đánh giá đề tài nghiên cứu KHSPUD thường bao gồm các bước như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng nghiệm thu, đánh giá. Cấp quản lý đề tài ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đánh giá. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, phản biện và các ủy viên. Số lượng và tiêu chí các thành viên theo quy định.

Bước 2: Từng thành viên Hội đồng đọc và nhận xét mạnh, yếu của đề tài. Ban nghiên cứu đề tài có trách nhiệm đóng cuốn đề tài và chuyển về cơ quan quản lý đề tài để chuyển đến các thành viên trong Hội đồng. Trong đó các phản biện cần phải đọc kỹ, có nhận xét bằng văn bản, có kết luận đồng ý hay không đồng ý cho bảo vệ và gửi về thư ký Hội đồng.

Bước 3: Tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu, đánh giá đề tài. Chủ tịch Hội đồng điều khiển hoạt động của Hội đồng. Chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả nghiên cứu, các ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét ưu điểm, hạn chế của đề tài, đặt ra câu hỏi cho Ban nghiên cứu đề tài trả lời.

Bước 4: Hội đồng họp riêng, đánh giá kết quả nghiên cứu. Đánh giá bằng phiếu chấm điểm, có biên bản riêng. Đồng thời thông qua Nghị quyết, kết luận của Hội đồng.

Bước 5: Hội đồng công bố biên bản đánh giá và nghị quyết, kết luận của Hội đồng, yêu cầu chỉnh sửa hoàn thiện đề tài. Chủ nhiệm đề tài phát biểu ý kiến tiếp nhận kết luận của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ. Thư ký Hội đồng hoàn thiện hồ sơ buổi bảo vệ gửi về cơ quan quản lý.

Quá trình nghiên cứu một đề tài khoa học được thực hiện qua nhiều giai đoạn với các công việc được sắp xếp khoa học, hợp lý. Tuy nhiên việc phân chia các giai đoạn, các bước chỉ mang tính tương đối, trong thực tế quá trình nghiên cứu, các giai đoạn, các bước đó gắn bó rất chặt chẽ với nhau. Do đó, các nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu cần phải giải quyết các công việc một cách linh hoạt, sáng tạo, thiết thực để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình nghiên cứu.

** Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp*

Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức cho giáo viên tìm hiểu về nội dung, chương trình giáo dục mới ở trường THPT. Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 được xây dựng theo quan điểm phát triển năng lực của học sinh. Ban Giám hiệu nhà trường cần phải tổ chức quán triệt cho giáo viên những vấn đề cơ bản về Chương trình giáo dục phổ thông mới. Bao gồm các vấn đề về quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới; Mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới; Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực theo chương trình giáo dục phổ thông mới; Kế hoạch giáo dục; Định hướng về nội dung giáo dục; Định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục; Điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; Phát triển chương trình giáo dục phổ thông. Đặc biệt làm cho giáo viên hiểu rõ sự khác biệt căn bản giữa chương trình giáo dục phổ thông mới so với chương trình giáo dục hiện hành. Trên cơ sở đó, làm cho mỗi giáo viên ý thức được tầm quan trọng của việc đổi mới giáo dục và những yêu cầu đặt ra cần phải nghiên

cứu ứng dụng trong quá trình triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Năm được chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ là cơ sở định hướng cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Chương trình giáo dục phổ thông mới được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12). Chương trình giáo dục ở các trường THPT thuộc giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Nội dung giáo dục ở các trường THPT bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

Các môn học lựa chọn gồm 3 nhóm môn: Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học. Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật). Học sinh chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học.

Các chuyên đề học tập: Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường. Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

Như vậy, hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp và các môn học tự chọn. Thời gian thực học trong một năm học tương đương 35 tuần. Các cơ sở giáo dục có thể tổ chức dạy học 1 buổi/ngày hoặc 2 buổi/ngày. Cơ sở giáo dục tổ chức dạy học 1 buổi/ngày và 2 buổi/ngày đều phải thực hiện nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất đối với tất cả cơ sở giáo dục trong cả nước. Để thực hiện được chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi các nhà trường THPT phải tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng vào thực tiễn của nhà trường mình. Chỉ có nghiên cứu ứng dụng mới có thể vừa thực hiện được nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất đối với tất cả cơ sở giáo dục trong cả nước vừa thực hiện được các nội dung giáo dục riêng của nhà trường và địa phương.

Hội đồng khoa học nhà trường xác định nội dung, chương trình nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên theo tiếp cận năng lực. Xác định nội dung, chương trình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là nhiệm vụ của Hội đồng khoa học nhà trường. Để xác định nội dung, chương trình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT cần phải dựa trên các cơ sở khoa học. Trước hết, cần phải căn cứ vào chương trình giáo dục phổ thông mới. Đây là cơ sở quan trọng nhất định hướng cho việc xác định hệ thống các đề tài khoa học. Đồng thời phải căn cứ đặc điểm phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của tỉnh Lào cai nói chung và địa bàn đứng chân của nhà trường THPT nói riêng. Đây là cơ sở thực tiễn để xác định hệ thống các đề tài nghiên cứu KHSPƯD có tính thiết thực. Căn cứ đặc điểm của nhà trường và trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên để xác định hệ thống đề tài nghiên cứu KHSPƯD, đảm bảo các đề tài vừa sức với nhà trường và vừa sức với đội ngũ giáo viên. Không nên lựa chọn những đề tài quá lớn, quá khó hoặc những đề tài quá đơn giản.

Nội dung, chương trình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT phải được cấu trúc thành hệ thống đề tài các cấp. Bao gồm hệ thống đề tài nghiên cứu cấp trường; hệ thống đề tài nghiên cứu cấp Sở giáo dục và Đào tạo; hệ thống đề tài nghiên cứu cấp Sở Khoa học và Công nghệ; hệ thống đề tài cấp Bộ. Trong từng cấp lại phân ra các loại hình nghiên cứu, như sáng kiến kinh nghiệm, đề tài khoa học; bài báo; hội thảo khoa học; bài báo chuyên ngành... Tỷ lệ đề tài các cấp và tỷ lệ các loại hình nghiên cứu cần phải được xác định sao cho phù hợp. Nghĩa là, các đề tài phải đảm bảo cả chiều rộng và chiều sâu, tạo cơ hội cho nhiều giáo viên được tham gia, đồng thời phải có các đề tài chuyên sâu, trọng tâm, trọng điểm của nhà trường.

Tổ chuyên môn và giáo viên tiến hành hoạt động nghiên cứu KHSPƯD phù hợp năng lực của giáo viên, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mới. Xét đến cùng, mọi đổi mới giáo dục ở nhà trường THPT phải do các tổ chuyên môn và đội ngũ giáo viên trong các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện. Chỉ có tổ chuyên môn với đội ngũ giáo viên trong tổ mới có thể gắn các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD với quá trình triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới ở trường THPT. Từng tổ chuyên môn căn cứ vào những vấn đề phát triển mới của môn học, những yêu cầu mới đặt ra trong thực hiện môn học theo chương trình mới, dự kiến các tình huống nảy sinh và đề xuất phương án giải quyết. Tổ chuyên môn cần phải nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của khoa học sư phạm vào dạy học, giáo dục bộ môn, dự kiến các phương pháp sư phạm, các hình thức tổ chức giáo dục cho từng khối lớp của nhà trường.

Tổ chuyên môn cần phải xác định hệ thống đề tài về chuyên ngành môn học do tổ mình đảm nhiệm. Trong đó có các đề tài nghiên cứu về nội dung môn học của từng khối lớp. Có các đề tài nghiên cứu về phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy của từng môn học theo từng khối lớp. Tức là có các đề tài nghiên cứu ứng dụng về chuyên môn theo môn học. Có các đề tài nghiên cứu ứng dụng về nghiệp vụ sư phạm chuyên ngành của từng môn học và từng khối lớp.

** Điều kiện tổ chức thực hiện biện pháp*

Để tổ chức quản lý việc xác định đề tài và thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho GV. Ban giám hiệu nhà trường cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Giáo viên phải nắm vững quan điểm và yêu cầu về phát triển năng lực của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Trên cơ sở các yêu cầu về phát triển năng lực của học sinh để phát hiện, điều chỉnh và phát triển năng lực cá nhân của giáo viên theo yêu cầu mới.

Hội đồng khoa học của nhà trường phải dự kiến được hệ thống đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên phù hợp với thực tiễn. Hệ thống đề tài phải đa dạng, phong phú, bám sát các môn học của các khối lớp, phù hợp với khả năng của từng nhóm đối tượng giáo viên.

Nhà trường phải có đội ngũ nguồn nhân lực phụ trách quản lý đề tài nghiên cứu và thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho GV theo từng lĩnh vực. Đảm bảo cơ sở vật chất, tài chính, thời gian, các cơ chế chính sách khen thưởng phù hợp.

3.2.4. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên ở trường THPT

** Mục tiêu của biện pháp*

Giáo viên là chủ thể tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT. Kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên cao hay thấp chủ yếu phụ thuộc vào trình độ, năng lực của đội ngũ giáo viên. Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ phát huy tác dụng trong thực tiễn đến đâu đều phụ thuộc vào vai trò chủ thể của giáo viên. Giáo viên có nhiệm vụ triển khai kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ thành hiện thực, khai thác, sử dụng các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ. Biện pháp này nhằm xác định nội dung, quy trình các bước và các hình thức tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên về hoạt động

ngiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT. Thông qua bồi dưỡng, giúp giáo viên có nhận thức đúng đắn về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD, biết tổ chức các loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT. Đồng thời thông qua tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở các trường THPT mà bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

** Nội dung của biện pháp*

Một là, xác định mục đích bồi dưỡng năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên. Hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT là một trong những con đường, biện pháp quan trọng để nâng cao trình độ, năng lực của giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, dạy học trong nhà trường. Mục tiêu trực tiếp của bồi dưỡng là nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên. Thông qua bồi dưỡng giúp các giáo viên THPT có kiến thức, có kỹ năng biết tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Đồng thời thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯD mà bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Mục tiêu cuối cùng của bồi dưỡng là nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên ở các trường THPT, giúp giáo viên biết ứng dụng các thành tựu nghiên cứu khoa học vào quá trình sư phạm trong nhà trường. Như vậy, mục tiêu bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD luôn thống nhất với mục tiêu bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm của giáo viên. Sự thống nhất về mục tiêu bồi dưỡng năng lực quy định nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Hai là, xác định nội dung bồi dưỡng năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào các vấn đề nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên ở các trường THPT về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và KHSPƯD nói riêng; phân biệt rõ KHSPƯD với khoa học cơ bản và các loại hình khoa học khác. Bồi dưỡng về phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài KHSPƯD; về cấu trúc của

đề tài KHSPUĐ; về cách thức thu thập, xử lý thông tin, xây dựng cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu; về cách thức thu thập thông tin thực tiễn, xử lý số liệu thực tiễn. Bồi dưỡng nội dung về cách thức trình bày một đề tài nghiên cứu KHSPUĐ; những yêu cầu cần đạt được của một đề tài nghiên cứu về KHSPUĐ ở trường THPT.

Đối với giáo viên ở các trường THPT, cần phải chú ý bồi dưỡng một mảng nội dung quan trọng là chương trình, nội dung giáo dục phổ thông mới, trong đó có nội dung nghiên cứu KHSPUĐ: Xác định tên đề tài; quy trình nghiên cứu; triển khai thực hiện; ứng dụng vào dạy học và giảng dạy trong trường THPT.

Ba là, xác định phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ cho giáo viên.

Sử dụng nhiều phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng phù hợp với đối tượng giáo viên được bồi dưỡng. Căn cứ vào nội dung, chương trình bồi dưỡng và căn cứ đặc điểm của đối tượng giáo viên được bồi dưỡng để xác định phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng cho phù hợp. Đối với giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai, cần chia cụm trường (Trường đạt chuẩn quốc gia; trường chuyên biệt; trường vùng cao...) để lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng. Có thể kết hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng. Bao gồm: Bồi dưỡng tập trung do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Bồi dưỡng theo các cụm trường trên địa bàn tỉnh. Bồi dưỡng tại chỗ của các trường THPT. Kết hợp bồi dưỡng trực tiếp với bồi dưỡng trực tuyến thông qua mạng nội bộ, bồi dưỡng theo đợt với bồi dưỡng thường xuyên. Yêu cầu chung của phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng là đa dạng hóa các hình thức tổ chức bồi dưỡng, đảm bảo cho mọi giáo viên có thể tham gia bồi dưỡng. Mặt khác, phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng phải bám sát nội dung, chương trình bồi dưỡng, hướng vào thực hiện mục tiêu nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ giáo viên THPT, giúp họ biết cách tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSPUĐ ở trường THPT.

** Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp*

Một là, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở khoa học và Công nghệ của tỉnh Lào Cai biên soạn nội dung, chương trình bồi dưỡng. Nội dung, chương trình bồi dưỡng là nguồn tài liệu đảm bảo cho hoạt động bồi dưỡng. Nội dung, chương trình bồi dưỡng của địa phương phải do các cơ quan chức năng của địa phương chủ trì biên soạn. Nội dung bồi dưỡng bao gồm các vấn đề chung về NCKH; các vấn đề về nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT; các vấn đề về nghiên cứu KHSPƯĐ của từng ngành chuyên môn. Trong đó, bao gồm các vấn đề về nội dung và phương pháp tổ chức nghiên cứu một đề tài KHSPƯĐ ở nhà trường THPT. Đồng thời gợi ý các hướng chủ yếu trong nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ ở các trường THPT trong bối cảnh hiện nay.

Yêu cầu đối với nội dung, chương trình bồi dưỡng phải đảm bảo tính khoa học phổ cập và tính thực tiễn thiết thực đối với giáo viên ở các trường THPT. Nội dung, chương trình bồi dưỡng phải bám sát Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 và phải được xây dựng theo quan điểm tiếp cận năng lực, hướng vào phát triển năng lực chung và năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

Hai là, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng tập trung cho giáo viên THPT trên địa bàn tỉnh. Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên hàng năm theo định kỳ. Trong đó có các kế hoạch về bồi dưỡng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT. Kế hoạch bồi dưỡng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên ở các trường THPT phải xác định rõ mục đích, nội dung bồi dưỡng, đối tượng bồi dưỡng, phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng, thời gian, địa điểm và các điều kiện đảm bảo cho từng lớp bồi dưỡng cụ thể.

Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp tổ chức các hoạt động bồi dưỡng giáo viên và chỉ đạo các nhà trường THPT tổ chức hoạt động bồi dưỡng giáo viên trong nhà trường hoặc theo cụm trường trên địa bàn tỉnh. Căn cứ điều kiện cụ

thể, có thể tổ chức bồi dưỡng cơ động đến các địa bàn, theo cụm trường để tạo điều kiện cho giáo viên vừa tham gia giảng dạy, vừa tham gia các hoạt động bồi dưỡng.

Nội dung bồi dưỡng bao gồm cả bồi dưỡng về nội dung và phương pháp nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông mới. Cần bồi dưỡng những vấn đề cụ thể về nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT; từ kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu đến xây dựng cấu trúc của đề tài và yêu cầu cần đạt của một đề tài khoa học; sự khác nhau giữa đề tài khoa học với sáng kiến kinh nghiệm.

Phương pháp bồi dưỡng, kết hợp bồi dưỡng kiến thức lí thuyết với tổ chức cho giáo viên làm các bài tập thực hành lựa chọn đề tài và xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPUD. Có thể lựa chọn một số chủ đề liên quan đến đổi mới chương trình, sách giáo khoa để định hướng nội dung, phương pháp hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên.

Ba là, Ban Giám hiệu nhà trường chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên trong nhà trường THPT. Trên cơ sở kế hoạch bồi dưỡng giáo viên của Sở Giáo dục và Đào tạo, từng nhà trường THPT xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện bồi dưỡng giáo viên trong nhà trường mình. Để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trong nhà trường, Ban Giám hiệu nhà trường cần phải xác định nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên; phân loại năng lực giáo viên theo nhu cầu bồi dưỡng để phân công, cất cử giáo viên luân phiên nhau đi tham gia các lớp bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng cho phù hợp. Kế hoạch tổ chức hoạt động bồi dưỡng trong nhà trường, cần phải xác định lực lượng, nội dung, phương thức hoạt động bồi dưỡng, đảm bảo cho giáo viên vừa tham gia lớp bồi dưỡng, vừa hoạt động chuyên môn theo kế hoạch. Đảm bảo cho giáo viên vừa được bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu KHSPUD, vừa được bồi dưỡng về chương trình giáo dục phổ thông mới; lấy chương trình giáo dục phổ thông mới như một cơ sở để triển khai thực hiện các đề tài KHSPUD ở nhà trường THPT.

Bồi dưỡng tại trường là hình thức bồi dưỡng quan trọng nhất. Ban Giám hiệu nhà trường cần phải phân loại năng lực của giáo viên trong nhà trường để giao các đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ cho phù hợp. Nhà trường có thể kết hợp bồi dưỡng chung cho đội ngũ giáo viên toàn trường với tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên theo chương trình hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của từng ngành chuyên môn theo môn học. Kết hợp bồi dưỡng tập trung với bồi dưỡng qua thực tiễn của các tổ chuyên môn và tự bồi dưỡng. Mục tiêu của tổ chức nghiên cứu đề tài KHSPƯĐ trong nhà trường không chỉ tập trung vào nghiệm thu đánh giá về giá trị khoa học sản phẩm nghiên cứu mà phải đánh giá được sự phát triển năng lực của giáo viên.

Bốn là, giáo viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng theo kế hoạch. Đội ngũ giáo viên ở các trường THPT theo sự phân công của nhà trường, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng. Đồng thời phải tự chủ xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng của bản thân. Lấy hoạt động tự bồi dưỡng làm chính. Tự bồi dưỡng phải có tổ chức. Ban Giám hiệu nhà trường cần phải xây dựng nội dung, chương trình để các giáo viên có thể tự bồi dưỡng. Nội dung, chương trình tự bồi dưỡng được phổ biến công khai đến các giáo viên trong nhà trường THPT. Các nhà trường cần phải có chính sách động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên của nhà trường tự bồi dưỡng. Từng giáo viên có thể căn cứ tài liệu quy định để tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng.

** Điều kiện tổ chức thực hiện biện pháp*

Có nội dung, chương trình bồi dưỡng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên thống nhất trong toàn tỉnh. Nội dung, chương trình bồi dưỡng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên thống nhất với chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Nội dung, chương trình bồi dưỡng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực của giáo viên.

Có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng phù hợp với thực tiễn, đảm bảo mọi giáo viên có thể tham gia bồi dưỡng. Mọi hoạt động bồi dưỡng và tự bồi

đưỡng của giáo viên phải được tổ chức theo kế hoạch. Kế hoạch bồi dưỡng phải có sự nhất quán giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các nhà trường, đảm bảo cho giáo viên có thể tham gia các hoạt động bồi dưỡng nhưng vẫn hoàn thành được nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Có các điều kiện đảm bảo cho hoạt động bồi dưỡng. Nhà trường phải bố trí thời gian, kinh phí và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của giáo viên.

3.2.5. Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THPT

**** Mục tiêu của biện pháp***

Nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu KHSPƯĐ nói riêng là một loại hình hoạt động có tính chất đặc thù, có những yêu cầu cụ thể trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ chỉ có thể thực hiện được khi có các điều kiện đảm bảo thích hợp. Trong đó, nguồn thông tin, tư liệu nhằm đảm bảo điều kiện về tính khoa học cho các sản phẩm nghiên cứu; nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính nhằm đảm bảo về điều kiện thực tiễn cho hoạt động nghiên cứu; chế độ, chính sách, và quy chế, quy định nhằm đảm bảo điều kiện về tinh thần, pháp lí học hoạt động nghiên cứu của giáo viên. Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT sẽ góp phần thiết thực tạo điều kiện nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của nhà trường. Mục tiêu của biện pháp nhằm xác định nội dung và cách thức tổ chức mua sắm, xây dựng, khai thác, sử dụng, phát triển các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT. Thông qua đó, xây dựng cơ chế quản lí về thông tin, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ phù hợp với đặc điểm của nhà trường THPT tỉnh Lào Cai.

** Nội dung của biện pháp*

Một là, phát triển nguồn lực về thông tin, tư liệu đáp ứng yêu cầu hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở trường THPT. Nghiên cứu khoa học trong thời đại thông tin, nguồn thông tin có vai trò đặc biệt quan trọng. Thông tin là nguồn nguyên liệu đầu vào của các đề tài khoa học. Nguồn thông tin đầu vào phong phú, có chất lượng là cơ sở để tạo ra sản phẩm nghiên cứu có chất lượng. Trong thời đại thông tin, nguồn thông tin rất đa dạng phong phú và thường xuyên biến đổi. Có thông tin chính thống, có thông tin phản diện hoặc các khuynh hướng quan điểm khác nhau. Có thông tin khoa học đã được chứng minh, có thông tin kinh nghiệm, hoặc đang trong quá trình nghiên cứu hình thành. Có thông tin lí thuyết, có thông tin thực tiễn... Có nhiều cách phân loại thông tin khác nhau.

Để đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở trường THPT, các nhà trường phải coi trọng phát triển nguồn lực thông tin, tư liệu. Một trong những khó khăn nhất trong nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay là giáo viên “đói tài liệu”. Tức là các nhà trường không có đủ nguồn tài liệu cập nhật thông tin khoa học đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu của giáo viên. Một trong những yêu cầu thiếu nhất là người nghiên cứu phải biết được đề tài khoa học mà mình sẽ nghiên cứu đã có ai nghiên cứu chưa, hoặc là đã nghiên cứu ở góc độ nào, đến đâu. Đồng thời, người nghiên cứu phải nắm được vấn đề nghiên cứu đang có những khuynh hướng quan điểm khác nhau như thế nào. Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng thư viện truyền thống, các nhà trường THPT cần phải xây dựng thư viện điện tử để cung cấp nguồn thông tin cập nhật cho giáo viên. Đồng thời thường xuyên cập nhật, bổ sung các sách, báo, tạp chí và các đề tài, sáng kiến kinh nghiệm cho thư viện.

Người nghiên cứu đề tài khoa học cần phải biết phương pháp khai thác các nguồn thông tin, xử lí thông tin, chế biến thông tin. Trước hết, người nghiên cứu phải biết thu thập thông tin. Trong tổng số nguồn thông tin đồ sộ như hiện nay, cần phải biết tìm kiếm thông tin và khai thác sử dụng đúng

nguồn thông tin phục vụ cho nghiên cứu. Xử lý thông tin là cách thức phân loại thông tin, khái quát hóa, hệ thống hóa các nguồn thông tin, phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin. Từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá, kết luận khoa học mang tính hệ thống.

Hai là, phát triển cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học và NCKH ở trường THPT thường bao gồm rất nhiều hạng mục từ phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin,... Để phát huy tác dụng những cơ sở vật chất đó, Ban Giám hiệu nhà trường phải nắm vững thực lực, chất lượng và hiệu quả sử dụng chúng trong giáo dục và nghiên cứu khoa học. Đồng thời phải dự báo được sự phát triển của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong bối cảnh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới để hoạch định kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động giáo dục và nghiên cứu KHSPUD của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đó, các chủ thể quản lý của nhà trường theo quyền hạn, trách nhiệm của mình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch một cách thiết thực và tiết kiệm.

Một trong những cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT hiện nay là xây dựng lại hệ thống thư viện. Thư viện của nhà trường THPT cần sử dụng phần mềm thư viện và hệ thống mạng cho phép giáo viên truy cập, khai thác thông tin nhanh. Nhà trường cần quy hoạch hệ thống máy tính phục vụ hoạt động giáo dục và NCKH hợp lý, có khả năng truy cập thuận lợi vào mạng thông tin thư viện và internet, có quy định về bảo mật khi trao đổi tài liệu, ý kiến trực tuyến trên mạng giữa giáo viên và các tổ chức có liên quan trong nghiên cứu. Cùng với việc đổi mới cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, Ban Giám hiệu các nhà trường cần tổ chức tốt việc chuyển giao công nghệ và tập huấn cho giáo viên các kỹ năng khai thác, sử dụng, bảo quản những trang bị và công nghệ mới. Những việc làm đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên trong nhà trường

Ba là, chỉ đạo huy động nguồn tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT. Nguồn tài chính là một điều kiện không thể thiếu đảm bảo cho triển khai hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên trong nhà trường THPT. Các nhà trường THPT cần nghiên cứu biện pháp đa dạng hóa nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên. Ngoài nguồn kinh phí được cấp phát theo quy định, các nhà trường cần chủ động trong việc tự cân đối, tự huy động nguồn tài lực từ các hoạt động khác của nhà trường phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên. Để minh bạch hóa việc huy động và sử dụng các nguồn tài chính phục vụ cho nghiên cứu khoa học của giáo viên, Ban Giám hiệu các nhà trường THPT cần phải xây dựng kế hoạch tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đồng thời thực hiện nguyên tắc công khai, dân chủ và công bằng trong sử dụng.

** Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp*

Việc huy động các nguồn lực về thông tin, tài liệu, tư liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT đòi hỏi sự tham gia giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài nhà trường, sự đầu tư, hỗ trợ của các cơ quan chức năng cấp trên. Vì vậy, trong tổ chức, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT, chủ thể quản lý các cấp phải chủ động tính đến tất cả các nguồn lực có thể huy động cho hoạt động này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng khung pháp lý quy định chuẩn về các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT nói chung. Trong đó có chuẩn về thư viện, về chế độ thông tin khoa học, chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT, chuẩn về tài chính. Trên cơ sở quy định chung đó, các địa phương triển khai thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT trên địa phương mình.

Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các phương án huy động nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT phù hợp với đặc điểm của tỉnh và của từng nhà trường THPT trên địa bàn. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan chức năng trong tỉnh, chỉ đạo huy động các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT theo hướng phối hợp các bên cùng có lợi. Cần có quy chế xã hội hóa, huy động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia xây dựng các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường nói chung, hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ nói riêng.

Ban Giám hiệu nhà trường chủ trì xây dựng, ban hành quy chế, chính sách tạo hành lang pháp lý trong khai thác, xây dựng, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT. Trong quy hoạch phát triển cơ sở vật chất của nhà trường phải tính đến cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Tùy theo đặc điểm của từng nhà trường mà Ban Giám hiệu nhà trường có thể xây dựng các phương án liên kết, phối hợp, hoặc xã hội hóa trong xây dựng, mua sắm và khai thác sử dụng các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT. Các nhà trường cần phải xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế khai thác các nguồn lực do chính bản thân đội ngũ giáo viên trong nhà trường cung cấp. Đó là các nguồn lực tự có của giáo viên và nguồn lực do mối quan hệ cá nhân của giáo viên mà có được. Đặc biệt, cần phải chỉ đạo cho giáo viên khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn thông tin, tư liệu trên mạng.

** Điều kiện tổ chức thực hiện biện pháp*

Có chính sách cụ thể về tài chính và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT. Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT phải được đưa vào phần cứng trong những khoản đầu tư cho giáo dục.

Có sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan chức năng và các cấp chính quyền địa phương về khai thác các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT. Trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đòi hỏi các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương phải có trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm lương tâm trong xây dựng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường,

Có cơ chế tự chủ về các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở nhà trường THPT. Cơ chế tự chủ cho phép các nhà trường chủ động tìm kiếm các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Đồng thời, cho phép các nhà trường có thể liên kết, phối hợp hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của nhà trường THPT với các cơ quan, đơn vị có nhu cầu để hỗ trợ lẫn nhau về các điều kiện đảm bảo.

3.2.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực

**** Mục tiêu của biện pháp***

Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT là một chức năng cơ bản của quản lý giáo dục nhà trường. Mục tiêu của biện pháp này nhằm đề xuất nội dung, phương pháp tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng và kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Kịp thời phát hiện những ưu điểm, hạn chế trong quá trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Trên cơ sở những thông tin nắm được, Sở GD&ĐT, Hiệu trưởng trường THPT phân tích tìm ra nguyên nhân và đề xuất các biện pháp quản lý điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT. Đồng thời, thông qua kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ nhằm phát hiện năng lực cá nhân của từng giáo viên để có biện pháp bồi dưỡng, phát triển và sử dụng hợp lý. Đối với giáo viên, thông qua kiểm tra, đánh giá để thấy được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và tự mình điều chỉnh hoạt động của chính mình.

** Nội dung của biện pháp*

Một là, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở nhà trường THPT. Kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên là kiểm tra, đánh giá toàn diện các khâu, các bước tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Mục đích kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên nhằm phát hiện những ưu điểm, hạn chế trong quá trình nghiên cứu, trên cơ sở đó có các quyết định điều chỉnh kịp thời những khâu, những bước còn hạn chế, đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu đạt được chất lượng tốt nhất.

Nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên bao gồm: việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của nhà trường, việc tổ chức lực lượng nghiên cứu, phương thức tổ chức hoạt động nghiên cứu, các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu và chất lượng sản phẩm nghiên cứu KHSPƯD do nhà trường chủ trì. Nếu là kiểm tra, đánh giá nội bộ nhà trường thì chủ thể kiểm tra, đánh giá là Ban Giám hiệu nhà trường. Đối tượng được kiểm tra, đánh giá là hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên.

Hai là, kiểm tra, đánh giá sản phẩm hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Kiểm tra, đánh giá kết quả sản phẩm hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên là nghiệm thu, đánh giá chất lượng của các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Các cấp quản lý đề tài thành lập Hội đồng nghiệm thu, đánh giá chất lượng và kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên. Thành viên Hội đồng là những chuyên gia về KHSPƯD. Tổ chức của Hội đồng gồm có chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên. Số lượng các thành viên và hoạt động của Hội đồng được thực hiện theo quy định. Hội đồng đánh giá chất lượng của sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu. Tuy nhiên, để đánh giá chất lượng của sản phẩm, Hội đồng cần phải đánh giá quá trình tổ chức thực hiện nghiên cứu đề tài, về phương pháp nghiên cứu, về tiến độ nghiên cứu về tinh thần, thái độ nghiêm

túc trong quá trình nghiên cứu. Về chất lượng của sản phẩm nghiên cứu cần phải đánh giá đúng giá trị thực tiễn của đề tài, sự tác động của sản phẩm nghiên cứu đó đến quá trình giáo dục trong nhà trường.

Ba là, kiểm tra, đánh giá kết quả phát triển năng lực của giáo viên thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Kiểm tra, đánh giá kết quả phát triển năng lực của giáo viên thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là phương thức kiểm tra, đánh giá nội bộ nhà trường. Mục đích kiểm tra, đánh giá nhằm nắm thông tin về mức độ phát triển phẩm chất, năng lực của giáo viên, thông qua đó kích thích giáo viên tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD, đồng thời phát hiện năng lực cá nhân của giáo viên trong các loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯD để có định hướng sử dụng, quy hoạch bồi dưỡng phát triển phù hợp. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả phát triển năng lực của giáo viên là kiểm tra, đánh giá mức độ phát triển phẩm chất, năng lực của giáo viên thông qua các hoạt động nghiên cứu KHSPƯD. Trong đó, các phẩm chất và năng lực của giáo viên được cụ thể hóa thành các tiêu chí phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường.

** Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp*

Một là, Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá. Để bảo đảm tính nghiêm túc, chủ động và hiệu quả của kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên, chủ thể quản lý phải có kế hoạch. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá phải xác định cụ thể mục đích, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; xác định chủ thể, đối tượng, thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được phổ biến và hướng dẫn cho các lực lượng có liên quan để tổ chức thực hiện. Hiệu trưởng là chủ thể tổ chức xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trong nội bộ nhà trường mình. Đồng thời, Hiệu trưởng phải phổ biến kế hoạch kiểm tra, đánh giá của các cơ quan cấp trên.

Tổ chức sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau như: kiểm tra trực tiếp, gián tiếp, kiểm tra định kỳ, kiểm tra bất thường, kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên đề... Nội dung kiểm tra cần tập trung vào việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu khoa học; tiến trình thực hiện các kế hoạch nghiên cứu, các sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng trong hoạt động khoa học của giáo viên. Qua kiểm tra các chủ thể quản lý phát hiện kịp thời những nhân tố tích cực trong thực hiện kế hoạch, đồng thời chỉ ra những hạn chế về thực hiện quy trình, tiến trình và đảm bảo chất lượng công trình khoa học để kịp thời chấn chỉnh.

Hai là, Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Mỗi loại hình kiểm tra đánh giá khác nhau có chủ thể và đối tượng kiểm tra, đánh giá khác nhau. Nếu là kiểm tra, đánh giá ngoài thì chủ thể kiểm tra đánh giá là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và khoa học. Chủ thể quản lý có thể là Sở Giáo dục và Đào tạo, hoặc một tổ chức chuyên trách của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai thực hiện kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của Sở. Trong trường hợp đề tài nghiên cứu do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, thì chủ thể kiểm tra cần có sự phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Sở Khoa học và Công nghệ để thành lập ra Hội đồng kiểm tra liên ngành. Đối tượng được kiểm tra, đánh giá là hoạt động của Ban Giám hiệu và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ trong nhà trường. Trong đó, bao gồm cả hoạt động quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, hoạt động tổ chức thực hiện của đội ngũ giáo viên và hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên.

Hiệu trưởng nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo quy chế kiểm tra nội bộ nhà trường. Hiệu trưởng quyết định thành lập Ban kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên gồm các thành viên được lựa chọn trong nhà trường. Phương thức kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy chế.

Nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên là kiểm tra, đánh giá tất cả các khâu, các bước tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT. Bao gồm, kiểm tra, đánh giá chất lượng xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của nhà trường; kiểm tra, đánh giá chất lượng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Trong đó, bao gồm cả chất lượng phối hợp các lực lượng trong tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Hoặc là kiểm tra, đánh giá các giai đoạn hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Bao gồm kiểm tra, đánh giá đầu vào, quá trình, đầu ra và điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Cụ thể là, kiểm tra đánh giá chất lượng các hoạt động chuẩn bị của nhà trường và giáo viên cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ; kiểm tra, đánh giá tiến độ và các hoạt động cụ thể các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ; kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên.

Ba là, Hội đồng khoa học nhà trường tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo Hội đồng khoa học của nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá. Để bảo đảm tính khách quan, chính xác, công bằng trong đánh giá, thẩm định và nghiệm thu các công trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên cần phải xây dựng bộ tiêu chí đánh giá. Tính khách quan, chính xác, công bằng trong đánh giá, thẩm định, nghiệm thu các công trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên phản ánh độ tin cậy của hoạt động này. Đảm bảo độ tin cậy cao trong đánh giá sẽ góp phần bảo vệ uy tín của nhà trường, danh dự của đội ngũ nhà giáo và khuyến khích, động viên giáo viên cố gắng vươn lên trong nghiên cứu KHSPƯĐ. Do đó, Ban Giám hiệu nhà trường phải chỉ đạo Hội đồng khoa học trường thống nhất chuẩn đánh giá kết quả nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên, xây dựng thang điểm đánh giá về kiến thức, kỹ năng theo từng hình

thức nghiên cứu khoa học. Đây là khâu hết sức quan trọng giúp giáo viên và cán bộ khoa học “cầm cân, nảy mực” chính xác trong đánh giá các sản phẩm khoa học của giáo viên.

Hội đồng khoa học của nhà trường tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả sản phẩm hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên theo quy trình các bước quy định. Thông thường, các đề tài nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT được nghiệm thu bằng phương pháp hội đồng khoa học đọc nhận xét và chấm điểm, xếp loại theo tiêu chí. Chủ tịch Hội đồng khoa học nhà trường chủ trì điều khiển các thành viên trong hội đồng đọc, nhận xét và đánh giá cho điểm từng sản phẩm. Các sản phẩm xuất sắc có thể được lựa chọn để triển khai ứng dụng vào thực tiễn và phổ biến rộng rãi trong các nhà trường THPT trên địa bàn.

Bốn là, Tổ chuyên môn tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và đánh giá mức độ phát triển năng lực của giáo viên. Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho giáo viên triển khai ứng dụng, hoặc thử nghiệm kết quả nghiên cứu KHSPƯD đã được các hội đồng nghiệm thu đánh giá cao. Đề tài được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao có thể nêu ra những phát hiện, đề xuất, kiến nghị có giá trị trong giảng dạy và giáo dục của trường THPT. Để phát huy hiệu quả nghiên cứu khoa học của giáo viên, Ban Giám hiệu nhà trường cần tuyển chọn những đề tài đó báo cáo sở GD&ĐT để nhân rộng trong các trường THPT tỉnh Lào Cai. Đồng thời tổ chức ứng dụng, thử nghiệm các ý tưởng đề xuất đó vào các đề án có liên quan của nhà trường.

Chủ thể kiểm tra, đánh giá kết quả phát triển năng lực của giáo viên thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯD là Ban Giám hiệu nhà trường, Hội đồng khoa học nhà trường và tổ chuyên môn. Trong đó, tổ chuyên môn là chủ thể trực tiếp đánh giá mức độ phát triển năng lực của giáo viên trong tổ thông qua việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giảng dạy môn học.

Phương thức kiểm tra, đánh giá là phối hợp giữa đánh giá của Ban Giám hiệu với đánh giá của Hội đồng khoa học nhà trường và đánh giá của tổ chuyên môn. Đối với một số đề tài có thể đánh giá bằng phương thức ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động giảng dạy trong nhà trường.

Mức độ đánh giá được thực hiện dựa theo tiêu chí đánh giá đã xác định. Bao gồm các tiêu chí phát triển về nhận thức; các tiêu chí phát triển về kỹ năng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ; các tiêu chí phát triển về kỹ năng vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động sư phạm... Kết quả đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên được kết hợp với kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trong nhà trường để đánh giá chung về mức độ phát triển năng lực sư phạm của giáo viên ở các trường THPT.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

Có kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực. Kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, khả thi, phải xác định được nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, các loại hình kiểm tra, đánh giá. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được phổ biến đến các lực lượng có liên quan.

Có tiêu chí đánh giá đảm bảo tính khách quan. Để đánh giá chất lượng và kết quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực các nhà trường cần phải xác định được bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá phù hợp. Kết hợp đánh giá định tính với đánh giá định lượng và đánh giá trong thực tiễn.

Có hội đồng đánh giá đủ năng lực đánh giá đề tài. Nhà trường thành lập được Hội đồng khoa học của nhà trường gồm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn và các giáo viên có học vị khoa học trong nhà trường. Lực lượng đánh giá phải được bồi dưỡng về những quy chế, quy định và có hiểu biết về phương pháp kiểm tra, đánh giá đề tài KHSPƯĐ.

Ban Giám hiệu nhà trường duy trì nghiêm chế độ nề nếp kiểm tra tiến trình và chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên trong nhà

trường. Đồng thời phải thực hiện tốt sự kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá của Ban Giám hiệu nhà trường THPT với kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chức năng của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ.

3.2.7. Mối quan hệ của các biện pháp

Các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực đã được đề xuất trong luận văn là một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ mật thiết với nhau và hỗ trợ cho nhau. Trong đó, mỗi biện pháp có vai trò, vị trí khác nhau, tác động vào một khâu, một thành tố cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT.

Biện pháp 1: Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đây là biện pháp then chốt, nhằm hướng vào xây dựng các văn bản pháp quy, thực hiện mục tiêu cải cách hành chính trong quản lý. Biện pháp này có tác dụng tạo lập các mối quan hệ quản lý dân chủ, bình đẳng, phát huy được các tiềm lực và tạo ra môi trường pháp lý cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT

Biện pháp 2: Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT theo tiếp cận năng lực. Đây là biện pháp nhằm định hướng cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT. Mọi hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT phải được thực hiện theo kế hoạch, có mục đích, có tổ chức, có chương trình, nội dung cụ thể, rõ ràng.

Biện pháp 3: Tổ chức xác định đề tài và thực hiện quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho giáo viên. Đây là biện pháp nhằm đảm bảo tính khoa học và sự thống nhất đồng bộ, sự tác động qua lại lẫn nhau giữa động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên với hoạt động sư phạm ở các trường THPT.

Biện pháp 4: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên ở trường THPT. Đây là biện pháp tác động vào chủ thể hoạt động nghiên cứu KHSPƯD ở nhà trường THPT nhằm nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho các chủ thể nghiên cứu.

Biện pháp 5: Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THPT. Đây là biện pháp tác động vào các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT.

Biện pháp 6: Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực. Đây là biện pháp nhằm phát hiện, điều chỉnh những hạn chế, bất cập trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT. Biện pháp này có vai trò tác động vào tất cả các biện pháp khác, thúc đẩy các biện pháp phát triển theo hướng tích cực.

Quá trình thực hiện các biện pháp quản lý cần thực hiện đồng bộ nhưng phải hết sức linh hoạt, sáng tạo, căn cứ điều kiện sư phạm cụ thể của từng nhà trường mà nhấn mạnh biện pháp nào cho phù hợp.

3.3. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.3.1. Khái quát phương pháp tổ chức khảo nghiệm

- Mục đích khảo nghiệm

Nhằm thu thập thông tin từ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên tại các trường THPT về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực, để từ đó hoàn thiện các biện pháp quản lý cho phù hợp với thực tiễn.

- Đối tượng khảo nghiệm

Đối tượng điều tra, khảo sát: Cán bộ Sở GD&ĐT, các cán bộ quản lý và giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai. Tổng số khách thể điều tra gồm 267 người. Bao gồm, cán bộ quản lý giáo dục 67 người (trong đó có 21 cán bộ của Sở GD&ĐT; 36 Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng); 200 giáo viên của các trường THPT tỉnh Lào Cai.

- Nội dung khảo nghiệm

Tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT heo tiếp cận năng lực

Tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT

- Phương pháp điều tra và xử lý số liệu

Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến theo hai tiêu chí: tính cấp thiết và tính khả thi của từng biện pháp theo 3 mức độ từ cao đến thấp và được lượng hoá bằng điểm số như sau: Rất cấp thiết (3 điểm); Cấp thiết (2 điểm); Không cấp thiết (1 điểm). Rất khả thi (3 điểm); Khả thi (2 điểm); Không khả thi (1 điểm). Sau khi nhận kết quả thu được, NCS tiến hành phân tích, xử lý số liệu trên bảng thống kê, tính điểm trung bình ($\bar{X}$) của các biện pháp đã được khảo sát, sau đó xếp theo thứ bậc để nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận

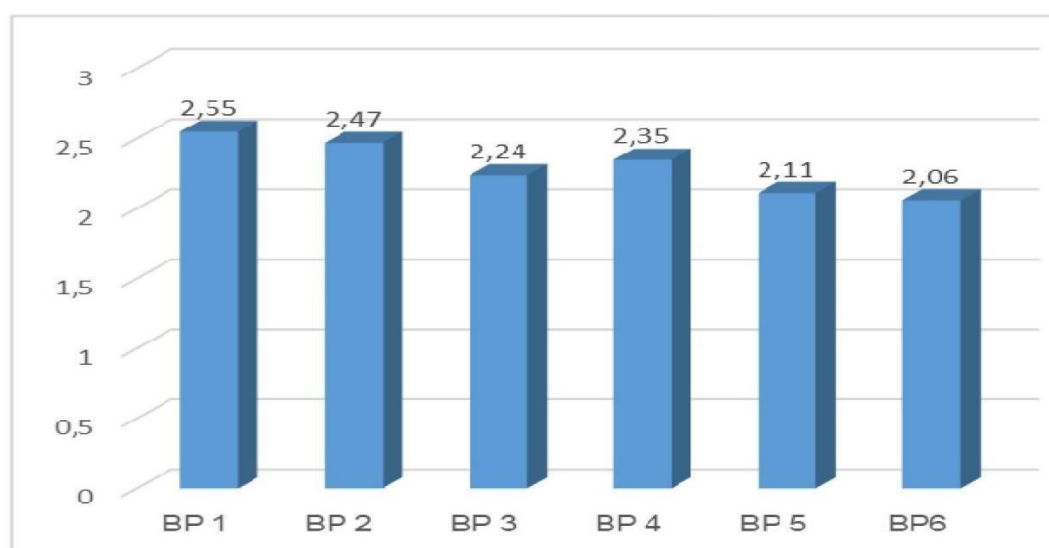
3.3.2. Kết quả khảo nghiệm về tính cấp thiết của các biện pháp

Bảng 3.1. Kết quả khảo sát tính cấp thiết của các biện pháp

TT	Biện pháp	Mức độ đánh giá						Điểm TB	Thứ bậc
		Rất cấp thiết		Cấp thiết		Không cấp thiết			
		SL	Điểm	SL	Điểm	SL	Điểm		
1	Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động NC KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	147	441	120	240	0	0	2,55	1
2	Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT theo tiếp cận năng lực	127	381	140	280	0	0	2,47	2
3	Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn	92	276	148	296	27	27	2,24	4
4	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên ở trường THPT	110	330	140	280	17	17	2,35	3

5	Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động NCKHSPUD ở trường THPT	78	234	140	280	49	49	2,11	5
6	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực	72	216	138	276	57	57	2,06	6
	Trung bình chung	626	1878	826	1652	150	150	2,25	

Từ số liệu thống kê trong bảng 3.1, ta có biểu đồ về tính cấp thiết của các biện pháp như sau:



Biểu đồ 3.1: So sánh tính cấp thiết của các biện pháp

Kết quả tổng hợp cho thấy, điểm trung bình chung của 6 biện pháp là 2,28 điểm. Thứ tự về tính cấp thiết của từng biện pháp như sau:

Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục là biện pháp cấp thiết nhất, với điểm trung bình là 2,55 điểm

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD theo tiếp cận năng lực ở trường THPT là biện pháp có tính cấp thiết xếp thứ 2, với điểm trung bình là 2,47 điểm. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPUD cho giáo viên ở trường THPT là biện pháp được xếp ở mức cấp thiết thứ 3, với 2,35 điểm.

Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho giáo viên là biện pháp được xếp ở mức cấp thiết thứ 4, với 2,24 điểm.. Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT là biện pháp được xếp ở mức cấp thiết thứ 5, với 2,11 điểm. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT là biện pháp được xếp ở mức cấp thiết thứ 6, với 2,06 điểm.

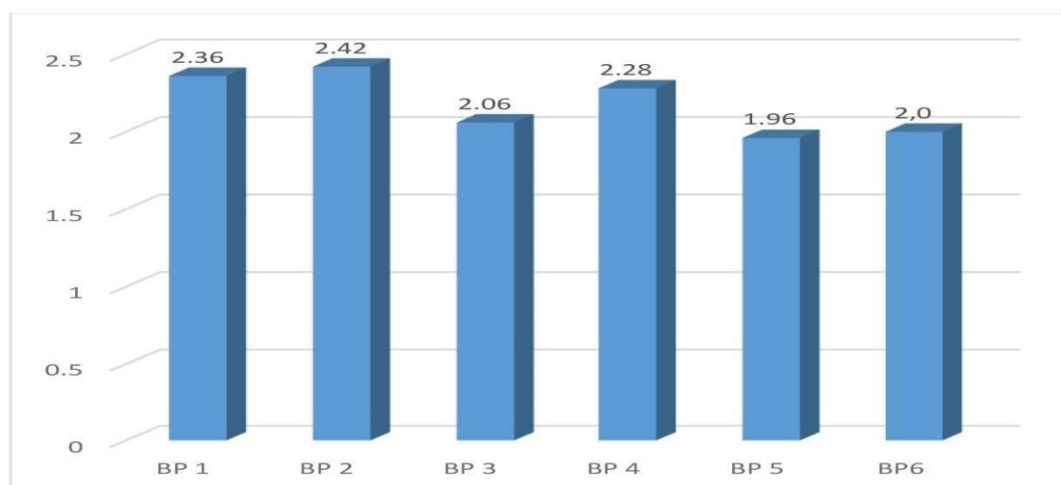
3.3.3. Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi của các biện pháp

Bảng 3.2. Kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp

Bảng 3.2: Kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp

TT	Biện pháp	Mức độ đánh giá						Điểm TB	Thứ bậc
		Rất khả thi		Khả thi		Không khả thi			
		SL	Điểm	SL	Điểm	SL	Điểm		
1	Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động NC KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	107	321	150	300	10	10	2,36	2
2	Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT theo tiếp cận năng lực	112	336	155	310	0	0	2,42	1
3	Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn	78	234	127	254	62	62	2,06	4
4	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên ở trường THPT	101	303	140	280	26	26	2,28	3
5	Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động NCKHSPƯĐ ở trường THPT	68	204	120	240	79	79	1,96	6
6	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực	70	210	128	256	69	69	2,00	5
	Trung bình chung	536	1608	820	1640	246	246	2,18	

Từ số liệu thống kê trong bảng 3.2, ta có biểu đồ về tính cấp thiết của các biện pháp như sau:



Biểu đồ 3.2: So sánh tính khả thi của các biện pháp

Kết quả tổng hợp cho thấy, điểm trung bình chung của 6 biện pháp là 2,18 điểm. Thứ tự về tính khả thi của từng biện pháp như sau:

Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT theo tiếp cận năng lực là biện pháp có tính khả thi cao nhất, xếp thứ 1, với điểm trung bình là 2,42 điểm.

Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục là biện pháp có tính khả thi cao thứ 2, với điểm trung bình là 2,36 điểm. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên ở trường THPT là biện pháp được xếp ở mức khả thi thứ 3, với 2,28 điểm. Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho giáo viên là biện pháp được xếp ở mức khả thi thứ 4, với 2,06 điểm. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT là biện pháp được xếp ở mức cấp thiết thứ 5, với 2,0 điểm. Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở trường THPT là biện pháp được xếp ở mức khả thi thứ 6, với 1,96 điểm. Chênh lệch giữa biện pháp có điểm cao nhất với biện pháp có điểm thấp nhất là 0,4 điểm.

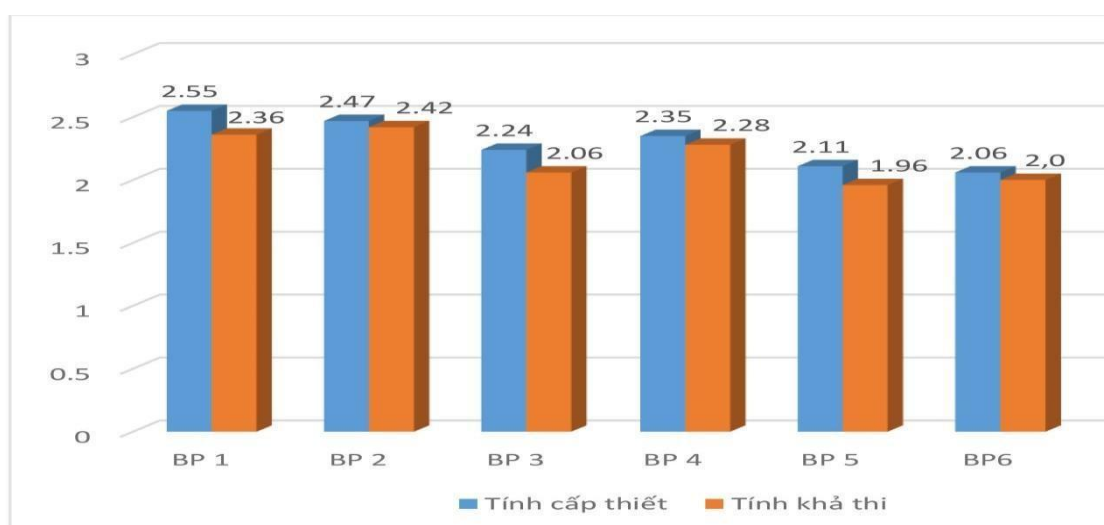
3.2.4. So sánh tương quan giữa tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất

Tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp được so sánh bằng điểm số và bằng tương quan thứ bậc.

Bảng 3.3. Tương quan giữa tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp

T T	Các biện pháp	Tính cấp thiết		Tính khả thi		Hệ số chênh lệch
		Trung bình	Thứ bậc d_1	Trung bình	Thứ bậc d_2	$(d_1 - d_2)^2$
1	BP 1	2,55	1	2,36	2	1
2	BP 2	2,47	2	2,42	1	1
3	BP 3	2,24	4	2,06	4	1
4	BP 4	2,35	3	2,28	3	0
5	BP 5	2,11	5	1,96	6	1
6	BP 6	2,06	6	2,00	5	1
Điểm trung bình		2,29		2,18		

Kết quả thống kê trong bảng 3.3 cho thấy, tính cấp thiết của các biện pháp có số điểm đánh giá cao hơn tính khả thi. Điểm trung bình chung của tính cần thiết là 2.29. Điểm trung bình chung của tính khả thi là 2,18 điểm. So sánh từng biện pháp cho thấy, tất cả các biện pháp đều có tính cấp thiết cao hơn tính khả thi. Điều đó chứng tỏ có những biện pháp có tính cấp thiết cao nhưng tính khả thi thấp. Từ số liệu đúc kết trong bảng 3.3 chúng ta có thể biểu diễn thành biểu đồ như sau:



Biểu đồ 3.3. So sánh tương quan về điểm trung bình của tính cấp thiết với tính khả thi của các biện pháp

Biểu đồ 3.3 cho thấy, các biện pháp có tính cấp thiết và tính khả thi không ngang bằng nhau. Mức độ chênh lệch giữa tính cấp thiết và tính khả thi của từng biện pháp không ngang bằng nhau. Thứ bậc của các biện pháp không ngang bằng nhau. Để so sánh về sự chênh lệch thứ bậc của các biện pháp, cần phải sử dụng hàm số Spearman, so sánh tương quan thứ bậc của các biện pháp.

Trong công thức này:

R là hệ số tương quan

n là số biện pháp đề xuất

D là hệ số chênh lệch giữa thứ bậc của tính cần thiết và tính khả thi

$$6 \sum D^2$$

$$R = 1 -$$

$$n(n^2 - 1)$$

Sau khi thay số và tính nếu $0 < R < 1$ thì tính cần thiết và tính khả thi có tương quan thuận, nghĩa là biện pháp vừa cấp thiết vừa khả thi. R càng tiếp cận gần đến 1 thì tương quan càng chặt chẽ. Nếu R nằm ra ngoài khoảng từ 0 đến 1 thì tính cần thiết và tính khả thi có tương quan nghịch, nghĩa là càng cần thiết thì càng không khả thi.

Từ số liệu trong bảng 3.3, thay số vào công thức trên có:

$$= 0,86$$

$$R = 1 - \frac{6(1 + 1 + 1 + 0 + 1)}{6(6^2 - 1)} \quad R = 1 - \frac{6(5)}{6(35)}$$

Dựa vào kết quả trên có thể kết luận giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp có tính tương quan thuận và rất chặt chẽ, nghĩa là các biện pháp vừa cần thiết lại vừa khả thi cao. Các biện pháp đã đề xuất nếu được áp dụng vào thực tiễn sẽ góp phần thiết thực nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực.

3.4. Thử nghiệm biện pháp

3.4.1. Khái quát chung về phương pháp tổ chức thử nghiệm

**** Mục đích thử nghiệm***

Nhằm kiểm chứng giả thuyết khoa học, đối chiếu với thực tiễn đồng thời đánh giá hiệu quả của biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở trường THPT tỉnh Lào Cai

** Nội dung thử nghiệm*

Thử nghiệm biện pháp 4, “Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên ở trường THPT”.

Nội dung tài liệu bồi dưỡng được xây dựng thành 1 chuyên đề với tên “Phương pháp nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT tỉnh Lào Cai”. Nội dung chuyên đề được NCS biên soạn dựa theo tài liệu của Bộ GD&ĐT, Dự án Việt Bỉ năm 2009 (phụ lục kèm theo).

** Giả thuyết thử nghiệm*

Chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT tỉnh Lào Cai phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó năng lực của chủ thể nghiên cứu có vai trò rất quan trọng. Nếu tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯD cho giáo viên ở trường THPT gắn với bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm để tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới thì sẽ nâng cao được nhận thức, cách thức triển khai hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở trường THPT Lào Cai.

** Đối tượng và lực lượng tham gia thử nghiệm*

Đối tượng thử nghiệm là 246 giáo viên của 4 trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Cụ thể số lượng giáo viên của mỗi trường như sau:

Bảng 3.4: Đội ngũ giáo viên các trường tham gia thử nghiệm

TT	Tên trường	SL GV	Trình độ đào tạo			Địa chỉ
			Đại học	ThS	TS	
1	THPT số 1 TP Lào Cai	68	47	21	0	Phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai
2	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	72	45	27	0	Phường Bắc Cường, TP. Lào Cai
3	THPT số 1 huyện Bảo Thắng	66	51	15	0	Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng
4	THPT DTNT tỉnh	40	34	6	0	Phường Kim Tân, TP. Lào Cai
	Tổng cộng	246	177	69	0	

Lực lượng tham gia thử nghiệm: Tác giả luận văn và các cộng tác viên là Hiệu trưởng các trường THPT.

Thời gian thử nghiệm: Tháng 10 năm 2019 đến tháng 10 năm 2020.

3.4.2. Quy trình thử nghiệm

3.4.2.1. *Quy trình thử nghiệm được thực hiện qua 3 giai đoạn cụ thể như sau:*

- Giai đoạn 1: Chuẩn bị thử nghiệm.

- + Bước 1: Xác định mục đích, đối tượng, thời gian và địa điểm thử nghiệm.
- + Bước 2: Xác định nội dung và phạm vi thử nghiệm
- + Bước 3: Biên soạn nội dung thử nghiệm.
- + Bước 4: Xác định chuẩn và thang đo đánh giá kết quả thử nghiệm.
- + Bước 5: Lựa chọn và bồi dưỡng giáo viên tham gia thử nghiệm.
- + Bước 6: Xây dựng kế hoạch tổ chức thử nghiệm.

- Giai đoạn 2: Triển khai thử nghiệm.

- + Bước 1: Khảo sát năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm.
- + Bước 2: Tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch.
- + Bước 3: Đánh giá kết quả sau thử nghiệm.

- Giai đoạn 3: Phân tích và đánh giá kết quả thử nghiệm.

+ Bước 1: Mô tả thực trạng năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm thông qua việc xử lý và phân tích kết quả khảo sát trước thử nghiệm.

+ Bước 2: Mô tả năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV sau thử nghiệm thông qua việc xử lý, phân tích kết quả đánh giá sau thử nghiệm.

+ Bước 3: Kết luận về tính hiệu quả của thử nghiệm qua phân tích, so sánh trước và sau; so sánh hiệu quả của năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước và sau thử nghiệm.

3.4.2.2 Xác định chuẩn và thang đánh giá kết quả thử nghiệm

Nhằm khảo sát năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước và sau thử nghiệm, tác giả đã xây dựng các tiêu chuẩn và thang đo đánh giá kết quả thử nghiệm. Các tiêu chuẩn đánh giá được xây dựng dựa trên các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV để triển khai thử nghiệm. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước và sau thử nghiệm với các thang đo đánh giá được xây dựng cho phù hợp. Cụ thể:

Luận văn sử dụng phiếu điều tra với thang đo bốn mức từ 1 đến 4 để đo các năng lực nghiên cứu KHSPƯD của GV trước và sau thử nghiệm. Khoảng cách giữa các thang đo là 0.75 được tính theo công thức:

$$[(\text{max} - \text{min})/n].$$

Như vậy, thang đo gồm bốn mức sau:

Mức 1: $1.0 \leq \text{ĐTB} < 1.75$	Chưa đạt
Mức 2: $1.75 \leq \text{ĐTB} < 2.50$	Đạt
Mức 3: $2.5 \leq \text{ĐTB} < 3.25$	Khá
Mức 4: $3.25 \leq \text{ĐTB} \leq 4.00$	Tốt

3.4.2.3. Khảo sát năng lực nghiên cứu KHSPƯD của GV trước và sau thử nghiệm

a. Đánh giá trước thử nghiệm

Trước khi tiến hành tổ chức thử nghiệm theo quy trình đã đề xuất, chúng tôi tiến hành khảo sát năng lực nghiên cứu KHSPƯD của GV trước và sau thử nghiệm. Qua đó, kiểm tra sự tương quan giữa nhóm GV thử nghiệm và nhóm GV đối chứng về năng lực nghiên cứu KHSPƯD của GV trước và sau thử nghiệm làm căn cứ để so sánh với kết quả đầu ra sau thử nghiệm, từ đó kết luận về hiệu quả của các hoạt động thử nghiệm đã áp dụng.

Để khảo sát năng lực nghiên cứu KHSPƯD của GV trước và sau thử nghiệm, tác giả xây dựng bộ phiếu khảo sát và thang đánh giá chung, áp dụng cho cả 2 nhóm thử nghiệm và đối chứng..

b. Đánh giá kết quả sau thử nghiệm

Sau khi các hoạt động thử nghiệm kết thúc, tác giả tiến hành đánh giá năng lực nghiên cứu KHSPƯD của GV trước và sau thử nghiệm sau thử nghiệm qua khảo nghiệm.

Từ đó, có thể rút ra kết luận phù hợp và có độ tin cậy cao về hiệu quả của các hoạt động thử nghiệm đã thực hiện.

3.4.3. Phương pháp xử lý, phân tích kết quả trước và sau thử nghiệm

Kết quả trước và sau thử nghiệm được đo lường qua kết quả bài kiểm tra đầu vào và đầu ra của HS. Phần thống kê SPSS 20.0 để xử lý và phân tích số

liệu. Với các kiểm định so sánh điểm TB hoặc so sánh tỷ lệ % về kiến thức, kỹ năng, thái độ, giữa các nhóm thử nghiệm và đối chứng,

- Tính giá trị điểm TB tỷ lệ % các nhóm kiến thức, kỹ năng, thái độ: dùng thống kê mô tả với lệnh Analyze/Descriptive/Frequencies/.

- So sánh điểm TB về kiến thức, kỹ năng, thái độ giữa nhóm thử nghiệm và đối chứng hoặc giữa nhóm thành thị và nông thôn dùng thống kê suy luận - kiểm định t cho 2 nhóm độc lập với lệnh Analyze/Compare Means/Independent-Sample T Test/.

3.4.4. Kết quả thử nghiệm

3.4.4.1. Kết quả trước thử nghiệm

Do điều kiện thời gian và kinh phí nên tác giả chỉ lựa chọn thử nghiệm bồi dưỡng 8 năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ cho GV. Kết quả khảo sát được xử lý số liệu SPSS 20.0 ở bảng 3.3.

Bảng 3.5. Khảo sát một số năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm

TT	Năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm	Nhóm thử nghiệm (N = 122)		Nhóm đối chứng (N = 124)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực tổ chức NCKH sư phạm	2.20	.815	2.22	.901
2	Năng lực thu thập, xử lý và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPƯĐ	2.12	.892	2.11	.971
3	Năng lực nghiên cứu khoa học	2.64	.960	2.65	.971
4	Năng lực tổ chức thực nghiệm/thử nghiệm/thực hành	2.70	.961	2.76	.906
5	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	2.23	.909	2.32	.975
6	Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ	2.45	.729	2.46	.818
7	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	2.16	.801	2.17	.768
8	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	2.62	.936	2.62	.954

Kết quả bảng 3.3 cho thấy rằng, giá trị trung bình các năng lực mà tác giả khảo sát GV nhóm thử nghiệm từ thấp nhất (2.12) đến cao nhất là (2.70), độ lệch chuẩn từ (0.729) đến (0.961); ở GV nhóm đối chứng có giá trị trung bình thấp

nhất (2.11) đến (2.76), có độ lệch chuẩn từ (0.768) đến (0.975). Từ các kết quả này so với thang đo thấy rằng, các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm mà tác giả khảo sát trước khi thử nghiệm ở hai nhóm giáo viên khá tương đồng nhau, các giá trị trung bình chủ yếu ở mức 2, mức “đạt”, kết quả các giá trị trung bình chênh lệch không đáng kể, độ lệch chuẩn của các giá trị trung bình nhỏ, do đó kết quả khảo sát tập trung, có độ tin cậy cao.

3.4.4.2. Kết quả sau thử nghiệm

Để kiểm tra các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV sau khi thử nghiệm của hai nhóm GV thử nghiệm và nhóm đối chứng, tác giả lựa chọn khảo sát 8 năng lực với 246 GV. Trong đó ở nhóm thử nghiệm là 122 GV và ở nhóm đối chứng là 124 GV. Kết quả khảo sát được chúng tôi xử lý số liệu SPSS

20.0 qua bảng 3.4.

Bảng 3.6. Các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV sau khi thử nghiệm

TT	Năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV trước thử nghiệm	Nhóm thử nghiệm (N = 122)		Nhóm đối chứng (N = 124)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực tổ chức NCKH sư phạm	3.03	.848	2.22	.901
2	Năng lực thu thập, xử lý và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPƯĐ	3.34	.651	2.11	.971
3	Năng lực nghiên cứu khoa học	3.18	.691	2.65	.971
4	Năng lực tổ chức thực nghiệm/thử nghiệm/thực hành	3.02	.857	2.76	.906
5	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	3.05	.814	2.32	.975
6	Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ	3.08	.608	2.46	.818
7	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	3.33	.553	2.17	.768
8	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ	3.19	.828	2.62	.954

Kết quả bảng 3.4 cho thấy 8 năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của GV sau

khi thử nghiệm có sự khác biệt, nhóm GV thử nghiệm được bồi dưỡng các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ đều có kết quả giá trị trung bình khảo nghiệm

khá cao, ở mức từ (3.02) đến (3,34). Kết quả này cho thấy giá trị trung bình nghiên cứu KHSPƯĐ sau thử nghiệm chủ yếu ở mức khá, tốt. Trong khi đó, các giá trị trung bình kỹ năng của nhóm đối chứng ở mức thấp từ (2.11) đến (2.76), so với thang đo đánh giá thì chủ yếu ở mức trung bình. Từ kết quả bảng số liệu có thể kết luận rằng sau khi thử nghiệm “Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ cho giáo viên ở trường THPT” đã đem lại hiệu quả rõ rệt, điều này cho thấy công tác bồi dưỡng năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ cho GV là rất cần thiết.

3.4.4.3. Nhận xét chung về hiệu quả sau thử nghiệm

Qua những kết quả khảo sát, phân tích kết quả số liệu từ các bảng, biểu đồ sau thử nghiệm cho thấy, các phương pháp bồi dưỡng năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ cho GV, giúp CBQL, GV hiểu rõ hơn về nghiên cứu KHSPƯĐ, từ đó chủ động tìm kiếm kiến thức qua các tư liệu, nguồn thông tin khác nhau về KHSPƯĐ, mặt khác, giúp CBQL, GV hình thành được các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ như: Năng lực thu thập, xử lý và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPƯĐ; Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ; Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ; Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ; Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ .

Mặt khác, với việc vận dụng các năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ mới sẽ giúp CBQL, GV có thái độ tích cực trong quá trình nghiên cứu KHSPƯĐ, giúp GV có động cơ nghiên cứu KHSPƯĐ tốt, yêu thích, chủ động tìm kiếm vận dụng kiến thức nghiên cứu KHSPƯĐ vào dạy học, giáo dục ở trường THPT trong bối cảnh đổi mới như hiện nay.

Kết luận chương 3

Quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực là một vấn đề đang được các nhà khoa học và các cấp quản lý giáo dục quan tâm. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, các nhà trường THPT đang thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đón nhận chương trình giáo dục phổ thông mới. Để nâng cao chất lượng giáo dục, trước hết phải nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT theo tiếp cận năng lực là con đường, biện pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên, làm thế nào để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực là vấn đề đặt ra cần phải nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT, chương 3 luận văn đã đề xuất 3 yêu cầu và hệ thống 6 biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay. Các biện pháp này thực hiện đồng bộ sẽ nâng cao hiệu quả quản lý khoa học trong nhà trường, thông qua đó nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường THPT

Qua thăm dò ý kiến của các chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên các trường THPT, hầu hết các ý kiến đều đánh giá các biện pháp đề xuất trong luận văn là có tính cần thiết và tính khả thi cao. Kết quả thử nghiệm, bước đầu cho thấy tính hiệu quả của biện pháp đề xuất là khá tốt. Vì vậy, có thể vận dụng các biện pháp này trong thực tiễn quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục tỉnh, nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên THPT, đặc biệt với những yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng đội ngũ giáo viên THPT chỉ có thể đảm bảo được bằng việc nghiên cứu và tự nghiên cứu. Để có hiệu quả cao trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên các trường THPT theo tiếp cận năng lực thì việc đổi mới quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm vô cùng quan trọng. Điều này có nghĩa là ngành giáo dục của mỗi địa phương căn cứ trên những chủ trương, chính sách chung cần phải có những giải pháp khoa học, đồng bộ, linh hoạt, phù hợp với các điều kiện cụ thể để khơi dậy những tiềm năng, phát huy các nguồn lực nhằm triển khai hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên các trường THPT có hiệu quả.

Trên cơ sở nghiên cứu các công trình khoa học trong và ngoài nước về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD, đề tài nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên các trường THPT tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực. Trong Chương 1 của luận văn bằng phương pháp phân tích và hệ thống hóa, tác giả đã đưa ra những khái niệm và luận cứ cơ bản liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯD của giáo viên trường THPT tỉnh Lào Cai ở chương 2 cho thấy: quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho giáo viên ở các trường THPT trong những năm gần đây đã được tích cực triển khai, đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, các đánh giá đã chỉ ra những hạn chế về năng lực nghiên cứu của đội ngũ giáo viên trường THPT Lào Cai, những bất cập trong quản lý và các yếu tố liên quan đến

quản lý hoạt động này. Qua các số liệu khảo sát đánh giá, bằng các phương pháp phân tích khoa học, luận văn đã phát hiện và chứng tỏ bằng số liệu thống kê, ý kiến nhận xét của các khách thể, chuyên gia để khẳng định các khâu trong quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên THPT Lào Cai vẫn còn nhiều bất cập. Luận văn cũng chỉ ra những yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai.

Từ những căn cứ về lý luận và những đúc rút thực tiễn về quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay, luận văn đề xuất các biện pháp quản lý dựa trên những nguyên tắc cơ bản. Tất cả các biện pháp đề xuất đều gắn liền với bối cảnh đổi mới và mang những nét đặc thù của tỉnh Lào Cai. Các biện pháp bước đầu được kiểm chứng qua việc khảo nghiệm và bước đầu chứng minh sự đúng đắn, hiệu quả qua quá trình thử nghiệm. Với những kết quả thu được tác giả đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đề tài luận văn.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần có sự liên kết chặt chẽ trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học và các trường THPT. Bộ GDĐT chỉ đạo xây dựng cơ chế liên liên kết chặt chẽ trong hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học và các trường THPT. Sửa đổi chính sách về tiền lương, phụ cấp, trợ cấp đối với giáo viên, đặc biệt là chính sách hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở các trường THPT tỉnh Lào Cai.

2.2. Đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp trong tỉnh nghiên cứu biện pháp tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng CSVC, trang thiết bị hỗ trợ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ ở các trường THPT. Thiết lập cơ chế và chính sách hợp lý về hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

2.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai

Xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Sở Khoa học và Công nghệ trong tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý một số đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT, có biện pháp đầu tư nguồn kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học từ Sở Khoa học và Công nghệ cho hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

2.4. Đối với các trường THPT tỉnh Lào Cai

Xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên trong nhà trường THPT. Chủ động phối hợp giữa các nhà trường THPT trên địa bàn tỉnh trong tổ chức các loại hình hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên. Kết hợp các hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên với hoạt động đổi mới giáo dục và triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới. Thông qua hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ của giáo viên để phân loại năng lực giáo viên, có biện pháp quy hoạch phát triển giáo viên theo năng lực.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN

1. Đỗ Thanh Tùng (2017), *“Một số yêu cầu về quản lý nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trường trung học phổ thông tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay”*, trang 280 Tạp chí Giáo dục và Xã hội tháng 11/2017.
2. Đỗ Thanh Tùng (2018), *“Một số yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông hiện nay”*, trang 85, Tạp chí Giáo dục tháng 11/2018.
3. Đỗ Thanh Tùng (2019), *“Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”*, trang 14, Tạp chí Dạy và Học ngày nay tháng 11/2019.
4. Đỗ Thanh Tùng (2020), *“Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo và kiểm tra đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai”*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, trang 52 tháng 07/2020.
5. Đỗ Thanh Tùng – Trần Đại Nghĩa (2021): *“Thực trạng quản lý bồi dưỡng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực ở tỉnh Lào Cai”*, Tạp chí Giáo dục số 44 tháng 8/2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa (XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII của Đảng*.
3. Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 tỉnh Lào Cai.
4. Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Lào Cai.
5. Báo tia sáng (2009), *Chiến lược phát triển KH&CN của một số nước và những gợi suy cho Việt Nam*.
6. Nguyễn Duy Bảo (2007), *Phương pháp luận NCKH và thực hiện đề tài NCKH*- NXB Bưu Điện.
7. Đặng Quốc Bảo (1998), *Một số khái niệm về quản lí giáo dục*, Trường Cán bộ quản lí Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
8. Đặng Quốc Bảo (2010), *Những vấn đề cơ bản của hoạt động quản lí và sự vận dụng vào quản lí nhà trường*, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.
10. Hồ Tú Bảo (2008), *Tổ chức và quản lí đề tài nghiên cứu khoa học ở Nhật*, trang Web Tia sáng, Bộ Khoa học và Công nghệ.
11. Hoàng Chí Bảo (2006), *Xây dựng cơ chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo,(2009), *Dự án Việt-Bỉ, Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*.

14. Bộ GD&ĐT (2011), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Khoa học sư phạm trong chiến lược phát triển GV, yếu tố căn bản đổi mới GDVN*, Hà Nội.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*; Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011) *hông tư 32/2020-BGD&ĐT*
16. Bộ Tài chính-Bộ Khoa học và Công nghệ, *Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KHCN sử dụng ngân sách nhà nước*.
17. Bộ Tài chính -Bộ Khoa học và Công nghệ, *Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước*.
18. Nguyễn Quốc Chí (2004), *Những cơ sở lý luận quản lý giáo dục, khoa sư phạm*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010). *Đại cương khoa học quản lý*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Chính phủ (2012), *Quyết định Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 – 2020*, Số 418/QĐ-TTg.
21. Chính phủ (2006), *Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục*.
22. Chính phủ (2010), *Chỉ thị 296 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*.
23. Chính phủ (2010), *Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về Giáo dục*
24. Chính phủ (2011), *Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 05/11/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục*.
25. Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (2011), *khoa học và công nghệ thế giới*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

26. Vũ Đình Cự (2000), *Khoa học và công nghệ hướng tới thế kỷ 21-định hướng và chính sách*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. J.Deslors (1996), *Học tập - Kho báu tiềm ẩn*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
28. M.Develay (1999), *Một số vấn đề về đào tạo giáo viên*, Nxb giáo dục, HN
29. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành TW khóa VIII*.
30. Lê Đăng Doanh (2003), *Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ ở Việt Nam*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
31. Lê Yên Dung (2010), *Mô hình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực*, luận văn tiến sĩ Quản lý giáo dục
32. Phan Dũng (1992), *Các thủ thuật (nguyên tắc) cơ bản sáng tạo*, Nxb khoa học và kỹ thuật TP.HCM.
33. Vũ Cao Đàm (2002), *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
34. Vũ Cao Đàm (2004), *Đánh giá NCKH*, Nxb Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.
35. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2011), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2011-2015*
36. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2016), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2016-2020*.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Trung ương 6, Khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Đệ, Phan Trọng Nam, (2015), “*Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh mới*”, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 119, tháng 8 năm 2015
40. Nguyễn Văn Đệ, Phan Trọng Nam, (2015), “*Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên ở các trường THPT và trung cấp chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*”, Tạp chí giáo dục số 371, kỳ 1 tháng 12/2015
41. Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Vũ,(2018), “*Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang*”, Tạp chí Giáo dục, Số 425 (Kì 1 - 3/2018), tr 5-9

42. Bùi Minh Đức (2012), *Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên trong các trường đại học sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Giáo dục số 277.
43. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế*
44. Trần Khánh Đức (2011), *Phương pháp luận NCKH giáo dục*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.
45. Trần Khánh Đức (2013), *Lí luận và phương pháp dạy học hiện đại-Phát triển năng lực và tư duy sáng tạo*, Hà Nội, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.
46. Nguyễn Minh Đường (1996), *Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới, Chương trình KHCN cấp nhà nước KX07-14*, Hà Nội.
47. Nguyễn Minh Đường (2008), *Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, khoa học và công nghệ đang thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế -xã hội*.
48. Hoàng Nhị Hà (2009), *Quản lí NCKH ở các trường đại học sư phạm*, Luận văn tiến sĩ quản lí giáo dục.
49. Phạm Minh Hạc (2007), *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
50. Phạm Minh Hạc (Chủ biên) (2013), *Từ điển tâm lí học, Giáo dục học Việt nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
51. Bùi Minh Hiền (chủ biên), (2009), *Quản lí giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
52. Trần Đức Hiền dịch và Phan Thắng hiệu đính (2006), *Tâm lí học, nguyên lí và ứng dụng*, NXB Lao động Xã hội
53. Bùi Hiền và nhóm đồng tác giả (2001), *Từ điển giáo dục học*, Nxb từ điển Bách khoa.
54. Trần Thị Thu Hiền (2015), *Quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ở các trường đại học*, Luận văn tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
55. Học viện Quản lí Giáo dục (2005), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lí trường phổ thông*, Hà Nội.
56. Kế hoạch 103/KH-UBND phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 tỉnh Lào Cai.
57. Kế hoạch 212/KH-UBND phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Lào Cai 2016.
58. Trần Kiểm (2005), *Khoa học quản lí giáo dục-Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

59. Trần Kiểm (2006), *Khoa học quản lý giáo dục*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
60. Trần Kiểm (2007), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*. Nxb ĐHSP.
61. Trần Kiểm (2012), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*. Nxb ĐHSP.
62. Trần Kiểm- Nguyễn Xuân Thức (2015), *Giáo trình đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
63. H.Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich (1992), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb KH&KT, Hà Nội.
64. Trần Thị Bích Liễu (2013), *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo*, Nxb GD Việt Nam.
65. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 15, NXB Tiến bộ, M.
66. Lê Thị Mỹ Linh (2006), *Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực theo cách tiếp cận dựa trên năng lực*, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 113.
67. Nguyễn Thị Mỹ Loan (2014), *Quản lý phát triển đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Luận văn tiến sĩ, Viện KHGD Việt Nam.
68. Phạm Thị Loan (2010), *Quản lý phát triển năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non*, Luận văn tiến sĩ, Trường ĐHGD - ĐHQG Hà Nội.
69. Maiple F, Weissberd P (2010), *Chương trình thạc sỹ Giảng dạy, đào tạo và giáo dục*, Hội thảo quốc tế Mô hình đào tạo giáo viên Tiểu học chất lượng cao, Trường ĐHGD, ĐHQG Hà Nội.
70. Michael E. Porter (1996), *Chiến lược cạnh tranh*, Nxb KH&KT, HN.
71. Lưu Xuân Mới (2003), *Phương pháp NCKH*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
72. Nguyễn Trọng Nhân, Trương Trọng Thủy (2014), *Những nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành Việt Nam Học*, Trường Đại học Cần Thơ, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 33 – 2014, tr. 32
73. Ngô Kiều Nhi và nhiều tác giả (2012), *Tư duy sáng tạo và phương pháp NCKH*, Nxb Trí Thức.
74. Hà Thế Ngữ (1982), “Đưa kết quả NC KHGD vào thực tiễn trường học”, tạp chí NCGD, số 9/1982, Hà Nội, tr 18.
75. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, (1998), *Giáo dục tập 2*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

76. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ nhiệm đề tài)(2011), *Xây dựng và sử dụng bài tập thực hành môn giáo dục học theo tiếp cận phát triển năng lực để rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên DHSP*, Mã số: B2010 – 17 – 254, đề tài KH&CN cấp Bộ, Bộ GD&ĐT.
77. Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội.
78. Philip Kotler (2003), *Giáo trình quản trị marketing*, Nxb Thống kê, HN.
79. Nguyễn Thị Ngọc Phúc, Hồ Thị Thu Hồ, Lê Văn Nhung, Ngô Ngọc Trân, 2020, *Thiết kế hoạt động đóng vai trong dạy học Địa lí lớp 11*” tạp chí Giáo dục, Số 479 (Kì 1 - 6/2020), tr 28-33
80. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lí luận quản lí giáo dục*. Trường cán bộ quản lí giáo dục TW 1, Hà Nội.
81. Nguyễn Ngọc Quang (1998), *Những khái niệm cơ bản về quản lí giáo dục*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
82. Phạm Hồng Quang (2006), *Phát triển và quản lí chương trình*, tài liệu giảng dạy chuyên ngành Quản lí giáo dục, Thái Nguyên.
83. Bùi Văn Quân (1998), *Giáo trình quản lí giáo dục*, Nxb Giáo Dục Hà Nội.
84. Quốc hội 14, *Luật Giáo dục*, Luật số: 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019
85. Quốc hội (2013), *Luật số: 29/2013/QH13 về Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013*, Hà Nội.
86. Quốc hội (2014), *Luật số: 74/2014/QH13 về Luật Khoa học và công nghệ ngày 27 tháng 11 năm 2014*, Hà Nội.
87. Nguyễn Thị Như Quyến, (2017), “*Thực trạng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên tiểu học thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp*”, tạp chí Giáo dục số 420, kỳ 2, tháng 12/2017
88. Vũ Trọng Rỹ (2009), *Định hướng phát triển giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
89. Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai, *Báo cáo tổng kết các năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018*.
90. SREM (2007), *Quản trị hiệu quả trường học*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

91. Phạm Phương Tâm, Lê Thị Thơ, (2019), *Đề xuất mô hình bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học theo hướng tiếp cận CDIO cho giảng viên trường cao đẳng nghề vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*, Tạp chí khoa học giáo dục Đại học Cần Thơ
92. Trịnh Quốc Thái (1996), *Nghiên cứu động cơ học tập của học sinh lớp 1 dưới ảnh hưởng của phương pháp nhà trường*, Luận văn PTS Khoa học sư phạm – Tâm lý, Hà Nội
93. Nguyễn Xuân Thanh (2013), *Giáo trình Kiểm tra và Thanh tra giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
94. Hoàng Minh Thao và Ngô Viết Sơn (2007), *Một số kiến giải về đổi mới đánh giá thi đua trong nhà trường*. Thông tin quản lý giáo dục số 6/2007.
95. Nguyễn Cảnh Toàn (2002), *Bàn về giáo dục Việt Nam*, NXB Lao Động, Hà Nội.
96. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển GD năm 2011-2020*, Nxb Giáo dục.
97. Thủ tướng Chính phủ (2012) *Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012. Phê duyệt chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020*.
98. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện GD ĐH của Việt Nam giai đoạn 2006 -2020*.
99. *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học*.
100. Lê Thị Thơ (2016), *Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học-công nghệ cho giảng viên cao đẳng nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Luận văn tiến sĩ Viện KHGD Việt Nam.
101. Nguyễn Xuân Thúc (2012), *Đại cương về khoa học quản lý và quản lý giáo dục*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
102. Phạm Bích Thủy (2016) , *Đề tài nghiên cứu khoa học “Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường trung học phổ thông đồng bằng Sông Cửu Long”*.
103. Phạm Bích Thủy, (2016), *“Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường THPT Đồng bằng sông Cửu Long”*, tạp chí Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Số 4(82) năm 2016

104. Phạm Đỗ Nhật Tiến (2013) , *Đổi mới đào tạo GV trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD Việt Nam*, Nxb GD Việt Nam.
105. Nguyễn Đức Trí (2011), *Giáo dục nghề nghiệp*, Nxb GD Việt Nam.
106. Nguyễn Thị Tuyết (2007), *Cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học Việt Nam theo định hướng bình đẳng giới*, luận văn tiến sĩ, chuyên ngành quản lý giáo dục.
107. Hoàng Thị Tuyết (2013), *Phát triển chương trình đại học theo tiếp cận năng lực-xu hướng và toàn cầu*, Tạp chí phát triển và hội nhập số 9.
108. Phạm Huy Tư, (2013) “*Quy trình thực hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp tiểu học và THCS ở thành phố Vĩnh Long*” , tạp chí Giáo dục, số 322, kỳ 2/11/2013
109. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên),(2003), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 206
110. Nguyễn Quang Uẩn, Ngô Công Hoàn (1990), *Người thầy giáo theo yêu cầu của sự nghiệp phát triển giáo dục*, Đề tài nghiên cứu Nhà nước, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I chủ trì, Hà Nội.
111. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (1990), *Giáo dục và Khoa học giáo dục Trung Quốc hiện nay*.
112. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2010), *Kinh nghiệm một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ trí thức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
113. Nguyễn Thành Vinh (2012), *Khoa học quản lý đại cương*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
114. Đặng Công Vĩnh, (2021) “*Bồi dưỡng năng lực khai thác chương trình giáo dục môn Toán cho giáo viên trung học phổ thông*” , luận văn tiến sĩ Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
115. J. Vial (1993), *Lịch sử và Thời sự về các phương pháp sư phạm*, Bản dịch của tổ Tư liệu trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
116. Hồ Văn Vĩnh (Chủ biên) (2002), *Giáo trình Khoa học quản lý*, Nxb CTQG 2002.
117. Phạm Viết Vượng (2012), *Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học giáo dục học*, Nxb ĐHSP, HN.

118. Phạm Viết Vượng-Nguyễn Xuân Thức (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
119. Phạm Viết Vượng, Nguyễn Lăng Bình (2013), *Tăng cường năng lực NCKH của giáo viên (trung học cơ sở)*, Nxb Giáo dục.
120. Phạm Viết Vượng (2014), *Giáo dục học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
121. Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận NCKH*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
122. Xavier Roegiers (1996), *Khoa Sư phạm tích hợp hay Làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
123. Nguyễn Như Ý (2013), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

124. Aigerim Mynbayeva, Zukhra Sadvakassova and Bakhytkul Akshalova, (2017), *Pedagogy of the Twenty-First Century: Innovative Teaching Methods*, Submitted: November 20th 2016Reviewed: November 9th 2017Published: December 20th 2017, DOI: 10.5772/intechopen.72341.
125. Athanassios Jimoyiannis (2010), Designing and implementing an integrated technological pedagogical science knowledge framework for science teachers professional development, University of Peloponnese, Department of Social and Education Policy, Damaskinou & Kolokotroni Street, Korinthos 20100, Greece
126. Aygul A.Zhumadullaeva a , Sarash S. Konyrbaevab , Bibi C. Duanbaevac , Zhakipbek A. Kasymbekova , Talgat A. Daniyarova , Mukhtar S. Isaeva, (2016), Applying the Findings of Scientific and Pedagogical Research in Values Education
127. Belinda Aeschlimanna, WalterHerzogb, ElenaMakarova, (2016) “How to foster students’ motivation in mathematics and science classes and promote students’ STEM career choice. A study in Swiss high schools” *International Journal of Educational Research*, Volume 79, 2016, Pages 31-41, <https://doi.org/10.1016/j.ijer.2016.06.004>
128. Boyatzis, R.E. (1982), *The Competent Manager: A model for Effective performance*, New York: Wiley

129. Dubois D.D, Rothwell W.J. (2004), *Competency-Based Human Resource Management*, Davies-Black Publishing, california]
130. *Education Planning* (1990), Mexico.
131. Imam Gunawan, (2013), “*Instructional Management in Indonesia*”, *Journal of Arts, Science & Commerce*, E-ISSN 2229-4686 ■ ISSN 2231-4172, DOI: 10.18843/rwjasc/v8i1/12 DOI
URL :
<http://dx.doi.org/10.18843/rwjasc/v8i1/12>
132. Keith Howard và John A. Sharp (1983), *The management of a student research*, ĐH Singapore.
133. L.M. Spencer and S.M. Spencer, (1993), *Competence at work: models for superior performance*, New York: John Wiley & Sore. 1993
134. Mc Lagan .P.A (1997), *Competencies: the next generation*, Training and Development, 50 (5), 40 – 48.
135. Silvia Moraru, Ioana Stoica, F.F. Popescu, (2011), “*Educational software applied in teaching and assessing physics in high schools*”, Romanian Reports in Physics, Vol. 63, No. 2, P. 577–586, 2011
136. Woodall, J. & Winstanley, D. (1998), “*Management Development*”, *Strategy & Practice*, Oxford: Blackwell

PHỤ LỤC

Mẫu số: 01

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho Cán bộ quản lý, giáo viên)

Để giúp chúng tôi tìm hiểu thực trạng, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (NCKHSPUD) của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực. Xin thầy (cô) vui lòng trả lời những câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp. Thầy (cô) có thể không ghi họ tên mình vào phiếu này.

Xin trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu của thầy (cô).

Câu 1. Quý Thầy/Cô tự đánh giá về năng lực NCKHSPUD của bản thân hiện nay thế nào?

TT	Năng lực NCKHSPUD	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Năng lực chuyên môn				
2	Năng lực nghiệp vụ				
3	Năng lực phát hiện các vấn đề khoa học				
4	Năng lực giải quyết các vấn đề khoa học				
5	Năng lực tổ chức NCKH sư phạm				
6	Năng lực tự hoàn thiện				
7	Năng lực giao tiếp ứng xử				
8	Năng lực thích nghi				
9	Năng lực tổ chức và quản lý				
10	Năng lực hoạt động chính trị - xã hội				
11	Năng lực hợp tác và cạnh tranh				
12	Năng lực lao động nghề nghiệp sư phạm				
13	Năng lực nghiên cứu khoa học				
14	Năng lực quản lý				
15	Năng lực tư duy sáng tạo				
16	Năng lực tư duy phản biện				
17	Năng lực tư duy logic				
18	Năng lực giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm				
19	Năng lực thuyết trình				
20	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPUD				
21	Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPUD				
22	Năng lực phân tích, chọn lọc tài liệu phục vụ nghiên cứu KHSPUD				
23	Năng lực thiết kế/cải tiến sản phẩm nghiên cứu KHSPUD				
24	Năng lực thu thập, xử lý và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPUD				
25	Năng lực tổ chức thực nghiệm/thử nghiệm/thực hành				
26	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPUD				
27	Năng lực triển khai kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu KHSPUD				
28	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPUD				

Câu 2. Ý kiến của thầy (cô) về tầm quan trọng của NCKHSPUD trong trường THPT:

- ☐ Rất quan trọng ☐ Ít quan trọng.
☐ Quan trọng ☐ Không quan trọng.

Câu 3. Theo quý Thầy/Cô, động cơ NCKHSPUD của GV ở trường THPT hiện nay là gì?

Động cơ tham gia NCKHSPUD của GV ở trường THPT hiện nay	Ý kiến	
	Đồng ý	Không đồng ý
Nhiệm vụ bắt buộc		
Tăng thu nhập		
Lòng say mê		
Thể hiện năng lực NC		
Thực hiện ý tưởng NC		
Phục vụ công tác giảng dạy		
Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực NC		
Nâng cao uy tín		
Phục vụ xét thi đua, xét chức danh		

Câu 4. Quý Thầy/Cô đánh giá về công tác xây dựng kế hoạch NCKHSPUD ở nhà trường hiện nay thế nào?

TT	Kế hoạch NCKHSPUD ở nhà trường	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Tổ chức xây dựng kế hoạch NCKH cấp Sở				
2	Tổ chức xây dựng kế hoạch NCKH cấp trường				
3	Phổ biến kế hoạch NCKH đến các giáo viên				
4	Thực hiện kế hoạch NCKH của giáo viên				
5	Tính thực khoa học, thực tiễn khả thi của kế hoạch				

Câu 5. Quý Thầy/Cô đánh giá về quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT hiện nay thế nào?

TT	Quản lý nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu KHSPUD	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Lựa chọn vấn đề NC				
2	Tư vấn xây dựng đề cương NC				
3	Xác định mục đích, nhiệm vụ NC				
4	Lựa chọn PPNC				
5	Quy trình các bước NC				

Câu 6. Quý Thầy/Cô đánh giá về quản lý nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông hiện nay thế nào?

TT	Quản lý nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Nắm nhu cầu, nguyện vọng, năng lực NC của GV				
2	Phân công nhiệm vụ NC cho GV				
3	Tổ chức các Ban đề tài				
4	Tổ chức Hội đồng khoa học trường				
5	Xây dựng quy chế hoạt động				

Câu 7. Quý Thầy/Cô đánh giá về quản lý công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hiện nay thế nào?

TT	Quản lý công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng				
2	Xác định mục tiêu bồi dưỡng				
3	Xác định nhu cầu bồi dưỡng				
4	Xác định nội dung bồi dưỡng				
5	Phương thức tổ chức bồi dưỡng				

Câu 8. Quý Thầy/Cô đánh giá về quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hiện nay thế nào?

TT	Quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Đảm bảo về thông tin, tư liệu, tài liệu cho NC				
2	Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị cho NC				
3	Đảm bảo tài chính cho NC				
4	Đảm bảo các điều kiện pháp lý, chính sách cho NC				
5	Đảm bảo về thời gian, không gian cho NC				

Câu 9. Quý Thầy/Cô đánh giá về kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hiện nay thế nào?

TT	Kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	Kết quả thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá				
2	Xây dựng tiêu chí đánh giá				
3	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH				
4	Tổ chức nghiệm thu, đánh giá đề tài NCKH				
5	Tính khoa học khách quan trong đánh giá				

Câu 10. Quý Thầy/Cô đánh giá về những yếu tố tác động ảnh hưởng đến quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở các trường THPT hiện nay thế nào?

TT	Những yếu tố tác động ảnh hưởng đến quản lí hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở các trường THPT	Mức độ ảnh hưởng			
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Tác động từ xu thế phát triển kinh tế, xã hội của nước và địa phương				
2	Tác động từ yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay				
3	Tác động từ chủ trương phát triển giáo dục của Tỉnh Lào Cai				
4	Tác động từ cơ chế, chính sách, quy định về hoạt động NCKH ở nhà trường THPT				
5	Tác động từ điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKH SPUD ở trường THPT				
6	Tác động từ thực trạng năng lực của CBQL và ĐNGV ở các trường THPT				

Cuối cùng, xin thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Thầy (cô) là: CBQL ☐; Giáo viên; ☐;

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ☐; Đại học ☐ ;

Thầy/Cô đã có đề tài NCKHSPUD ☐.

Một lần nữa xin cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của thầy (cô)!

Mẫu số: 02

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho Cán bộ quản lý, giáo viên)

(Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi khi của các biện pháp quản lý đề xuất)

Thầy (Cô) hãy cho biết tính cần thiết và khả thi khi áp dụng các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (NCKHSPUD) của giáo viên trung học phổ thông tỉnh Lào Cai theo tiếp cận năng lực

TT	Biện pháp	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
		Rất cấp thiết	Cấp thiết	Không cấp thiết	Rất Khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động NC KHSPUD của giáo viên ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục						
2	Xây dựng và tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSPUD ở trường THPT theo tiếp cận năng lực						
3	Tổ chức thực hiện quy trình nghiên cứu KHSPUD của giáo viên theo hướng phát triển năng lực chuyên môn						
4	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu KHSPUD cho giáo viên ở trường THPT						
5	Phát triển các nguồn lực về thông tin, tư liệu, cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo cho hoạt động NCKHSPUD ở trường THPT						
6	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu KHSPUD của giáo viên ở trường THPT theo tiếp cận năng lực						

Thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Thầy (cô) là: CBQL ☐; Giáo viên; ☐;

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ☐; Đại học ☐ ; Chuyên viên ☐.

Đã có đề tài NCKHSPUD ☐.

Xin cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của thầy (cô)

Mẫu số: 03

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Năng lực nghiên cứu KHSPUĐ của CBQL, GV trước thử

nghiệm (Dành cho CBQL, GV các trường thử nghiệm)

Quý Thầy/Cô tự đánh giá về năng lực NCKHSPUĐ của bản thân hiện nay thế nào?

TT	Năng lực NCKHSPUĐ	Mức độ đạt được			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Năng lực tổ chức NCKH sư phạm				
2	Năng lực thu thập, xử lý và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPUĐ				
3	Năng lực nghiên cứu khoa học				
4	Năng lực tổ chức thực nghiệm/thử nghiệm/thực hành				
5	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPUĐ				
6	Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPUĐ				
7	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPUĐ				
8	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPUĐ				

Cuối cùng, xin thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Thầy (cô) là: CBQL ☐; Giáo viên; ☐; Chuyên viên ☐.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ☐; Đại học ☐ ;

Đã có đề tài NCKHSPUĐ ☐.

Xin cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của thầy (cô)!

(Có thể ký tên hoặc không)

Mẫu số: 04

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Năng lực nghiên cứu KHSPƯĐ của CBQL, GV sau thử

nghiệm (Dành cho CBQL, GV nhóm thử nghiệm)

Quý Thầy/Cô tự đánh giá năng lực của bản thân sau khi được bồi dưỡng các năng lực NCKHSPƯĐ?

TT	Năng lực NCKHSPƯĐ sau khi được bồi dưỡng	Mức độ đạt được			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Năng lực tổ chức NCKH sư phạm				
2	Năng lực thu thập, xử lí và phân tích thông tin nghiên cứu KHSPƯĐ				
3	Năng lực nghiên cứu khoa học				
4	Năng lực tổ chức thực nghiệm/thử nghiệm/thực hành				
5	Năng lực xác định tên đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ				
6	Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu KHSPƯĐ				
7	Năng lực viết báo cáo đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ				
8	Năng lực lập dự toán/quyết toán kinh phí đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ				

Cuối cùng, xin thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Thầy (cô) là: CBQL☐; Giáo viên; ☐; Chuyên viên ☐.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ☐; Đại học ☐ ;

Đã có đề tài NCKHSPƯĐ ☐.

Xin cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của thầy (cô)!

(Có thể ký tên hoặc không)

TÀI LIỆU

Phương pháp nghiên cứu KHSPƯD ở trường THPT

1. Mục đích, yêu cầu

- Mục đích: Tiếp tục phát huy tiềm năng, trí tuệ của cán bộ, giáo viên để vận dụng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giáo dục; tìm ra các giải pháp, giải quyết những hạn chế, yếu kém, từng bước thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.

- Yêu cầu: Các đề tài nghiên cứu KHSPƯD phải có tính mới, khả thi và hiệu quả. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên. Nâng cao chất lượng đề tài, sáng kiến qua từng năm học ở mỗi đơn vị. Không xem xét những sáng kiến không thể tổ chức đánh giá, đo lường. Tạo động lực cho cán bộ, giáo viên học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng năng lực thông qua viết, phổ biến sáng kiến.

2. Định hướng nội dung: Đề tài nghiên cứu KHSPƯD nên tập trung vào những lĩnh vực như:

- Đổi mới hoạt động quản lý giáo dục; đổi mới hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường. Giải pháp nâng cao năng lực của đội ngũ. Giải pháp tổ chức hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng có hiệu quả.

- Các giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh: Đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh; tăng cường cơ sở vật chất, quang cảnh trường lớp đạt hiệu quả cao; huy động, duy trì tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần ở các vùng khó khăn; sửa tật nói ngọng, nói lắp của học sinh có hiệu quả; bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; xây dựng mô hình trường học phù hợp có hiệu quả; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ mầm non, công tác xã hội hóa giáo dục...

3. Trách nhiệm quản lý các cấp

3.1. Trách nhiệm chung

Lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo, tổ chức, triển khai đăng ký, tiến hành nghiên cứu, nghiệm thu, phổ biến nghiêm túc, đúng quy định.

Đảm bảo tính trung thực, chính xác khoa học.

Đánh giá xếp loại khách quan, công bằng, các đơn vị cần đảm bảo quy trình thẩm định chặt chẽ, công khai trong toàn đơn vị.

Đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ không viết dài, đủ nội dung, cấu trúc khoa học (tập trung vào giải pháp thực tiễn đã làm).

Báo cáo tóm tắt hiệu quả đề tài đúng cấu trúc, đủ thông tin minh chứng, giải pháp rõ ràng, số liệu cụ thể đảm bảo độ tin cậy.

Các đơn vị có CBQL, giáo viên có trình độ Thạc sĩ trở lên phải đăng ký ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, được phép thực nghiệm nghiên cứu trong 1 – 2 năm và đề nghị công nhận cấp tỉnh.

Nêu cao tinh thần gương mẫu đi đầu của CBQL, giáo viên có trình độ Thạc sĩ trở lên trong nghiên cứu khoa học và hướng dẫn đồng nghiệp nghiên cứu KHSPƯĐ.

3.2. Sở GD&ĐT

Chỉ đạo, đơn đốc hoạt động nghiên cứu KHSPƯĐ thuộc lĩnh vực, phạm vi phụ trách.

Tham mưu cho Hội đồng khoa học ngành trong việc thẩm định nội dung đề tài nghiên cứu KHSPƯĐ thuộc lĩnh vực, phạm vi phụ trách. Tham mưu với Lãnh đạo Sở đề xuất với các cơ quan chức năng hỗ trợ phương tiện, điều kiện nghiên cứu, kinh phí, nhân lực đối với những đề tài nghiên cứu lớn, có giá trị cao trong phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh.

Kiểm tra việc thực hiện nghiên cứu khoa học ở các cấp học được phụ trách; đưa nội dung kiểm tra tình hình thực hiện nghiên cứu khoa học vào kế hoạch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học của phòng mình.

3.3. Hiệu trưởng các trường THPT huyện, thành phố, thị xã

Tổ chức triển khai, hướng dẫn và thực hiện hoạt động NCKH của ngành; khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên lựa chọn đăng ký đề tài nghiên cứu KHSPƯD. Thành lập hội đồng cấp trường, trình Hội đồng cấp tỉnh công nhận đề tài cho giáo viên đơn vị mình.

Tổ chức động viên, giao nhiệm vụ, có cơ chế khuyến khích Thạc sĩ gương mẫu đi đầu trong việc nghiên cứu và hướng dẫn đồng nghiệp nghiên cứu khoa học.

Thực hiện phổ biến, tổ chức nghiên cứu học tập những đề tài đã được công nhận cho cán bộ, giáo viên để nâng cao hiệu quả công việc.

Đề xuất với các cơ quan chức năng hỗ trợ phương tiện, điều kiện nghiên cứu, kinh phí đối với những đề tài nghiên cứu lớn, có giá trị cao trong phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh (nếu có).

Tổng hợp danh sách đăng ký, tham mưu tổ chức thẩm định các đề tài NCKH sư phạm ứng dụng cấp trường.

4. Tổ chức xét duyệt, đánh giá, công nhận đối với đề tài của các trường THPT theo quy trình sau:

4.1. Cấp trường:

Bước 1: Cá nhân đăng ký tên đề tài với tổ, trường.

Bước 2: Tổ chuyên môn thảo luận góp ý, định hướng nghiên cứu cho cán bộ, giáo viên.

Bước 3: Trường duyệt danh sách, đăng ký tên đề tài gửi về Sở GD&ĐT.

Bước 4: Tổ chuyên môn hỗ trợ giáo viên thực hiện các giải pháp sáng kiến tại trường, đánh giá kết quả.

Bước 5: Kết thúc năm học, Hội đồng khoa học trường tổ chức thẩm định, đánh giá đề tài nghiên cứu KHSPƯD đã đăng ký.

Bước 6. Trường gửi hồ sơ nghiên cứu KHSPƯD đề nghị Sở GD&ĐT công nhận.

4.2, Cấp Sở GD&ĐT:

Bước 1: Tổ chức thẩm định, đánh giá, xếp loại các đề tài nghiên cứu KHSPƯD từ các trường trực thuộc Sở.

Bước 2: Ban hành Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu KHSPƯD cấp cơ sở.

Bước 3: Bình xét, chọn lọc và hoàn thiện các thủ tục trình Hội đồng khoa học tỉnh các đề tài nghiên cứu KHSPƯD xuất sắc.

6. Quy định về hồ sơ, báo cáo gửi về Sở GD&ĐT gồm:

6.1. Đối với cá nhân:

Đơn yêu cầu công nhận nghiên cứu KHSPƯD theo mẫu.

Báo cáo tóm tắt *hiệu quả* nghiên cứu KHSPƯD của tác giả theo mẫu.

Bản đề tài nghiên cứu KHSPƯD đầy đủ, yêu cầu không viết dài, đủ nội dung, cấu trúc khoa học (cân đối giữa cơ sở lí luận và giải pháp thực tiễn).

6.2. Đối với tập thể:

Tờ trình đề nghị của đơn vị.

Biên bản họp Hội đồng khoa học.

Biên bản nghiệm thu kết quả áp dụng nghiên cứu KHSPƯD: nêu rõ đã áp dụng, kết quả cụ thể.

Báo cáo bằng văn bản về công tác triển khai nghiên cứu KHSPƯD của đơn vị.

Mẫu số 1

1.Cấu trúc
Trang bìa

SỞ GD&ĐT LÀO CAI
TRƯỜNG THPT.....

TÊN ĐỀ TÀI NCKHSPUĐ

- Họ và tên tác giả:
- Chức vụ:
- Tổ chuyên môn:
- Đơn vị công tác:

.....ngày, tháng....năm 20 ...

Trang phụ bìa

Mục lục

Danh mục chữ cái viết tắt (nếu có)

Phần thứ nhất. MỞ ĐẦU

Trong phần này bao gồm:

1. Lí do chọn đề tài
2. Mục đích nghiên cứu
3. Đối tượng nghiên cứu
4. Giới hạn phạm vi nội dung nghiên cứu
5. Nhiệm vụ nghiên cứu
6. Phương pháp nghiên cứu.
7. Thời gian nghiên cứu

Phần thứ hai. NỘI DUNG

Chương I. Cơ sở lí luận của đề tài

- Các định nghĩa về các thuật ngữ, các khái niệm chính yếu mà đề tài phải sử dụng trong quá trình nghiên cứu
- Những vấn đề lí luận thuộc lĩnh vực đề tài nghiên cứu
- Các luận điểm, các quan điểm khoa học
- Các cơ sở chính trị, pháp lí: Các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết....về phát triển, quản lí giáo dục, về lĩnh vực nghiên cứu
- Phần kết luận chương nêu lên nhiệm vụ cần nghiên cứu, vấn đề cần nghiên cứu, cần thực hiện của đề tài.

Chương II. Thực trạng của đề tài

- Sơ lược lịch sử của vấn đề nghiên cứu
- Các luận điểm, các kết quả nghiên cứu trước đó (nếu có)
- Tình hình đề tài hiện nay: thực trạng của vấn đề nghiên cứu. Có thể có những số liệu thống kê, những tư liệu, những điều tra để chứng minh cho thực trạng của vấn đề.
- Nêu rõ quan điểm của bản thân và những tồn tại (những vấn đề) cần giải quyết
- Nêu chi tiết những nhiệm vụ cần giải quyết và sẽ được thực hiện ở chương III.

Chương III. Giải quyết vấn đề

- Trình bày các giai đoạn nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu
- Các dẫn liệu, số liệu, các kết quả điều tra, thí nghiệm ... đã thu thập được.
- Dựa vào các giả thuyết, giả định khoa học đã nêu để phân tích, nhận xét, từ đó rút ra kết luận cho từng vấn đề đã được nghiên cứu.
- Nêu bật những phát hiện, những kết luận độc đáo, mới mẻ đã thu thập được qua thực tế nghiên cứu, ứng dụng; các giải pháp, biện pháp hoặc kinh nghiệm để giải quyết vấn đề. **Phần thứ ba. KẾT LUẬN**

- Tóm tắt cô đọng, thể hiện tập trung các kết quả nghiên cứu đã đạt được. Nêu lên những kết luận chính, tổng hợp các kết quả nghiên cứu (các giải pháp, biện pháp, các kinh nghiệm ở chương III). Kết luận phải có cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn vững vàng, tính triển vọng của vấn đề. Kết luận cần trình bày sáng sủa, sâu sắc.
- Đưa ra những đề xuất, khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo: Chỉ ghi những tài liệu chính

Các đánh giá, xếp loại của các cấp

Cấp cơ sở (trường), cấp Sở: Loại trung bình, khá, xuất sắc. Phần này phải có nhận xét ngắn gọn nêu được giá trị thực tiễn của đề tài, khả năng có thể triển khai ở mức độ nào.

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHSPƯĐ

1. Tên đề tài:
2. Họ và tên tác giả:
3. Họ tên người đánh giá:
4. Đơn vị công tác:
5. Ngày họp:
6. Địa điểm họp:
7. Ý kiến đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Nhận xét
1. Tên đề tài - Thể hiện rõ nội dung, đối tượng, tác động. - Có ý nghĩa thực tiễn.	5		
2. Hiện trạng - Nêu được hiện trạng. - Xác định được nguyên nhân gây ra hiện trạng. - Chọn một nguyên nhân để tác động, giải quyết.	5		
3. Giải pháp thay thế - Mô tả rõ ràng giải pháp thay thế. - Giải pháp khả thi và hiệu quả. - Một số nghiên cứu gần đây liên quan đến đề tài.	10		
4. Vấn đề nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu - Trình bày rõ ràng vấn đề nghiên cứu dưới dạng câu hỏi. - Xác định được giả thuyết nghiên cứu.	5		
5. Thiết kế Lựa chọn thiết kế phù hợp, đảm bảo giá trị của nghiên cứu.	5		
6. Đo lường - Xây dựng được công cụ và thang đo phù hợp để thu thập dữ liệu. - Dữ liệu thu được đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị.	5		
7. Phân tích dữ liệu và bàn luận - Lựa chọn phép kiểm chứng thống kê phù hợp với thiết kế. - Trả lời rõ được vấn đề nghiên cứu.	5		

8. Kết quả - Kết quả nghiên cứu: đã giải quyết được các vấn đề đặt ra trong đề tài đầy đủ, rõ ràng, có tính thuyết phục. - Những đóng góp của đề tài nghiên cứu: mang lại hiểu biết mới về thực trạng, phương pháp, chiến lược... - Áp dụng các kết quả: triển vọng áp dụng tại địa phương, cả nước, quốc tế.	20		
9. Minh chứng cho các hoạt động nghiên cứu của đề tài Kế hoạch bài học, bài kiểm tra, bảng điểm, thang đo, băng hình, ảnh, dữ liệu thô...	35		
10. Trình bày báo cáo - Văn bản viết (Cấu trúc khoa học, hợp lí, diễn đạt mạch lạc, hình thức đẹp) - Báo cáo kết quả trước hội đồng (Rõ ràng, mạch lạc, có sức thuyết phục)	5		
Tổng cộng	100		

Đánh giá:

- Loại Tốt: từ 86 đến 100 điểm
- Loại Khá: từ 70 đến 85 điểm
- Đạt: từ 50 đến 69 điểm.
- Không đạt: Dưới 50 điểm.

Nếu có điểm liệt (không điểm) thì sau khi cộng điểm xếp loại rồi sẽ hạ một mức.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu
số 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20....

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHSPUĐ

Năm học.....

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Điện thoại:.....

Tên đề tài:.....

.....

Cấp quản lý và nghiệm thu:.....

Loại hình nghiên cứu:.....

Thời gian nghiên cứu:.....

Tóm tắt nội dung đề tài:.....

.....

.....

Đơn vị quản lý trực tiếp

Người đăng ký



Mẫu
số 4

Đơn vị.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....., ngày tháng năm 20....

**T
Ô
N
G
H
Ợ
P**

1. Tổ (nhóm):

- Số đề tài nghiên cứu:
- Loại hình nghiên cứu:
- Thời gian nghiên cứu:

2. Tổ (nhóm):.....

3. Tổng hợp chung:

* Tổng số đề tài:

**Đăng ký đề tài
NGHIÊN CỨU
KHSPƯD**

* Cấp quản lý và nghiệm thu:

-Cấp Tỉnh:

-Cấp Ngành: Những đề tài của các đ/c đăng ký CSTĐ

-Cấp trường:

* Đề tài nghiên cứu 1 năm:

* Đề tài nghiên cứu 2 năm:

* Đề tài nghiên cứu đăng ký theo nhóm, cụ thể:

- Tổ: (nêu cụ thể tên các tác giả)

- Tổ:

* Thời gian hoàn thành và số lượng đề tài:

- Cấp trường:

- Hoàn thành sớm (đối với đăng ký CSTĐ):

- Cấp tỉnh (Hoàn thành theo yêu cầu của Sở KH&CN):

.....ngày....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị (Ký tên,
đóng dấu)

Đơn vị.....

Mẫu số 5

DANH SÁCH

Đề nghị công nhận Đề tài NGHIÊN CỨU KHSPUĐ (cơ sở, tỉnh)

TT	Họ và tên tác giả	Chức vụ, đơn vị công tác	Môn	Tên đề tài	Kết quả đánh giá của đơn vị (ghi bằng điểm và mức độ đạt: Đạt YC, khá, tốt)	Cấp đề nghị công nhận (cơ sở, tỉnh)
1						
2						
3						

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHSPƯD

Kính gửi: Hội đồng Khoa học cấp... (cơ sở, tỉnh)

Chúng tôi gồm các tác giả - đồng tác giả ghi tên dưới đây

Đề nghị công nhận đề tài :

.....

MÔ TẢ GIẢI PHÁP

A. Tóm tắt nội dung đề tài (sáng kiến)

.....

B. Tính mới:

.....

C. Khả năng áp dụng giải pháp:

.....

D. Hiệu quả dự kiến có thể thu được khi áp dụng giải pháp:

.....

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI HỖ TRỢ TẠO RA GIẢI PHÁP

TT	Họ và tên người hỗ trợ	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác hoặc nơi ở	Nội dung công việc hỗ trợ	Tỷ lệ % đóng góp vào việc hỗ trợ	Ký tên
1						
2						
3						

Tôi cam đoan những điều khai trong đơn là đúng sự thật
....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP ĐƠN

(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ý KIẾN

Phản biện của chuyên gia hoặc người thẩm định đề tài nghiên cứu KHSPUĐ

Tên đề tài

Đơn đăng ký sáng kiến số:.....ngày.....tháng.....năm..... nộp đơn.

Họ và tên tác giả:.....

Chức vụ, đơn vị:.....

Họ và tên, chức vụ, đơn vị công tác của người thẩm định

Kết quả xem xét đơn:

Tính khoa học trong cách thức trình bày:.....

Tính mới:.....

Khả năng áp dụng:.....

Lợi ích thu được.....

Kết luận đạt hay không đạt các tiêu chuẩn công nhận; mức độ đạt được (trung bình, khá, tốt, xuất sắc):.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

CẤP CƠ SỞ

(Hoặc Thủ trưởng đơn vị)

(Ký tên, đóng dấu)

Ngàytháng.....năm.....

CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN

(hoặc người thẩm định)

(Ký, ghi rõ họ tên)

